

曆南新

己酉年

1945



STANISLICH

8°
Indoch.
2695
(1945)

~~2770~~



At-Dau nien
Imprimerie de Hanoi
35 Rue du Colon



KEM, PHẤN, NƯỚC HOA,
== ĐỒ LÀM BẾP : ==
BẢNG NHÔM, BẢNG GANG
ĐỒ GỖM BÁT-TRÀNG
ĐỒ CHƠI THỂ THAO
GIẤY, ÁO, VÍ, GANTS DA.
SỈ GÀ "EROS", "VIRGINA"



CHÈ "QUỐC-THÁI"
CỦA KỸ NGHỆ HÓA
ĐÔNG-DƯƠNG ĐÃ ĐƯỢC
BẢNG KHEN ĐỀU CHUNG
BẦY BÁN BUÔN, BÁN
== LÊ TẠI : ==

ĐỨC - NGHI

(Nhà BÁT-TIÊN CŨ)

22, Phố Hàng Đào — Hanoi

== **Téléphone 690** ==

Cùng đọc - giả Tân - Nam - Lịch

Tân-Nam-Lịch bước sang năm Ất-Dậu đã vào năm thứ năm rồi. Một chứng - có được quốc-dân hoan-nghênh lắm, vì Tân - Nam - Lịch dùng được những điều lợi này :

1. Không dùng lịch bóc cũng có thể biết ngày Tây, ngày ta ;
2. Không dùng lịch Tàu hay lịch ta, cũng rõ ngày tốt ngày xấu ;
3. Mua một quyển lịch ngoại những điều cần tra - cứu thấy ngay, lại được hỏi hai lần về những điều pháp - luật, y-học, khoa - học, thú-y, vân vân, mà không phải trả tiền.

Lịch-Tân-Nam năm nào cũng có hai phần : phần thứ nhất có âm-lịch, dương-lịch đối chiếu ; phần thứ hai có đủ các mục mỗi năm lại đổi mới, không năm nào như năm nào.

Các bài đăng trong Lịch năm nay. — Cũng như các năm trước, những mục và những bài đăng trong Lịch năm Ất-Dậu, phần nhiều là soạn theo ý của độc - giả. Vậy, về năm Bình - Tuất, các ngài muốn đăng thêm mục gì hay bài gì, xin viết giấy cho bản-xã trước tháng bảy tây mới kịp thì-giờ soạn. Các ngài có bài gì soạn sẵn, xin cũng gửi cho trong hạn ấy.

Đăng quảng-cáo vào Tân-Nam-Lịch. — Những quảng - cáo đăng vào Lịch, xin gửi trước tháng chín tây theo như giá thương-lượng với bản-xã.

Mua buôn Tân-Nam-Lịch. — Các hiệu sách hay các hiệu khác có muốn mua buôn, xin viết thư thương - lượng với bản-xã trong khoảng tháng một tây, đừng trễ sang tháng chạp mới hỏi, nếu bán hết, lại phải đợi những chuyển in sau. Tiền hỏa-hồng nhiều ít tùy với số sách buôn.

Quyền-lợi của những nhà đọc Tân-Nam Lịch. — Các nhà đọc Tân-Nam-Lịch vẫn được quyền-lợi như mọi năm, nghĩa là mua lịch các năm cũ được trừ 30% theo thời-giá, có những điều gì cần hỏi đến, như pháp-luật, y-học, khoa-học, vân vân, được giải-đáp hai lần mà không mất tiền. Muốn hưởng quyền - lợi nào, chỉ việc cắt những cái phiếu in sẵn ở dưới kia mà gửi kèm đến. Những giấy xin giải - đáp về pháp-luật, y - học, khoa - học thì phải dính một cái phong - bì dán tem sẵn, đề địa-chỉ của mình, tem ấy và tem dán ngoài, phải theo giá-lệ của sở Bưu điện, hiện nay ít nhất là 15 xu.

Những bài đăng trong Lịch các năm cũ. — Đầu - đề những bài ấy có đăng ở những trang dưới kia, các ngài xem đó sẽ rõ mỗi năm một đổi mới, không năm nào giống năm nào.

Các thư-từ và mandat. — Thư - từ và mandat gửi cho bản-xã phải đề như sau này : M. Phạm-Hay-Định, Directeur - propriétaire de l'« Imprimerie de Hanoi », 85, Rue du Coton, Hanoi.

Tân - Nam - xã cần bạch

8° Indoch

~~2770~~ 2695 (1945)

乙酉年節候表

正月小		二月小		三月大		四月小	
雨水	初七日辰二刻九分	春分	初八日卯初二刻九分	穀雨	初九日酉正一刻五分	小滿	初十日酉正初刻二分
驚蟄	初二日卯正二刻九分	清明	二十三日巳正三刻十分	立夏	二十五日寅正二刻四分	芒種	二十六日巳初一刻十分
五月小		六月大		七月小		八月大	
夏至	十三日丑正二刻六分	大暑	十五日未初一刻十分	立秋	初二日卯初二刻八分	白露	初三日辰正二刻三分
小暑	二六日戌初三刻十分			處暑	十六日戌正二刻四分	秋分	十八日酉正初刻八分
九月大		十月大		十一月小		十二月大	
寒露	初四日子正一刻一分	立冬	初四日寅初初刻三分	大雪	初三日戌初二刻四分	小寒	初四日卯初三刻十分
霜降	十九日寅初初刻十分	小雪	十九日子正初刻十四分	冬至	十八日午正三刻十分	大寒	十六日夜子初初刻八分

1945
JANVIER

LUNDI

1

十一月大
THÁNG 11

NGÀY CANH NGỌ

18

Kiến : Binh tý, h. Thổ, s. Tâm.
trực Phá. Mọi việc không nên.

MARDI

NGÀY TÂN VY

2

19

h. Thổ, s. Vỹ, tr. Ngụy

Nên : Phạt mộc, đi săn

Kỵ : Trồng cây

MERCREDI

NGÀY NHÂM THÂN

3

20

h. Kim, s. Cơ, tr. Thành

Nên : Tế lễ, dâng biếu, vào

học, cầu tài, an táng.

JEUDI

NGÀY QUÝ DẬU

4

21

h. Kim, s. Dậu, tr. Thu

Nên : tắm gội, đi săn.

VENDBREDI

NGÀY GIÁP TUẤT

5

22

h. Hỏa, s. Ngưu, tr. Khai

Nên : Tế lễ, kết hôn, giá thú,

thượng lương, chăn nuôi.

SAMEDI

NGÀY ẤT HỢI

6

23

h. Thủy, s. Nữ, tr. Khai

Nguyệt kỵ - Tiểu hàn

Nên : Tế lễ, họp bạn, tắm gội

Kỵ : Trồng cây

DIMANCHE

NGÀY BÍNH TÝ

7

24

h. Thủy, s. Hư, tr. Bế

Nên : Tế lễ, tắm gội, an táng

Kỵ : châm chích

1945
JANVIER

LUNDI

8

十一月大
THÁNG 11

NGÀY ĐINH SỬU

25

h. Thủy, s. Ngụy, tr. Kiến

Mọi việc không nên

MARDI

NGÀY MẬU DẦN

9

26

h. Thổ, s. Thất, tr. Trừ

Nên : Tế lễ

MERCREDI

NGÀY KỶ MÃO

10

27

h. Thổ, s. Bính, tr. Mão,

Nên : Tế lễ

JEUDI

NGÀY CANH THÌN

11

28

h. Kim, s. Khuê, tr. Bình

Nên : Tế lễ

VENDBREDI

NGÀY TÂN TÝ

12

29

h. Kim, s. Lâu, tr. Định

Nên : Tế lễ

SAMEDI

NGÀY NHÂM NGỌ

13

30

h. Mộc, s. Vy, tr. Chấp

Nên : Tắm gội, phạt mộc

DIMANCHE

十二月大
THÁNG 12

NGÀY QUÝ VY

14

1

Kiến : Đinh sửu, h. Mộc
s. Mão, tr. Phá. Nên : Tế lễ

1945
JANVIER
LUNDI
15

十二月大
THÁNG 12
NGÀY GIÁP THÂN
2

h. Thủy, s. Tất, tr. Ngụy
Nên: Tế lễ, dâng biểu, thưởng
lượng, mở chợ, cầu tài, an táng

MARDI
16

NGÀY ẤT DẬU
3

h. Thủy, s. Chủy, tr. Thành
Nên: Tế lễ, nhập học.

MERCREDI
17

NGÀY BÍNH TUẤT
4

h. Thổ, s. Sâm, tr. Thu.
Nên: Tế lễ, đi săn.

JEUDI
18

NGÀY ĐINH HỢI
5

h. Thổ, s. Tinh, tr. Khai
Nguyệt - Ky
Nên: Tế lễ

VENDEDI
19

NGÀY MẬU TÝ
6

h. Hỏa, s. Quý, tr. Bế.
Nên: Tế lễ
Ky: Châm chích, động thổ

SAMEDI
20

NGÀY KỶ SỬU
7

h. Hỏa, s. Liêu, tr. Kiến
Đại - hàn
Ky: Xuất hành

DIMANCHE
21

NGÀY CANH DẦN
8

h. Mộc, s. Tinh, tr. Trừ
Nên: Dâng biểu, cầu quan, kết
hôn, cầu tài, an táng, khởi toán

1945
JANVIER
LUNDI
22

十二月大
THÁNG 12
NGÀY TÂN MÃO
9

h. Mộc, s. Trương, tr. Mãn
Nên: Tế lễ

MARDI
23

NGÀY NHÂM THÌN
10

h. Thủy, s. Đực, tr. Bình
Mọi việc không nên

MERCREDI
24

NGÀY QUÝ TÝ
11

h. Thủy, s. Châu, tr. Đinh
Nên: Kết hôn, hôn bạn, thưởng
lượng, cầu tài

JEUDI
25

NGÀY GIÁP NGỌ
12

h. Kim, s. Giáp, tr. Chấp
Nên: Tế lễ, tâm gọi, đi săn

VENDEDI
26

NGÀY ẤT VY
13

h. Kim, s. Can, tr. Phá
Nên: Tế lễ

SAMEDI
27

NGÀY BÍNH THÂN
14

h. Hỏa, s. Đê, tr. Ngụy
Nguyệt - ky
Nên: Tế lễ, tâm gọi

DIMANCHE
28

NGÀY ĐINH DẬU
15

h. Hỏa, s. Phòng, tr. Thành
Nên: Dâng biểu, cầu quan, vào
học, thưởng lượng, cầu
tài an táng

1948
JANVIER

LUNDI

29

H. Mộc, s. Tâm, tr. Thu
Nên : Tế lễ

十二月大
THÁNG 12

NGÀY MẬU TUẤT

16

1945
FÉVRIER

LUNDI

5

H. Hỏa, s. Ngụy, tr. Bình
Nên : Sửa đường
Nguyệt kỵ

十二月大
THÁNG 12

NGÀY ẤT TÝ

23

MARDI

30

H. Mộc, s. Vũ, tr. Khai
Nên : Tế lễ, nhập học, tắm gội

NGÀY KỶ HỢI

17

MARDI

6

H. Thủy, s. Thất, tr. Định
Nên : Tế lễ, dâng biếu, cầu quan
Kết hôn, giá thú, cầu tài, an táng.

NGÀY BÍNH NGỌ

24

MERCREDI

31

H. Thìn, s. Cơ, tr. Bế
Nên : Tế lễ, tắm gội, an táng,
khải toán

NGÀY CÂN H TÝ

18

MERCREDI

7

H. Thủy, s. Bính, tr. Chấp
Nên : Tế lễ, an táng

NGÀY ĐINH VỊ

25

FÉVRIER

JEUDI

1

H. Thổ, s. Dậu, tr. Kiến
Mọi việc không nên

NGÀY TÂN SỬU

19

JEUDI

8

H. Thổ, s. Khuê, tr. Phá
Nên : Tế lễ, tắm gội, sửa đường

NGÀY MẬU THÂN

26

VENDREDI

2

H. Kim, s. Ngưu, tr. Trừ
Nên : Tắm gội

NGÀY NHÂM DẦN

20

VENDREDI

9

H. Thổ, s. Lâu, tr. Ngụy
Mọi việc không nên

NGÀY KỶ DẬU

27

SAMEDI

3

H. Kim, s. Nữ, tr. Mão
Nên : Tế lễ
Kỵ : xuất hành

NGÀY QUÝ MÃO

21

SAMEDI

10

H. Kim, s. Vy, tr. Thành
Kỵ : Xuất hành

NGÀY CÂNH TUẤT

28

DIMANCHE

4

H. Hỏa, s. Hợi, tr. Mão
Lập xuân
Mọi việc không nên

NGÀY GIÁP THÌN

22

DIMANCHE

11

H. Kim, s. Mão, tr. Thìn
Nên : Tế lễ, dâng biếu, kết hôn,
thương lượng, mở chợ.

NGÀY TÂN HỢI

29

1945
FÉVRIER

LUNDI

12

H. Mộc, s. Tất, tr. Khai
Nên : Tế lễ tắm gội.

十二月大
THÁNG 12

NGÀY NHÂM TÝ

30

1945
FÉVRIER

LUNDI

19

H. Hỏa, s. Trương, tr. Chấp
Mọi việc không nên

正月小
THÁNG GIÊNG

NGÀY KỶ VY

7

NĂM ẤT - DẬU

正月小
THÁNG GIÊNG

MARDI

13

Kiến : Mậu-dần, H. Mộc, s. Chủy,
tr. Bế. Tết Nguyên đán
Mọi việc không nên

NGÀY QUÝ SỬU

1

MARDI

20

H. Mộc, s. Dực, tr. Phá
Mọi việc không nên
Vũ - thủy

NGÀY CANH THÂN

8

MERCREDI

14

H. Thủy, s. Sâm, tr. Kiến
Nên : họp bạn, lập khoán, cầu tài

NGÀY GIÁP DẦN

2

MERCREDI

21

H. Mộc, s. Chấn, tr. Ngụy
Mọi việc không nên

NGÀY TÂN DẬU

9

JEUDI

15

H. Thủy, s. Tĩnh, tr. Trừ
Nên : cầu quan, kết hôn.

NGÀY ẤT MÃO

3

JEUDI

22

H. Thủy, s. Giác, tr. Thành.
Nên : Tế lễ, họp bạn

NGÀY NHÂM TUẤT

10

VENREDI

16

H. Thổ, s. Quý, tr. Mão
Nên : Tế lễ, dâng biểu, cầu tài

NGÀY BÍNH THÌN

4

VENREDI

23

H. Thủy, s. Can, tr. Thu
Nên : Tế lễ.

NGÀY QUÝ HỢI

11

SAMEDI

17

H. Thổ, s. Liễu, tr. Bình
Nên : Tế lễ, sửa đường
Nguyệt kỵ

NGÀY ĐINH TÝ

5

SAMEDI

24

H. Kim, s. Đê, tr. Khai
Nên : Tế lễ, vào học, tắm gội.

NGÀY GIÁP TÝ

12

DIMANCHE

18

H. Hỏa, s. Tĩnh, tr. Định
Nên : Tế lễ, dâng biểu, cầu quan
họp bạn, xuất hành, mở chợ,
lập khoán, cầu tài.

NGÀY MẬU NGỌ

6

DIMANCHE

25

H. Kim, s. Phòng, tr. Bế
Mọi việc không nên

NGÀY ẤT SỬU

13

1945
FÉVRIER

LUNDI

26

H. Hỏa, s. Tâm, tr. Kiến

Nguyệt kỵ

Nên : Tắm gội, sửa đường

正月小
THÁNG GIÊNG

NGÀY BÍNH DẦN

14

1945
MARS

LUNDI

5

H. Kim, s. Nguy, tr. Nguy

Nên : Tế lễ, vào học, cầu quan
thượng lương

正月小
THÁNG GIÊNG

NGÀY QUÝ DẬU

21

MARDI

27

H. Hỏa, s. Vỹ, tr. Trừ
Nên : Tế lễ, dâng biếu, kết hôn
Xuất hành

NGÀY ĐINH MÃO

15

MARDI

6

H. Hỏa, s. Thất, tr. Nguy

Kinh trập

Nên : Tế lễ, cầu tài.

NGÀY GIÁP TUẤT

22

MERCREDI

28

H. Mộc, s. Cơ, tr. Mãn

Nên : Tế lễ

Kỵ : Xuất hành

NGÀY MẬU THÌN

16

MERCREDI

7

H. Hỏa, s. Bích, tr. Thành

Nguyệt kỵ

Mọi việc không nên

NGÀY ẤT HỢI

23

MARS

JEUDI

1

H. Mộc, s. Đẩu, tr. Bình

Mọi việc không nên

NGÀY KỶ TỴ

17

JEUDI

8

H. Thủy, s. Khuê, tr. Thu

Nên : Tế lễ

Kỵ : Xuất hành

NGÀY BÍNH TÝ

24

VENDREDI

2

H. Thổ, s. Ngưu, tr. Đinh
Nên : Tế lễ, giá thú, họp bạn, cầu tài;

NGÀY CANH NGỌ

18

VENDREDI

9

H. Thủy, s. Lâu, tr. Khai
Nên : Tế lễ, dâng biếu, cầu quan

NGÀY ĐINH SỬU

25

SAMEDI

3

H. Thổ, s. Nữ, tr. Chấp

Nên : Tế lễ, tắm gội.

NGÀY TÂN VỊ

19

SAMEDI

10

H. Thổ, s. Vỹ, tr. Bế
Nên : Lập khoán, cầu tài
nuôi súc vật, an táng

NGÀY MẬU DẦN

26

DIMANCHE

4

H. Kim, s. Hư, tr. Phá

Nên : Tế lễ, dâng biếu
cầu tài, xuất hành

NGÀY NHÂM THÂN

20

DIMANCHE

11

H. Thổ, s. Mão, tr. Kiến

Mọi việc không nên

NGÀY KỶ MÃO

27

1948

MARS

LUNDI

12

正月小

THÁNG GIÊNG

NGÀY CANH THÌN

28

H. Kim, s. Tắt, tr. Trừ
Nên : Tắm gội, giao dịch
Ky : chầu chích

MARDI

NGÀY TÂN TÝ

13

29

H. Kim, s. Chủy, tr. Mãn
Nên : Tế lễ
Ky : Xuất hành

MERCREDI

NGÀY NHÂM NGỌ

14

1

Kiến : Kỷ-mão H. Mộc, s. Sâm, tr.
Bình. Nên : Tế lễ, sửa đường
Ky : Trồng cây

JEUDI

NGÀY QUÝ VY

15

2

H. Mộc, s. Tinh, tr. Định
Mọi việc không nên

VENREDI

NGÀY GIÁP THÂN

16

3

H. Thủy, s. Quý, tr. Cháp
Nên : Tế lễ, tắm gội
Ky : xuất hành.

SAMEDI

NGÀY ẤT DẬU

17

4

H. Thủy, s. Liên, tr. Phá
Ky : Trồng cây.

DIMANCHE

NGÀY BÍNH TUẤT

18

5

H. Thổ, s. Tinh, tr. Nguy
Nguyệt kỵ
Nên : tế lễ

1945

MARS

LUNDI

19

二月小

THÁNG 2

NGÀY ĐINH HỢI

6

H. Thổ, s. Trương, tr. Thành
Nên : Tế lễ, dâng biếu, cầu quan,
tắm gội.

MARDI

NGÀY MẬU TÝ

20

7

H. Hỏa, s. Dục, tr. Thu
Mọi việc không nên

MERCREDI

NGÀY KỶ SỬU

21

8

H. Hỏa, s. Chấn, tr. Khai
Xuân phân

JEUDI

NGÀY CANH DẦN

22

9

H. Mộc, s. Dác, tr. Bế
Nên : Lập khoán, giao dịch
cầu tài.

VENREDI

NGÀY TÂN MÃO

23

10

H. Mộc, s. Cấn, tr. Kiến
Nên : Tế lễ, họp bạn

SAMEDI

NGÀY NHÂM THÌN

24

11

H. Thủy, s. Đê, tr. Trừ
Nên : cầu quan, xuất hành, tắm gội

DIMANCHE

NGÀY QUÝ TÝ

25

12

H. Thủy, s. Phóng, tr. Mãn
Nên : Tế lễ, họp bạn, kinh lạc,
mở chợ, cầu tài

1945

MARS

LUNDI

26

二月小

THÁNG 2

NGÀY GIÁP NGỌ

13

h. Kim, s. Tâm, tr. Bình

Nên : Tế lễ, sửa đường

MARDI

27

NGÀY ẤT VY

14

h. Kim, s. Vy, tr. Định

Nguyệt kỵ.

MERCREDI

28

NGÀY BÍNH THÂN

15

h. Hỏa, s. Cơ, tr. Chấp

Nên : Tế lễ, tắm gội, sửa đường

JEUDI

29

NGÀY ĐINH DẬU

16

h. Hỏa, s. Dậu, tr. Phá

Mọi việc không nên

VENDBEDI

30

NGÀY MẬU T UẤT

17

h. Mộc, s. Ngưu, tr. Ngụy

Mọi việc không nên

SAMEDI

31

NGÀY KỶ HỢI

18

h. Mộc, s. Nữ, tr. Thành

Nên : Tế lễ, tắm gội, xuất hành

AVRIL

DIMANCHE

1

NGÀY CANH TÝ

19

h. Thổ, s. Hư, tr. Thu

Nên : Tế lễ, họp báo, tắm gội

1945

AVRIL

LUNDI

2

二月小

THÁNG HAI

NGÀY TÂN SỬU

20

h. Thổ, s. Ngưu, tr. Khai

Nên : Tế lễ, cần tài, bổ tróc

MARDI

3

NGÀY NHÂM DẦN

21

h. Kim, s. Thất, tr. Bế

Nên : Đăng biểu, vào học, kết

hôn, xuất học, thưởng lương

MERCREDI

4

NGÀY QUÝ MÃO

22

h. Kim, s. Bính, tr. Kiến

Nên : Tế lễ

Kỵ : châm chích

JEUDI

5

NGÀY GIÁP THÌN

23

h. Hỏa, s. Khue, tr. Kiến

Thanh minh

Kỵ : Động thổ, Nguyệt kỵ

VENDBEDI

6

NGÀY ẤT TỶ

24

h. Hỏa, s. Lâm, tr. Trừ

Nên : tế lễ

Kỵ : Trồng cây

SAMEDI

7

NGÀY BÍNH NGỌ

25

h. Thủy, s. Vy, tr. Mão

Nên : Tế lễ

DIMANCHE

8

NGÀY ĐINH VY

26

h. Thủy, s. Mão, tr. Bính

Nên : sửa đường

1945	二月 小
AVRIL	THÁNG HAI
LUNDI	NGÀY MẬU THÂN
9	27
h. Thổ, s. Tất, tr. Đinh	
Nên : Tắm gội	

MARDI	NGÀY KỶ DẬU
10	28
h. Thổ, s. Chủy, tr. Chấp	
Nên : Tế lễ, tắm gội	

MERCREDI	NGÀY CANH TUẤT
11	29
h. Kim, s. Sâm, tr. Phá	
Nên : Tế lễ	

JEUDI	THÁNG BA
12	1
KIẾN : Canh-thìn, h. Kim, s. Tỉnh	
tr. Nguy. Nên : họp bạn, an	
sàng, cầu tài	

VENDREDI	NGÀY NHÂM TÝ
13	2
h. Mộc, s. Quý, tr. Thành	
Nên : Tế lễ, dâng biếu, cầu quan	
vào học, cầu tài	

SAMEDI	NGÀY QUÝ SỬU
14	3
h. Mộc, s. Liễu, tr. Thu	
Nên : Tế lễ, nạp tài	

DIMANCHE	NGÀY GIÁP DẦN
15	4
h. Thủy, s. Tính, tr. Khai	
Nên : dâng biếu, cầu quan	
vào học, họp bạn	

1945	三月 大
AVRIL	THÁNG BA
LUNDI	NGÀY ẤT MÃO
16	5
h. Thủy, s. Trương, tr. Bế	
Mọi việc không nên	
Nguyệt kỵ	

MARDI	NGÀY BÍNH THÌN
17	6
h. Thổ, s. Đực, tr. Kiến	
Nên : Tế lễ	

MERCREDI	NGÀY ĐINH TÝ
18	7
h. Thổ, s. Chấn, tr. Trừ	
Nên : Tế lễ, dâng biếu, thượng	
quan, cầu tài, nuôi súc vật	

JEUDI	NGÀY MẬU NGỌ
19	8
h. Hỏa, s. Dác, tr. Mãn	
Nên : Tế lễ	

VENDREDI	NGÀY KỶ VY
20	9
h. Hỏa, s. Can, tr. Bình	
Cốc vũ	
Mọi việc không nên	

SAMEDI	NGÀY CANH THÂN
21	10
h. Mộc, s. Đê, tr. Đinh	
Nên : Tế lễ, tắm gội	

DIMANCHE	NGÀY TÂN DẬU
22	11
h. Mộc, s. Phòng, tr. Chấp	
Nên : Tế lễ, tắm gội, sửa đường	

1945

AVRIL

LUNDI

23

三月大

THÁNG BA

NGÀY NHÂM TUẤT

12

h. Thủy, s. Tâm, tr. Phá

Nên : Tế lễ, tắm gội.

1945

AVRIL

LUNDI

30

三月大

THÁNG BA

NGÀY KỶ TỶ

19

h. Mộc, s. Ngụy, tr. Trừ

Mọi việc không nên

MARDI

24

NGÀY QUÝ HỢI

13

h. Thủy, s. Vỹ, tr. Ngụy

Mọi việc không nên

MAI

MARDI

1

NGÀY CANH NGO

20

h. Thổ, s. Thất, tr. Mão

Nên : Tế lễ

MERCREDI

25

NGÀY GIÁP TÝ

14

h. Kim, s. Cơ, tr. Thành

Nguyệt kỵ

Nên : Tế lễ

MERCREDI

2

NGÀY TÂN VỊ

21

h. Thổ, s. Bính, tr. Bình

Nên : Tế lễ, cầu quan, cầu tài
thượng lương

JEUDI

26

NGÀY ẤT SỬU

15

h. Kim, s. Dậu, tr. Thu

Nên : Tế lễ

JEUDI

3

NGÀY NHÂM THÂN

22

h. Kim, s. Khuê, tr. Đinh

Nên : Tế lễ tắm gội

VENDREDI

27

NGÀY BÍNH DẦN

16

h. Hỏa, s. Ngưu, tr. Khai

Nên : Dâng biếu, cầu quan

VENDREDI

4

NGÀY QUÝ DẬU

23

h. Kim, s. Lâu, tr. Chấp

Nguyệt kỵ

SAMEDI

28

NGÀY ĐINH MÃO

17

h. Hỏa, s. Nữ, tr. Bế

Nên : Tế lễ

SAMEDI

5

NGÀY GIÁP TUẤT

24

h. Hỏa, s. Vỹ, tr. Phá

Nên : Tế lễ

DIMANCHE

29

NGÀY MẬU THÌN

18

h. Mộc, s. Hư, tr. Kiến

Kỵ : Xuất hành

DIMANCHE

6

NGÀY ẤT HỢI

25

h. Hỏa, s. Mão, tr. Phá

Lập Hạ

Nên : Tế lễ

1945

MAI

LUNDI

7

h. Thủy, s. Tất, tr. Nguy.
Nên : Tế lễ, xuất hành

三月大

THÁNG BA

NGÀY BÍNH TÝ

26

1945

MAI

LUNDI

14

h. Mộc, s. Trương tr. Mãn
Nên : Tế lễ, sửa đường

四月小

THÁNG TƯ

NGÀY QUÝ VY

3

MARDI

8

h. Thủy, s. Chủy, tr. Thành
Nên : Nhập học, xuất hành

NGÀY ĐINH SỬU

27

MARDI

15

h. Thủy, s. Dực, tr. Bình
Nên : Tế lễ, tắm gội

NGÀY GIÁP THÂN

4

MERCREDI

9

h. Thổ, s. Sâm, tr. Thu
Nên : Mở chợ, lập khoán

NGÀY MẬU DẦN

28

MERCREDI

16

h. Thổ, s. Chấn, tr. Đinh
Nguyệt kỵ
Nên : Tế lễ

NGÀY ẤT DẬU

5

JEUDI

10

h. Thổ, s. Tỉnh, tr. Khai
Nên : Tế lễ, vào học, xuất hành
an táng

NGÀY KỶ MÃO

29

JEUDI

17

h. Thổ, s. Đác, tr. Chấp
Nên : Tế lễ, họp bạn, tắm
gội, bỏ tróc

NGÀY BÍNH TUẤT

6

VENDREDI

11

h. Kim, s. Quý, tr. Bế
Nên : Tế lễ. Kỵ : Châm chích,
trồng cây

NGÀY CANH THÌN

30

VENDREDI

18

h. Thổ, s. Can, tr. Phá
Nên : Tế lễ, tắm gội, cầu tài,
thượng lương

NGÀY ĐINH HỢI

7

SAMEDI

12

KIỆN : Tân ty, h. Kim, s. Liễu,
tr. Kiển : Nên : Tế lễ, dâng biểu

四月小

THÁNG TƯ

NGÀY TÂN TÝ

1

SAMEDI

19

h. Hỏa, s. Đê, tr. Nguy
Nên : Tế lễ, họp bạn, kết hôn

NGÀY MẬU TÝ

8

DIMANCHE

13

h. Mộc, s. Tỉnh, tr. Trừ
Nên : Tế lễ, cầu quan, cầu tài
xuất hành

NGÀY NHÂM NGỌ

2

DIMANCHE

20

h. Hỏa, s. Phòng, tr. Thành
Nên : Tế lễ

NGÀY KỶ SỬU

9

1945 MAI LUNDI 21	四月小 THÁNG TƯ NGÀY CANH DẦN 10
h. Mộc. s. Tâm, tr. Thu Tiểu mãn Nên : Hạp bạn	
MARDI 22	NGÀY TÂN MÃO 11
h. Mộc. s. Vỹ, tr. Khai Nên : Tế lễ, kỵ : Xuất hành	
MERCREDI 23	NGÀY NHÂM THÌN 12
h. Thủy, s. Cơ, tr. Bế Mọi việc không nên	
JEUDI 24	NGÀY QUÝ TỶ 13
h. Thủy, s. Đẩu, tr. Kiến Nên : Cầu quan, hạp bạn, tắm gội. Kỵ : Trồng cây	
VENDREDI 25	NGÀY GIÁP NGỌ 14
h. Kim, s. Ngưu, tr. Trừ Nguyệt kỵ Nên : Tế lễ	
SAMEDI 26	NGÀY ẤT VY 15
h. Kim, s. Nữ, tr. Mão Nên : Tế lễ	
DIMANCHE 27	16 NGÀY BÌNH THÂN
h. Hỏa, s. Hư, tr. Bình Nên : Tế lễ, tắm gội, sửa đường sá	

1945 MAI LUNDI 28	四月小 THÁNG TƯ NGÀY ĐINH DẬU 17
h. Hỏa, s. Ngụy, tr. Đinh Nên : cầu quan, kết hôn, xuất hành, cầu tài, an táng	
MARDI 29	NGÀY MAU TUẤT 18
h. Mộc, s. Thất, tr. Chấp Nên : Tế lễ, tắm gội Kỵ : Xuất hành, trồng cây	
MERCREDI 30	NGÀY KỶ HỢI 19
h. Mộc, s. Bích, tr. Phá Nên : Tế lễ, kết hôn, cầu quan, thượng lương	
JEUDI 31	NGÀY CANH TÝ 20
h. Thổ, s. Khuê, tr. Ngụy Nên : Tế lễ, dâng biếu, lập khoán, nuôi súc vật	
JUIN VENDREDI 1	NGÀY TÂN SỬU 21
h. Thổ, s. Lâu, tr. Thành Nên : Tế lễ	
SAMEDI 2	NGÀY NHÂM DẦN 22
h. Kim, s. Vỹ, tr. Thu. Nên : dâng biếu, vào học, kết hôn, thượng lương	
DIMANCHE 3	NGÀY QUÝ MÃO 23
h. Kim, s. Mão, tr. Khai Nguyệt kỵ Nên : Tế lễ	

1945

JUIN

LUNDI

4

h. Hỏa, s. Tất, tr. Bế.

Nên : tế lễ.

四月小
THÁNG TƯ
NGÀY GIÁP THÌN

24

MARDI

NGÀY ẤT TÝ

5

25

h. Hỏa, s. Chủy, tr. Kiến

Mọi việc không nên

MERCREDI

NGÀY BÍNH NGỌ

6

26

h. Thủy, s. Sâm, tr. Kiến

Mang thực

Nên : tế lễ, vào học, cầu quan,
cầu tài.

JEUDI

NGÀY ĐINH VY

7

27

h. Thủy, s. Tinh, tr. Trừ

Nên : Dâng biếu, thưởng lương,
xuất hành.

VENDREDI

NGÀY MẬU THÂN

8

28

h. Thổ, s. Quý, tr. Mãn

Nên : Tế lễ, sửa đường

SAMEDI

NGÀY KỶ DẬU

9

29

h. Thổ, s. Liễu, tr. Bình

Nên : tế lễ, tắm gội

sửa đường, an táng

五月小
THÁNG NĂM

DIMANCHE

NGÀY CANH TUẤT

10

1

Kiến : Nhâm Ngọ

h. Kim, s. Tinh, tr. Định

Nên : Tế lễ, dâng biếu, cầu quan

1945

JUIN

LUNDI

11

h. Kim, s. Trương, tr. Chấp

Nên : tế lễ, tắm gội

五月小
THÁNG NĂM
NGÀY TÂN HỢI

2

MARDI

NGÀY NHÂM TÝ

12

3

h. Mộc, s. Dực, tr. Phá

Nên : tế lễ. Kỵ : xuất hành

MERCREDI

NGÀY QUÝ SỬU

13

4

h. Mộc, s. Chấn, tr. Nguy

Mọi việc không nên.

JEUDI

NGÀY GIÁP DẦN

14

5

h. Thủy, s. Dác, tr. thành

Nguyệt kỵ

VENDREDI

NGÀY ẤT MÃO

15

6

h. Thủy, s. Cáp, tr. Thu.

Nên : tế lễ. Kỵ : xuất hành

SAMEDI

NGÀY BÍNH-TIẾN

16

7

h. Thổ, s. Đê, tr. Khai

Nên : tế lễ, vào học, kết hôn,
thưởng lương

DIMANCHE

NGÀY ĐINH TÝ

17

8

h. Thổ, s. Phòng, tr. Bế

Nên : tế lễ

Kỵ : trồng cây.

1945

JUIN

LUNDI

18

五月小

THÁNG NĂM

NGÀY MẬU NGỌ

9

h. Hỏa, s. Tâm, tr. Kiến

Mọi việc không nên

MARDI

NGÀY KỶ VY

19

10

H. Hỏa, s. Vỹ, tr. Trừ

Nên : Tế lễ, họp bạn,
xuất hành, thưởng lương

MERCREDI

NGÀY CANH THÂN

20

11

h. Mộc, s. Cơ, tr. Mãn

Nên : Tế lễ, tắm gội

JEUDI

NGÀY TÂN LẬU

21

12

h. Mộc, s. Đẩu, tr. Bình

Mọi việc không nên

VENDBEDI

NGÀY NHÂM TUẤT

22

13

h. Thủy, s. Ngưu, tr. Định

Hạ chí

Nên : tế lễ

SAMEDI

NGÀY QUÝ HỢI

23

14

h. Thủy, s. Nữ, tr. Chấp

Nguyệt kỵ

Nên : tế lễ

DIMANCHE

NGÀY GIÁP TÝ

24

15

h. Kim, s. Hư, tr. Phá

Nên : tế lễ

1945

JUIN

LUNDI

25

五月小

THÁNG NĂM

NGÀY ẤT SỬU

16

h. Kim, s. Ngưu, tr. Ngự
Nên : dâng biếu, cầu quan,
cầu tài, an táng

MARDI

NGÀY BÍNH DẦN

26

17

h. Hỏa, s. Thất, tr. Thành
Nên : vào học, xuất hành, cầu tài,
trưởng lương

MERCREDI

NGÀY ĐINH MÃO

27

18

h. Hỏa, s. Bính, tr. Thu

Nên : tế lễ

JEUDI

NGÀY MẬU THÌN

28

19

h. Mộc, s. Khuê, tr. Khai
Nên : tế lễ, dâng biếu, cầu quan,
xuất hành, họp bạn.

VENDBEDI

NGÀY KỶ TỴ

29

20

h. Mộc, s. Lâu, tr. Bế

Nên : tế lễ

SAMEDI

NGÀY CANH NGỌ

30

21

h. Thổ, s. Vỹ, tr. Kiến

Mọi việc không nên

JUILLET

DIMANCHE

1

NGÀY TÂN VY

22

h. Thổ, s. Mão, tr. Trừ

Nên : tế lễ, xuất hành, thưởng lương

1945
JUILLET
LUNDI

2

五月小
THÁNG NĂM
NGÀY NHÂM THÂN

23

h. Kim, s. Tất, tr. Mão

Nguyệt kỵ

Mọi việc không nên

MARDI
NGÀY QUI DẬU

3

24

h. Kim, s. Quý, tr. Bình

Nên : lễ lễ, tắm gội.

Kỵ : châm chích

MERCREDI
NGÀY GIÁP TUẤT

4

25

h. Hỏa, s. Sâm, tr. Đinh

Nên : Tế lễ

JEUDI
NGÀY ẤT HỢI

5

26

h. Hỏa, s. Tỉnh, tr. Chấp

Nên : Tắm gội, thưởng lương,
cầu quan, cầu tài

VENREDI
NGÀY BÍNH TÝ

6

27

h. Thủy, s. Quý, tr. Phá

Nên : Tế lễ. Kỵ : Xuất hành

SAMEDI
NGÀY ĐINH SỬU

7

28

h. Thủy, s. Liêu, tr. Phá

Tiểu thử

Nên : Tế lễ, cầu tài.

DIMANCHE
NGÀY MẬU DẦN

8

29

h. Thổ, s. Tỉnh, tr. Ngụy

Mọi việc không nên

1945
JUILLET
LUNDI

9

六月大
THÁNG SÁU
NGÀY KỶ MÃO

1

KIỆN : Quý vy, h. Thổ, s. Trương
tr. Thành. Nên : Tế lễ, dâng biểu
thượng quan.

MARDI
NGÀY CANH THÌN

10

2

h. Kim, s. Dực, tr. Thu

Nên : Tắm gội

MERCREDI
NGÀY TÂN TỶ

11

3

h. Kim, s. Chấn, tr. Khai

Nên : Tế lễ

JEUDI
NGÀY NHÂM NGỌ

12

4

h. Mộc, s. Dác, tr. Bế

Nên : Kinh lạc, an táng

VENREDI
NGÀY QUÝ VY

13

5

h. Mộc, s. Can, tr. Kiến

Nguyệt kỵ

Nên : Tế lễ

SAMEDI
NGÀY GIÁP THÂN

14

6

h. Thủy, s. Đế, tr. Trừ

Nên : Tế lễ, tắm gội

DIMANCHE
NGÀY ẤT DẬU

15

7

h. Thủy, s. Phòng, tr. Mão

Nên : Tế lễ

1945
JUILLET

LUNDI

16

h. Thổ, s. Tâm, tr. Bình
Mọi việc không nên

MARDI

17

h. Thổ, s. Vũ, tr. Đinh
Mọi việc không nên

MERCREDI

18

h. Hỏa, s. Cơ, tr. Chấp
Nên : Thương lương, cầu tài,
an táng

JEUDI

19

h. Hỏa, s. Đầu, tr. Phá
Nên : Tế lễ. Kỵ : Trồng cây,

VENREDI

20

h. Mộc, s. Ngưu, tr. Ngụy
Nên : Dâng biểu, phá khoán,
xuất hành

SAMEDI

21

h. Mộc, s. Nữ, tr. Thành
Nên : Tế lễ, dâng biểu, cầu quan
vào học, cầu tài

DIMANCHE

22

h. Thủy, s. Hư, tr. Thu
Nên : Tế lễ. Nguyệt kỵ
Kỵ : Xuất hành, trồng cây

六月大
THÁNG SÁU
NGÀY BÌNH TUẤT

8

1945
JUILLET

LUNDI

23

h. Thủy, s. Ngụy, tr. Khai
Đại thử
Nên : Tế lễ, vào học

MARDI

24

h. Kim, s. Thất, tr. Bế
Nên : An táng

MERCREDI

25

h. Kim, s. Bích, tr. Kiến
Nên : Tế lễ. Kỵ : Xuất hành

JEUDI

26

h. Hỏa, s. Khuê, tr. Trừ
Nên : Tế lễ, tẩm gội

VENREDI

27

h. Hỏa, s. Lâu, tr. Mãn
Nên : Tế lễ, tẩm gội,
Kỵ : Châm chích

SAMEDI

28

h. Mộc, s. Vy, tr. Bình
Nên : Tế lễ. Kỵ : Xuất hành,
trồng cây

DIMANCHE

29

h. Mộc, s. Mão, tr. Đinh
Nên : Tế lễ, dâng biểu, cầu
quan, thương lương

六月大
THÁNG SÁU
NGÀY QUÝ TỶ

15

MARDI

16

MERCREDI

17

JEUDI

18

VENREDI

19

SAMEDI

20

DIMANCHE

21

1945
JUILLET

LUNDI

30

大月大
THÁNG SÁU

NGÀY CANH TÝ

22

h. Thổ, s. Tất, tr. Chấp
Nên : Tâm gọi.

MARDI

NGÀY TÂN SỬU

31

23

h. Thổ, s. Chủy, tr. Phá
Nguyệt - kỵ
Mọi việc không nên

AOÛT

MERCREDI

1

NGÀY NHÂM DẦN

24

h. Kim, s. Sâm, tr. Nguy
Nên : Dâng biểu, cầu quan

JEUDI

NGÀY QUÝ MÃO

2

25

h. Kim, s. Tỉnh, tr. Thành
Nên : Vào học, thương lương

VENDREDI

NGÀY GIÁP THÌN

3

26

h. Hỏa, s. Quý, tr. Thu
Nên : Tế lễ, vào học

SAMEDI

NGÀY ẤT TÝ

4

27

h. Hỏa, s. Liễu, tr. Khai
Mọi việc không nên

DIMANCHE

NGÀY BÍNH NGỌ

5

28

h. Thủy, s. Tinh, tr. Bế
Nên : Tế lễ
Nguyệt kỵ.

1945
AOÛT

LUNDI

6

大月大
THÁNG SÁU

NGÀY ĐINH VY

29

h. Thủy, s. Trương, tr. Kiến
Nên : Tế lễ, cầu quan, xuất hành

MARDI

NGÀY MẬU THÂN

7

30

h. Thổ, s. Dục, tr. Trừ
Nên : Tế lễ
Kỵ : xuất hành

MERCREDI

七月小
THÁNG BẢY

NGÀY KỶ DẬU

8

1

KIẾN : Giáp-tuân, h. Thổ, s. Chấn,
tr. Trừ. Nên : tắm gội, phá thổ,
an táng

JEUDI

NGÀY CANH TUẤT

9

2

h. Kim, s. Dục, tr. Mão.
Nên : dâng biểu, họp bạn,
nuôi súc vật.

VENDREDI

NGÀY TÂN HỢI

10

3

h. Kim, s. Cẩu, tr. Bình.
Nên : tế lễ, tắm gội, sửa đường

SAMEDI

NGÀY NHÂM TÝ

11

4

h. Mộc, s. Đê, tr. Đinh
Nên : tế lễ, kết hôn, thương lương,
cầu tài, an táng

DIMANCHE

NGÀY QUÝ SỬU

12

5

h. Mộc, s. Phòng, tr. Chấp
Nên : tế lễ.
Nguyệt kỵ.

1945 AOUT LUNDI 13 h. Thủy, s. Tâm, tr. Phá Mọi việc không nên	七月小 THÁNG BẢY NGÀY GIÁP DẦN 6
MARDI 14 h. Thủy, s. Vỹ, tr. Ngụy Mọi việc không nên	NGÀY ẤT MÃO 7
MERCREDI 15 h. Thổ, s. Cơ, tr. Thành Nên : tế lễ, vào học Kỵ : chàm chích.	NGÀY BÍNH-THÂN 8
JEUDI 16 h. Thổ, s. Dậu, tr. Thu. Nên : Tế lễ, dâng biếu, cầu quan	NGÀY ĐINH TÝ 9
VENDREDI 17 h. Hỏa, s. Ngưu, tr. Khai Nên : tế lễ, dâng biếu, vào học, kết hôn, thưởng lương	NGÀY MẬU NGỌ 10
SAMEDI 18 h. Hỏa, s. Nữ, tr. Bế Mọi việc không nên	NGÀY KỶ VY 11
DIMANCHE 19 h. Mộc, s. Hư, tr. Kiến Nên : Tâm gọi, an táng	NGÀY CANH THÂN 12

1945 AOUT LUNDI 20 h. Mộc, s. Ngụy, tr. Trừ Nên : tâm gọi, phá thổ, an táng	七月小 THÁNG BẢY NGÀY TÂN DẬU 13
MARDI 21 h. Thủy, s. Thất, tr. Mãn Nguyệt kỵ Nên : tế lễ.	NGÀY NHÂM TUẤT 14
MERCREDI 22 h. Thủy, s. Bính, tr. Bình Nên : tế lễ, sửa đường	NGÀY QUÝ HỢI 15
JEUDI 23 h. Kim, s. Khuê, tr. Định Xử tử Nên : tế lễ, dâng biếu	NGÀY GIÁP TÝ 16
VENDREDI 24 h. Kim, s. Lâu, tr. Chấp Nên : họp bạn, nuôi súc vật.	NGÀY ẤT SỬU 17
SAMEDI 25 h. Hỏa, s. Vỹ, tr. Phá Nên : dâng biếu Kỵ : xuất hành, trồng cây	NGÀY BÍNH DẦN 18
DIMANCHE 26 h. Hỏa, s. Mão, tr. Ngụy Nên : Tế lễ, dâng biếu, kết hôn, xuất hành.	NGÀY ĐINH MÃO 19

1945

AOUT

LUNDI

27

h. Mộc, s. Tất, tr. Thành

Nên : tế lễ, họp bạn.

七月小

THÁNG BẢY

NGÀY MẬU THÌN

20

1945

SEPTEMBRE

LUNDI

3

h. Hỏa, s. Trương, tr. Bình

Nên : Tế lễ, xuất hành

七月小

THÁNG BẢY

NGÀY ẤT HỢI

27

MARDI

28

h. Mộc, s. Chủy, tr. Thu.

Nên : tế lễ, cầu quan, họp bạn,

nuôi súc vật

21

NGÀY KỶ TỶ

MARDI

4

h. Thủy, s. Dực, tr. Định

Nên : Tế lễ, tâm gọi

NGÀY BÌNH TỶ

28

MERCREDI

29

h. Thổ, s. Sâm, tr. Khai

Nên : Tế lễ, vào học

NGÀY CANH NGỌ

22

MERCREDI

5

h. Thủy, s. Chấn, tr. Chấp

Nên : Họp bạn

NGÀY ĐINH SỬU

29

JEUDI

30

h. Thổ, s. Tinh, tr. Bế

Nguyệt kỵ

Mọi việc không nên

NGÀY TÂN VY

23

JEUDI

6

Kiến : Ất-đậu, h. Thổ, s. Giác, tr.

Phá. Nên : Tâm gọi, bỏ tróc

八月大

THÁNG TÁM

NGÀY MẬU DẦN

1

VENREDI

31

h. Kim, s. Quý, tr. Kiến

Nên : Tế lễ, dâng biểu, cầu quan, thương lương, cầu tài, an táng.

NGÀY NHÂM THÂN

24

VENREDI

7

h. Thổ, s. Can, tr. Ngụy

Nên : Tế lễ. Kỵ : Xuất hành

NGÀY KỶ MÃO

2

SEPTEMBRE

SAMEDI

1

h. Kim, s. Liễu, tr. Trừ.

Nên : Tế lễ, kết hôn, xuất hành, nuôi súc vật.

NGÀY QUI DẬU

25

SAMEDI

8

h. Kim, s. Đê, tr. Ngụy

Bạch lộ

NGÀY CANH THÌN

3

DIMANCHE

2

h. Hỏa, s. Tinh, tr. Mão

Dâng biểu, họp bạn.

NGÀY GIÁP TUẤT

26

DIMANCHE

9

h. Kim, s. Phòng, tr. Thành

Nên : Tế lễ

NGÀY TÂN TỶ

4

1945
SEPTEMBRE

LUNDI

10

h. Mộc, s. Tâm, tr. Thu
Nên : Tế lễ,
Nguyệt kỵ

MARDI

11

h. Mộc, s. Vỹ, tr. Khai
Nên : Tế lễ
Kỵ : Xuất hành

MERCREDI

12

h. Thủy, s. Cơ, tr. Bế
Nên : Tế lễ, tắm gội, cầu tài,
nuôi súc vật.

JEUDI

13

h. Thủy, s. Đẩu, tr. Kiến
Nên : Tế lễ, tắm gội

VENDREDI

14

h. Thổ, s. Ngưu, tr. Trừ
Nên : Tế lễ, cầu quan, xuất hành,
tắm gội, trồng cây

SAMEDI

15

h. Thổ, s. Nữ, tr. Mãn
Nên : Tế lễ
Kỵ : Châm chích

DIMANCHE

16

h. Hỏa, s. Khue, tr. Bình
Nên : Tế lễ, sửa đường

八月大
THÁNG TÂM
NGÀY NHÂM NGỌ

5

1945
SEPTEMBRE

LUNDI

17

h. Hỏa, s. Nguy, tr. Định
Mọi việc không nên.
Kỵ : Xuất hành

MARDI

18

h. Mộc, s. Thất, tr. Chấp
Nên : Tắm gội
Kỵ : Châm chích, trồng cây

MERCREDI

19

h. Mộc, s. Bích, tr. Phá
Nguyệt kỵ

JEUDI

20

h. Thủy, s. Khuê, tr. Nguy
Nên : Tế lễ

VENDREDI

21

h. Thủy, s. Lâu, tr. Thành
Nên : Tế lễ, dâng biếu, cầu
quan, vào học, thưởng lương,
an táng

SAMEDI

22

h. Kim, s. Vỹ, tr. Thu
Mọi việc không nên
Kỵ : Xuất hành

DIMANCHE

23

h. Kim, s. Mão, tr. Khai
Thu phân
Nên : Tế lễ, vào học, cầu tài

八月大
THÁNG TÂM
NGÀY KỶ SỬ

12

MARDI

13

MERCREDI

14

JEUDI

15

VENDREDI

16

SAMEDI

17

DIMANCHE

18

1945
SEPTEMBRE

LUNDI

24

h. Hỏa, s. Tất, tr. Bế
Nên : Tế lễ, tắm gội
Kỵ : Châm chích

八月大
THÁNG TÁM
NGÀY BÌNH THÂN

19

MARDI

25

h. Hỏa, s. Chủy, tr. Kiến
Nên : Tế lễ, tắm gội

NGÀY ĐINH DẬU

20

MERCREDI

26

h. Mộc, s. Sâm, tr. Trừ
Nên : Tế lễ

NGÀY MẠC TUẤT

21

JEUDI

27

h. Mộc, s. Tỉnh, tr. Mãn
Nên : Tế lễ, dâng biếu, họp bạn
xuất hành, mở chợ, cầu tài

NGÀY KỶ HỢI

22

VENDBEDI

28

h. Thổ, s. Quý, tr. Bình
Nguyệt kỵ
Nên : Tế lễ, tắm gội

NGÀY CANH TÝ

23

SAMEDI

29

h. Thổ, s. Liễu, tr. Đinh
Nên : Họp bạn, cầu tài

NGÀY TÂN SỬU

24

DIMANCHE

30

h. Kim, s. Tỉnh, tr. Chấp
Nên : Tắm gội, bỏ tróc

NGÀY NHÂM DẦN

25

1945
OCTOBRE

LUNDI

1

h. Kim, s. Trương, tr. Phá
Mọi việc không nên

八月大
THÁNG TÁM
NGÀY QUÝ MÃO

26

MARDI

2

h. Hỏa, s. Dực, tr. Ngay
Mọi việc không nên

NGÀY GIÁP THÌN

27

MERCREDI

3

h. Hỏa, s. Chấn, tr. Thành
Nên : Tế lễ, dâng biếu, vào
học, cầu tài

NGÀY ẤT TÝ

28

JEUDI

4

h. Thủy, s. Dác, tr. Thu
Nên : Tế lễ, họp bạn

NGÀY BÌNH NGỌ

29

VENDBEDI

5

h. Thủy, s. Can, tr. Khai
Nên : Bỏ tróc, đi săn

NGÀY ĐINH VY

30

SAMEDI

6

h. Thổ, s. Đê, tr. Bế
Nên : Tế lễ, dâng biếu, cầu quan

九月大
THÁNG CHÍN
NGÀY MẬU THÂN

1

DIMANCHE

7

h. Thổ, s. Phòng, tr. Kiến
Mọi việc không nên

NGÀY KỶ DẬU

2

1945	九月大
OCTOBRE	THÁNG CHÍN
LUNDI	NGÀY CANH TUẤT
8	3

h. Thổ, s. Tâm, tr. Trừ
 Nên : Tế lễ, cầu quan, họp bạn

MARDI	NGÀY TÂN HỢI
9	4

h. Kim, s. Vỹ, tr. Trừ
 Hàn lộ
 Nên : Tế lễ

MERCREDI	NGÀY NHÂM TÝ
10	5

h. Mộc, s. Cơ, tr. Mãn
 Nguyệt kỵ

JEUDI	NGÀY QUÝ SỬU
11	6

h. Mộc, s. Dậu, tr. Bình
 Mọi việc không nên

VENDBREDI	NGÀY GIÁP DẦN
12	7

h. Thủy, s. Ngưu, tr. Định
 Mọi việc không nên

SAMEDI	NGÀY ẤT MÃO
13	8

h. Thủy, s. Nữ, tr. Cháp
 Nên : Tế lễ

DIMANCHE	NGÀY BÌNH THÌN
14	9

h. Thổ, s. Rur, tr. Phá
 Nên : Tế lễ, tắm gội

1945	九月大
OCTOBRE	THÁNG CHÍN
LUNDI	NGÀY ĐINH TÝ
15	10

h. Thổ, s. Ngưu, tr. Ngưu
 Nên : Tế lễ, an sàng, cầu tài,
 nuôi súc vật

MARDI	NGÀY MẬU NGỌ
16	11

h. Hỏa, s. Thất, tr. Thành
 Nên : Hợp bạn

MERCREDI	NGÀY KỶ VY
17	12

h. Hỏa, s. Bính, tr. Thu
 Mọi việc không nên

JEUDI	NGÀY CANH THÂN
18	13

h. Mộc, s. Khue, tr. Khai
 Nên : Tế lễ, dâng biếu, cầu
 quan, vào học, tắm gội, thưởng
 lương, mở chợ, nuôi súc vật

VENDBREDI	NGÀY TÂN ĐẬU
19	14

h. Mộc, s. Lâu, tr. Đế
 Nguyệt kỵ
 Nên : Tế lễ, tắm gội

SAMEDI	NGÀY NHÂM TUẤT
20	15

h. Thủy, s. Vỹ, tr. Bình
 Nên : Tế lễ, dâng biếu, cầu quan
 họp bạn, nuôi súc vật

DIMANCHE	NGÀY QUÝ HỢI
21	16

h. Thủy, s. Mão, tr. Trừ
 Nên : Tế lễ, tắm gội
 Kỵ : Động thổ

1945	九月大
OCTOBRE	THÁNG CHÍN
LUNDI	NGÀY GIÁP TÝ
22	17
h. Kim, s. Tất, tr. Mãn	
Nên : Tế lễ, dâng biếu, xuất hành	

MARDI	NGÀY ẤT SỬU
23	18
h. Kim, s. Chủy, tr. Bình	
Mọi việc không nên	

MERCREDI	NGÀY BÍNH DẦN
24	19
h. Hỏa, s. Sâm, tr. Định	
Sương giáng	
Mọi việc không nên	

JEUDI	NGÀY ĐINH MÃO
25	20
h. Hỏa, s. Tỉnh, tr. Chấp	
Mọi việc không nên	

VENDREDI	NGÀY MẬU THÌN
26	21
h. Mộc, s. Quĩ, tr. Phá	
Nên : Tế lễ, tắm gội	

SAMEDI	NGÀY KỶ TÝ
27	22
h. Mộc, s. Liễu, tr. Ngụy	
Nên : Tế lễ, cầu quan, vào học, kết hôn, xuất hành, thưởng lương	

DIMANCHE	NGÀY CANH NGỌ
28	23
h. Thổ, s. Tinh, tr. Thành	
Nguyệt - ky	
Nên : Tế lễ	

1945	九月大
OCTOBRE	THÁNG CHÍN
LUNDI	NGÀY TÂN VỊ
29	24
h. Thổ, s. Trương, tr. Thu	
Nên : Tế lễ, cầu tài	

MARDI	NGÀY NHÂM THÂN
30	25
h. Kim, s. Dực, tr. Khai	
Nên : Tế lễ, tắm gội	

MERCREDI	NGÀY QUÝ DẬU
31	26
h. Kim, s. Châu, tr. Bế	
Nên : Tế lễ, tắm gội, may áo	

NOVEMBRE	
JEUDI	NGÀY GIÁP TUẤT
1	27
h. Hỏa, s. Dác, tr. Kiến	
Mọi việc không nên	

VENDREDI	NGÀY ẤT HỢI
2	28
h. Hỏa, s. Can, tr. Trừ	
Mọi việc không nên	

SAMEDI	NGÀY BÍNH TÝ
3	29
h. Thủy, s. Đê, tr. Mãn	
Nên : Tắm gội, cầu bịnh, sửa đường	

DIMANCHE	NGÀY ĐINH SỬU
4	30
h. Thủy, s. Phòng, tr. Bình	
Nên : Tế lễ	
Ky : Xuất hành	

1945
NOVEMBRE
LUNDI

5

十月大
THÁNG MƯỜI
NGÀY MẬU DẦN

1

Kiến : Đinh Hợi, h. Thổ, s. Tâm,
tr. Đinh. Nên : Cầu quan, họp bạn,
xuất hành

MARDI

6

NGÀY KỶ MÃO

2

h. Thổ, s. Vỹ, tr. Cháp
Nên : Tế lễ, họp bạn, thưởng
lương, an táng

MERCREDI

7

NGÀY CANH THÌN

3

h. Kim, s. Cơ, tr. Phá
Nên : Tế lễ
Ky : Xuất hành

JEUDI

8

NGÀY TÂN TÝ

4

h. Kim, s. Dậu, tr. Phá
Lập đông

VENDREDI

9

NGÀY NHÂM NGỌ

5

h. Mộc, s. Ngưu, tr. Ngưu
Nguyệt kỵ
Nên : Tế lễ

SAMEDI

10

NGÀY QUÝ VY

6

h. Mộc, s. Nữ, tr. Thành
Nên : Tế lễ

DIMANCHE

11

NGÀY GIÁP THÂN

7

h. Thủy, s. Hư, tr. Thu
Nên : Tế lễ, cầu quan, thưởng
lương, cầu tài, xuất hành

1945
NOVEMBRE
LUNDI

12

十月大
THÁNG MƯỜI
8

NGÀY ẤT DẬU

h. Thủy, s. Ngưu, tr. Khai
Nên : Tế lễ, dâng biếu, cầu quan
kết hôn, thưởng lương

MARDI

13

NGÀY BÍNH TUẤT

9

h. Thổ, s. Thất, tr. Bế
Nên : Tế lễ
Ky : Xuất hành, trồng cây

MERCREDI

14

NGÀY ĐINH HỢI

10

h. Thổ, s. Bính, tr. Kiến
Nên : Tế lễ, tắm gội

JEUDI

15

NGÀY MẬU TÝ

11

h. Hỏa, s. Khuê, tr. Trừ
Mọi việc không nên

VENDREDI

16

NGÀY KỶ SỬU

12

h. Hỏa, s. Thất, tr. Mãn
Nên : Tắm gội

SAMEDI

17

NGÀY CANH DẦN

13

h. Mộc, s. Vỹ, tr. Bình
Mọi việc không nên

DIMANCHE

18

NGÀY TÂN MÃO

14

h. Mộc, s. Mão, tr. Định
Nguyệt kỵ
Mọi việc không nên

1945
NOVEMBRE

LUNDI

19

h. Thủy, s. Tất, tr. Chấp
Nên : dâng biểu, tẩm gội, đi săn

MARDI

20

h. Thủy, s. Chuỷ, tr. Phá
Mọi việc không nên

MERCREDI

21

h. Kim, s. Sâm, tr. Nguy
Nên : Tế lễ, dâng biểu, cầu quan,
hợp bạn, xuất hành

JEUDI

22

h. Kim, s. Tinh tr. Thành
Nên : Tế lễ, vào học

VENDREDI

23

h. Hỏa, s. Quý, tr. Thu.
Tiêu tuyết
Nên : Tẩm gội, xuất hành

SAMEDI

24

h. Hỏa, s. Liễu, tr. Khai
Nên : Tế lễ, tẩm gội, sửa đường

DIMANCHE

25

h. Mộc, s. Tinh, tr. Bế
Mọi việc không nên

十月大
THÁNG MƯỜI
NGÀY NHÂM THÌN

15

1945
NOVEMBRE

LUNDI

26

h. Mộc, s. Trương, tr. Kiến
Mọi việc không nên

MARDI

27

h. Thổ, s. Dực, tr. Trừ
Nguyệt kỵ
Nên : Tế lễ, hợp bạn.
Kỵ : Xuất hành.

MERCREDI

28

h. Thổ, s. Chân, tr. Mãn
Nên : Tế lễ.

JEUDI

29

h. Kim, s. Dác, tr. Bình
Nên : dâng biểu, cầu quan,
hợp bạn, kết hôn, xuất hành,
thượng lương, sửa đường,
nuôi súc vật.

VENDREDI

30

h. Kim, s. Can, tr. Định
Nên : cầu quan, kết hôn, xuất hành,
mở chợ, cầu tài.

DÉCEMBRE

SAMEDI

1

h. Hỏa, s. Đê, tr. Chấn
Nên : Tế lễ, an táng

DIMANCHE

2

h. Hỏa, s. Phòng, tr. Phá
Nên : Tế lễ.

十月大
THÁNG MƯỜI
NGÀY KỶ HỢI

22

NGÀY CANH TÝ

23

NGÀY TÂN SỬU

24

NGÀY NHÂM DẦN

25

NGÀY QUÝ MÃO

26

NGÀY GIÁO THÌN

27

NGÀY ẤT VY

28

1945
DÉCEMBRE

LUNDI

3

h. Thủy, s. Tâm, tr. Nguy
Mọi việc không nên

MARDI

4

h. Thủy, s. Vỹ, tr. Thành
Nên : Tế lễ

MERCREDI

5

h. Thổ, s. Cơ, tr. Thu
Nên : Tắm gội, đi săn

JEUDI

6

h. Thổ, s. Đầu, tr. Khai
Nên : Tế lễ, tắm gội

VENREDI

7

h. Kim, s. Ngưu, tr. Khai
Đại tuyết

SAMEDI

8

h. Kim, s. Nữ, tr. Bế
Nên : Tắm gội, may áo

DIMANCHE

9

h. Mộc, s. Hư, tr. Kiến
Nguyệt kỵ
Mọi việc không nên

十月大
THÁNG MƯỜI

NGÀY BÍNH NGỌ

29

NGÀY ĐINH VY

30

十一月小
THÁNG 11

NGÀY MẬU THÂN

1

NGÀY KỶ DẬU

2

NGÀY CANH TUẤT

3

NGÀY TÂN HỢI

4

NGÀY NHÂM TÝ

5

1945
DÉCEMBRE

LUNDI

10

h. Mộc, s. Nguy, tr. Trừ. *Nên* : Tế lễ,
dâng biểu, cầu quan, kết hôn, họp
bạn, xuất hành, thưởng lương.

MARDI

11

h. Thủy, s. Thắt, tr. Mão
Nên : dâng biểu, họp bạn kinh lạc,
mở chợ, giao dịch, nuôi súc-vật.

MERCREDI

12

h. Thủy, s. Bích, tr. Bình
Mọi việc không nên

JEUDI

13

h. Thổ, s. Khuê, tr. Đinh. *Nên* : Tế
lễ, dâng biểu, cầu quan, kết hôn,
thưởng lương, lập khoán, cầu tài.

VENREDI

14

h. Thổ, s. Lâu, tr. Định
Nên : Tế lễ. *Kỵ* : xuất hành

SAMEDI

15

h. Hỏa, s. Vy, tr. Phá
Mọi việc không nên

D MANCHE

16

h. Hỏa, s. Mão, tr. Nguy
Nên : tế lễ.
Kỵ : trồng cây

十一月小
THÁNG 11

NGÀY QUÝ SỬU

6

NGÀY GIÁP DẦN

7

NGÀY ẤT MÙO

8

NGÀY BÍNH THÌN

9

NGÀY ĐINH TÝ

10

NGÀY MẬU NGỌ

11

NGÀY KỶ VY

12

1945 DÉCEMBRE LUNDI 17 h. Mộc, s. Tất, tr. Thành, Nên: vào học, tắm gội, thưởng lương, cầu tài, an táng, nuôi súc vật.	十一月小 THÁNG 11 NGÀY CANH THÂN 13
MARDI 18 h. Mộc, s. Chủy, tr. Thu. Nguyệt kỵ Nên: tắm gội, đi săn	NGÀY TÂN DẬU 14
MERCREDI 19 h. Thủy, s. Tâm, tr. Khai Nên: Tế lễ, vào học, thưởng lương, mở chợ	NGÀY NHÂM TUẤT 15
JEUDI 20 h. Thủy, s. Tĩnh, tr. Bế Mọi việc không nên	NGÀY QUÝ HỢI 16
VENDREDI 21 h. Kim, s. Quý, tr. Kiến Nên: Tắm gội.	NGÀY GIÁP TÝ 17
SAMEDI 22 h. Kim, s. Liễu, tr. Trừ Đông chi Nên: tế lễ, kết hôn, xuất hành, thưởng lương, cầu tài.	NGÀY ẤT SỬU 18
DIMANCHE 23 h. Hỏa, s. Tĩnh, tr. Mão Nên: dâng biểu, cầu quan, hợp bạn, xuất hành.	NGÀY BÍNH DẦN 19

1945 DÉCEMBRE LUNDI 24 h. Hỏa, s. Trượng, tr. Bình Nên: tế lễ, sửa đường	十一月小 THÁNG 11 NGÀY ĐINH MÃO 20
MARDI 25 h. Mộc, s. Dực, tr. Đinh Nên: tế lễ, hợp bạn, cầu quan, xuất hành, thưởng lương, cầu tài.	NGÀY MẬU THÌN 21
MERCREDI 26 h. Mộc, s. Chấn, tr. Chấp Nên: tế lễ, đi săn	NGÀY KỶ TỴ 22
JEUDI 27 h. Thổ, s. Giác, tr. Phá Nguyệt kỵ. Mọi việc không nên	NGÀY CANH NGỌ 23
VENDREDI 28 h. Thổ, s. Can, tr. Nguy Nên: phạt mộc, đi săn	NGÀY TÂN VY 24
SAMEDI 29 h. Kim, s. Đê, tr. Thành Nên: tế lễ, dâng biểu, cầu quan, vào học, xuất hành	NGÀY NHÂM THÂN 25
DIMANCHE 30 h. Kim, s. Phòng, tr. Thu Nên: tắm gội, bỏ tróc, đi săn	NGÀY QUÝ DẬU 26
LUNDI 31 h. Hỏa, s. Tâm, tr. Khai Nên: tế lễ, vào học, kết hôn, thưởng lương, nuôi súc vật.	NGÀY GIÁP TUẤT 27

Việc so đôi tuổi trong sự kết hôn

Điều này đã nói trong Tân - Nam - Lịch năm Giáp - Thân, nay theo ý của phần đông các bạn đọc, xin nói lại cho kỹ - càng hơn.

Sự hôn-nhân có quan-hệ đến hạnh-phúc một nhà. Vì thế người xưa, ngoài sự kén tông-giống, tính-tình, lại còn xem đôi tuổi có hợp rồi mới nghị hôn.

Cách xem đôi, tuổi cần phải biết ngũ-hành, tương-sinh là hay, tương-khắc là dở. Về điều này, trong sách Minh-kính cứu hại nói rất tường-lặn, xin trích thuật như sau này :

Ngũ hành sinh khắc

Tương sinh . — Kim sinh Thủy, Thủy sinh Mộc, Mộc sinh Hỏa, Hỏa sinh Thổ, Thổ sinh Kim.

Tương khắc . — Kim khắc Mộc, Mộc khắc Thổ, Thổ khắc Thủy, Thủy khắc Hỏa, Hỏa khắc Kim.

Sinh là hay, khắc là xấu.

Hai vợ chồng cùng một hành là Ty - hòa. Ty - hòa cũng có thể dung được. Có câu rằng : lưỡng mộc mộc chiết, lưỡng kim kim khuyết, lưỡng hỏa hỏa duyệt, lưỡng thủy thủy kiệt, lưỡng thổ thổ liệt.

Mỗi hành lại chia làm mấy thứ, như hành hỏa thì có tích lịch hỏa, thiên thượng hỏa, là lửa sấm sét với lửa trên trời. Hai thứ lửa này đều dữ không thể đi với nhau được.

Lại có câu rằng : Lưỡng hỏa thành viêm, lưỡng mộc thành lâm, lưỡng thủy thành xuyên, lưỡng thổ thành sơn, lưỡng kim thành khí.

Trai gái cùng những hình ấy là dung nhau được. Như phù đăng hỏa với sơn hạ hỏa, là lửa đèn với lửa dưới núi, phải nhờ lẫn nhau mới sáng, thế là lưỡng hỏa thành viêm. Cũng có thể khắc nhau, nhưng chỉ là khắc nhẹ. Vợ chồng ở với nhau chỉ nhạt-nheo, ít tình yêu mà thôi, chứ không đến nỗi phải li-dị, bỏ đôi chữ đồng.

Lịch xem ngày tháng chưa đề, xem Tân-Nam-Lịch năm Giáp-Thân

Muốn biết tuổi gì thuộc hành gì, cần phải nhớ ba câu sau này :

Ti, ngọ. — Ngân đăng giá bích câu (銀 燈 價 璧 句).

Theo bộ của năm chữ này là kim, hỏa, mộc, thổ, kim.

Tuất, thìn. — Yên mãn tự chung lân (銀 滿 自 充 鄰).

Theo bộ của năm chữ này là hỏa, thủy, thổ, kim, mộc.

Dần, thân. — Hán địa thiếu sai thấp (漢 地 少 衰 薄).

Theo bộ của năm chữ này là thủy, thổ, hỏa, mộc, thủy.

Đó là ba câu học thuộc lòng, cốt để nhớ rằng trong vòng một giáp 60 năm chia ra sáu phần, mỗi phần 10 năm một, kể từ giáp đến quí.

1 — Tự giáp-tý đến quí-dậu ; 4 — Tự giáp-ngọ đến quí-mão ;

2 — Tự giáp-tuất đến quí-vị ; 5 — Tự giáp-thìn đến quí-sửu ;

3 — Tự giáp-thân đến quí-tị ; 6 — Tự giáp-dần đến quí-hợi.

Ba câu ấy, mỗi câu năm chữ, mỗi chữ kê hai năm, xem bộ chữ thì biết là hành gì, nên nhận kỹ chữ Hán viết rõ ở trên đó.

Bài lập thành để so đôi tuổi vợ chồng thuộc ngũ hành khắc hợp

1. — Chồng kim vợ kim, là hai kim lấy nhau, sinh con không lợi, hay cãi nhau, có khi phải lìa nhau, trừ những khi dùng vào lương kim thành khí.

2. — Chồng kim vợ mộc, tức là kim khắc mộc, cay đắng nghèo nàn, chồng nam vợ bắc.

3. — Chồng kim vợ hỏa, hay cãi nhau, sinh dục khó, tiền của túng nghèo.

4. — Chồng kim vợ thủy, tức là thiên duyên tác hợp, con - cái đầy đàn, cửa-nhà thịnh-vượng, suốt đời hòa-vui.

5. — Chồng kim vợ thổ, vợ chồng hòa-hợp, con cháu đầy-dàn, cửa - nhà vui - vẻ, lộc-sức bình-an.

6. — Chồng mộc vợ mộc, lợi đạt công-danh, con-cháu đầy - đàn tiền của thịnh-vượng.

7. — Chồng mộc vợ thủy là tương sinh, tiền-tài thịnh-vượng, con - cháu đông vui, bách-niên giai-lão.

8. -- Chồng mộc vợ hỏa, mộc hỏa tự-nhiên hợp với nhau, con cái dễ nuôi, tiền của nhiều, quan-lộc thịnh-vượng.

9. — Chồng mộc vợ thổ, cây nhờ đất mới tốt - tươi, gia đình hưng - thịnh, con - cháu đông vui.

Thẻ lệ xin phép mua sủng sản và sủng lục.

10. — Chồng mộc vợ kim, hai thứ khắc nhau, trước hợp sau lìa con-cháu hiếm - hoi.

11. — Chồng thủy vợ thủy, hai thủy tuy không hay, nhưng điền-trạch yên, con-cháu ít, đầy-lớ khà.

12. — Chồng thủy vợ kim, là tương sinh, sung-sướng đến già, con-cháu thịnh-vượng.

13. — Chồng thủy vợ mộc, thủy mộc nhân-duyên, bách niên giai-lão, đầy-lớ khà.

14. — Chồng thủy vợ hỏa, duyên tự thiên thành, tuy xấu nhưng cũng hợp.

15. — Chồng thủy vợ thổ, tương hình khắc nhau, vui tẻ chàng thường, làm việc gì cũng khó.

16. — Chồng hỏa vợ hỏa, hai hỏa giúp nhau, nhiều khí hưng-vượng, con cháu đầy-dàn.

17. — Chồng hỏa vợ kim, hỏa kim khắc nhau, hay cãi-cọ và kiện-cáo, gia-dình không yên.

18. — Chồng hỏa vợ mộc, là hợp duyên, thất gia hòa-hợp, phúc lộc kiêm-toàn.

19. — Chồng hỏa vợ thủy, thủy hỏa tương khắc, vợ chồng phân ly, con cháu bất lợi, gia đạo gian-nguy.

20. — Chồng hỏa vợ thổ, thổ hỏa hữa duyên, tài lộc sung-túc, con cháu hiển.

21. — Chồng thổ vợ thổ, lưỡng thổ thành sơn, trước khó sau dễ, lắm của nhiều con.

22. — Chồng thổ vợ kim, vợ chồng hòa-hợp, con-cháu thông-minh, tài-lộc sung-túc.

23. — Chồng thổ vợ mộc, thổ mộc tương khắc, tiền-tài hao-lấn, vợ bắc chồng nam.

24. — Chồng thổ vợ thủy, thủy phá thổ, trước hợp sau lìa, sinh-kế không lợi.

25. — Chồng thổ vợ hỏa, thổ hỏa đắc vị, quan-lộc rồi-rào, con cháu đông dục.

Khi đôi tuổi đã được rồi, phải xem không phạm bảo-thai, mới tốt.

Theo như mấy câu của cô-nhân đã chỉ rõ dưới đây :

xem Tân-Nam-Lịch năm Giáp-Thân

Bào thai — Giai sinh thập, tức (1) bất ưng, gái sinh chính, thất (2) thì dừng lấy nhau.

Nhị, bát (3) sinh ra con trai, ngũ, thập (4) nhất nguyệt bào thai thì dừng.

Tam, cửu (5) sinh gái bất ưng, gái sinh tháng chạp thì dừng lấy nhau.

Ngày cưới. — San khi đã biết rõ và hợp ý các điều quan-jiến thì nghị hôn, rồi định ngày nghinh-hôn. Ngày này lại rất hệ-trọng, phải chọn ngày tốt, có tốt mới được hưởng hạnh-phúc hoàn-toàn về sau.

Các ngày tốt là Thiên-đức, Nguyệt-đức, Hoàng-đạo.

Những ngày xấu nên tránh là:

1. — **Ngày không phòng**. — Mùa xuân : ngày thìn, tị. — Mùa hạ : ngày tuất, hợi, mùi. — Mùa thu : ngày dần, mao, ngọ. — Mùa đông : ngày thân, dậu, sửu.

2. — **Ngày yêu-ma**. — Mùa xuân : ngày thìn, tuất, hợi, mùi. — Mùa hạ : ngày thìn, tị, ti. — Mùa thu : ngày thân, dậu, sửu. — Mùa đông : ngày dần, mao, ngọ.

3. — **Ngày cô-thần quả-tú**. — Mùa xuân : ngày tị, sửu. — Mùa hạ : ngày thân, thìn. — Mùa thu : ngày mùi, hợi. — Mùa đông : ngày dần, tuất.

4. — **Các ngày ly-sào**. — Tân-mão, mậu-thìn, kị-tị, tân-tị, mậu-dần, mậu-ngọ, nhâm-ngọ, mậu-tị, tân-sửu, kị-sửu, nhâm-tuất, mậu-tuất, quý-tị, quý-hợi.

Xem tuổi và xem bướng trong việc làm nhà

Nhà ở có quan-hệ đến sự sinh-hoạt của tất cả mọi người trong một nhà, cho nên trước hết chủ-nhân phải xem năm nào nên làm, trông hướng nào là hợp.

(1) tháng 10, tháng 4. (2) tháng giêng, tháng 7. (3) tháng hai, tháng tám. (4) tháng 10, tháng giêng. (5) tháng ba, tháng chín.

Luật đi đường, xem Tân-Nam-Lịch năm Tân-Tị

Có được tuổi được hưởng, mới tránh được sự bần-cùng, tật-bệnh mà được hưởng sự giàu-có yên-lành.

Kể cách xem lập hướng và chọn năm tốt, như các chuyên thư đã nói thì man-mác quá. Sau đây, xin trích thuật các điều quan-yếu trong sách Minh kinh cứu hại để hiển các độc-giả.

Tuổi làm nhà

Các tuổi làm nhà theo như biểu sau đây :

19 tuổi là trạch-phúc, giàu có, bình an — 20 tuổi là trạch-dĩc, phú-quí vinh-xương — 21 tuổi là trạch-bại, hay đau-ốm. — 22 tuổi là trạch-hư, tán-lài. — 23 tuổi là trạch-khố, khó nuôi con. — 24 tuổi là trạch-quĩ, bất lợi. — 25 tuổi là trạch-tử, kém thọ-khảo. — 26 tuổi là trạch-bảo, hay hoạnh phát, khoa danh. — 27 tuổi là trạch-lộc, lợi vương công-danh — 28 tuổi là trạch-phúc, lắm của nhiều con. — 29 tuổi là trạch-dĩc, vượng liên-lai. — 30 tuổi là trạch-bại, hay yếu-dau — 31 tuổi là trạch-hư, hay tán-lài. — 32 tuổi là trạch-khố, hay gặp sự tang-thương. — 33 tuổi là trạch-quĩ, hay đau ốm. — 34 tuổi là trạch-tử, không được thọ-trường. — 35 tuổi là trạch-bảo, hay gặp quí-vật. — 36 tuổi là trạch-lộc, lợi công-danh. — 37 tuổi là trạch-phúc, phú thọ đa đình. — 38 tuổi là trạch-dĩc, của nhiều, con cháu nhiều. — 39 tuổi là trạch-bại, hao tài. — 40 tuổi là trạch-hư, hay bị lừa dối. — 41 tuổi là trạch-khố, yếu và nghèo. — 42 tuổi là trạch-quĩ, nhà hay có quái-vật. — 43 tuổi là trạch-tử, hay gặp tang-thương. — 44 tuổi là trạch-bảo, hay có tài-lộc tự-nhiên. — 45 tuổi là trạch-lộc, hoạnh phát công-danh. — 46 tuổi là trạch-phúc, lắm của nhiều con. — 47 tuổi là trạch-dĩc, phú thọ, đa đình. — 48 tuổi là trạch-bại, hao tài. — 49 tuổi là trạch-hư, hay đau ốm. — 50 tuổi là trạch-khố, yếu và bần. — 51 tuổi là trạch-quĩ, hay bị trộm-cướp. — 52 tuổi là trạch-tử, hay có tang. — 53 tuổi là trạch-bảo, hay có quí vật đến nhà. — 54 tuổi là trạch-lộc, hoạnh phát công-danh. — 55 tuổi là trạch-phúc, phú thọ kiem-toàn. — 56 tuổi là trạch-dĩc, nhiều của lắm con. — 57 tuổi là trạch-bại, hao-tài. — 58 tuổi là trạch-hư, hay bị người phản-phúc — 59 tuổi là trạch-khố, hay gặp tang-chê. — 60 tuổi là trạch-quĩ, hay đau-ốm. — 61 tuổi là trạch-tử, yếu-chiết tì thương. — 62 tuổi là trạch-bảo, hay phát hoạnh tài. — 63 tuổi là trạch-lộc, lợi đạt công danh. — 64 tuổi là trạch-phúc, thọ và đa đình. — 65 tuổi là trạch-dĩc, phú-quí kiem-toàn. — 66 tuổi là trạch-bại, đau yếu, hao-tài. — 67 tuổi là trạch-hư, hay bị người lừa-dao. — 68 tuổi là trạch-khố, hay gặp sự tang-thương.

Hướng nhà

Lập hướng nhà, cần phải biết đông từ trạch và tây từ trạch.

Những cách lựa đời của láit trâu, xem Tân-Nam-Lịch năm Nhâm-Ngo

8 quẻ. — Càn, khảm, cần, chấn, tốn, ly, khôn, đoài.

8 nhà đông tây. — Kiền, khôn, cần, đoài là tây từ trạch. — Khảm, li, chấn, tốn là đông từ trạch.

8 quẻ thuộc với ngũ hành. — Càn, đoài thuộc hành kim. — Khảm thuộc thủy. — Cần, khôn thuộc thổ. — Chấn, tốn thuộc mộc. — Li thuộc hỏa. — Chín ngôi sao có 5 hình. — Sinh-khi sao Tham-lang thuộc mộc, thượng cát. — Thiến y sao Cư-môn thuộc thổ, thượng cát. — Duyên niên sao Vũ-khúc thuộc kim, thứ cát. — Ngũ quý sao Liêm-trình thuộc hỏa, đại hung. — Tuyệt mệnh sao Phá-quân thuộc kim, đại hung. — Lục sát sao Văn-khúc, thuộc thủy, hung. — Họa hại sao Lộc-tồn thuộc thổ, hung. — Còn sao Tả-phụ, hữu bật, tùy nhà mà biến-hóa. — Cứ xem đây trong 12 tuổi, thuộc 12 chi, hướng nào tốt thì theo, hướng nào hung thì tránh.

Ai cũng nên đọc :

Phòng-thủ Thụ-động về không-chiến

Manuel élémentaire de Défense Passive
contre les attaques aériennes

của ông Phạm-Huy-LỤC soạn
cùng với ông Albert COURTOUX

35 bức tranh vẽ

Bản chữ tây hay bản quốc ngữ

Giá bán mỗi quyển: 0\$50

Hỏi các hàng sách và tại nhà in
Imprimerie de Hanoi — 85, phố hàng Bông, Hanoi

Ai được lập chú thư, xem Tân-Nam-Lịch năm Nhâm-Ngo

PHÁP-LUẬT THƯỜNG-THỨC

Mấy điều cần biết về luật giá-thú ở nước ta

Trong năm vừa qua, độc-giả có nhiều ông hay bà viết giấy nhờ giải - đáp về mấy việc trùng nhau. Những điều ấy, các ông bà có thư hỏi đã nhận được giấy giải-dáp riêng rồi, nhưng tưởng nên đăng ở đây mấy điều khác nhau trong luật ta thi-hành đối với những người sinh-quân ở Trung-Bắc-kỳ và những người sinh-quân ở Nam-kỳ, ở thành-phố nhượng-địa (Hanoi, Haiphong, Tourane), tuy cùng là một nước mà không giống nhau. Mấy điều độc-giả thường hỏi là :

Con-trai, con-gái từ mấy tuổi trở lên được kết-hôn. — Theo Dân-luật Trung-kỳ và Bắc-kỳ (cũng như luật Tây), con-trai phải 18 tuổi tròn, con-gái phải 15 tuổi tròn (1) mới được kết-hôn, trừ khi có duyên-cớ đích-dáng thì quan tỉnh-hiến có thể cho phép miễn tuổi được. Lệ miễn ấy được xuống đến bao nhiêu tuổi? Theo luật Trung-kỳ và Bắc-kỳ thì con-trai được miễn xuống đến 15 tuổi và con-gái được miễn đến 12 tuổi là cùng.

Còn ở Nam-kỳ và các thành-phố nhượng-địa thì tuổi giá-thú kém hơn, là con-trai phải 16 tuổi tròn và con-gái, 14 tuổi tròn. Lệ miễn tuổi không có.

Kết-hôn phải xin phép ai? — Tại Trung-Bắc-kỳ, con-trai con-gái, bất cứ đã thành-niên hay chưa thành-niên, đều phải có cha mẹ ưng-thuận mới được kết-hôn. Nếu cha mẹ không đồng-ý thì một mình người cha ưng-thuận là đủ. Nếu cha mệnh-một loặc không thể tỏ ý được, thì người mẹ ưng-thuận là được. Nếu cha mẹ mất, thì phải xin phép ông bà nội, nếu ông bà nội mất cả thì người vị-thành-niên 21 tuổi phải xin phép người

(1) Nghĩa là tính từng ngày, tháng đủ 18 tuổi hay là đủ 16 tuổi.

Cách chữa học, xem Tân-Nam-Lịch năm Tân-Tị

giám-bộ. Ngoài 21 tuổi mà cha mẹ, ông bà mất cả thì không phải xin phép ai hết.

Riêng tại Trung-kỳ, khi nào có duyên-cớ đích-đáng thì quan tỉnh-hiến có thể đặc-cách cấp giấy phép cho người đã thành-niên được kết-hôn mà không cần phải có cha mẹ bằng lòng.

Tại Nam-kỳ và các thành-phố nhượng-địa. — Cũng phải xin phép cha mẹ, ông bà như ở trên, nhưng nếu không còn cha mẹ và ông bà nội thì phải xin phép chú, bác, cô hay anh trưởng. Tuy phải xin phép như thế, nhưng nếu không được phép, cũng không phải là một điều ngăn-trở cho sự giá-thú của những người đã quá 21 tuổi. Những người này khi giá-thú ở trước mặt hộ-lại (ở Trung-Nam-kỳ gọi là hương-bộ) chỉ việc đem trình một tờ chứng-chỉ của hai người thân-lão nhân-thực rằng đã có xin phép chú, bác, hay anh trưởng rồi là đủ.

Gái-góa mà tái-gia thì phải xin phép ai? — Luật Bắc-kỳ không nói đến. Thế nghĩa là phải xin phép cha mẹ đẻ. Nhưng luật Trung-kỳ buộc người đàn-bà góa phải xin phép bố mẹ chồng; nếu khi đoạn tang chồng, về ở nhà bố mẹ đẻ thì phải xin phép bố mẹ đẻ. Nếu bên nhà chồng hay bố mẹ đẻ không có duyên-cớ gì đích-đáng mà không cho phép thì quan tỉnh-hiến có thể cho phép tái-gia được.

Tại Nam-kỳ và các thành-phố nhượng-địa, cứ người chồng lúc kết-hôn phải xin phép ai, thì bây giờ người vợ-góa muốn tái-gia cũng phải xin nhữog người ấy.

Gái-góa phải đợi bao lâu từ khi chồng chết mới được tái-gia? — Ở Trung - Bắc - kỳ, phải đợi đoạn tang chồng là 27 tháng. Ở Nam-kỳ và các thành-phố nhượng-địa, phải đợi hết 300 ngày (10 tháng kể từ ngày chồng chết).

Thời-hạn này đặt ra cũng như luật Tây, để khỏi lẫn con chồng trước với chồng sau, vì rằng theo khoa-học, đàn-bà từ lúc thụ-thai cho đến lúc sinh con, lâu nhất chỉ đến 300 ngày là cùng. Cũng vì lẽ đó mà đàn-bà bỏ chồng cũng phải đợi 300 ngày kể từ khi có án li-dị hay là từ khi có mệnh-lệnh tòa-án công-nhận cho hai vợ chồng không chia hòa-giải và cho phép đợi bên biệt-cư.

Cách xin phục-quyền thế nào, xem Tân-Nam-Lịch năm Nhâm-ngo

Đàn-ông góa vợ phải đợi bao lâu mới được lấy vợ? — Ở Trung-Bắc-kỳ, đàn-ông góa vợ chính-thất phải đợi đoạn tang 12 tháng mới được lấy chính-thất khác. Ở Nam-kỳ và các nơi nhượng-địa (Hanoi, Haiphong, Tourane) không có lệ ấy.

Nói về tài-sản của vợ chồng — Hôn-ước.

Theo Dân-luật Bắc-kỳ điều 91 và 92 và Hoàng-Việt Hộ-luật, cũng điều 91 và 92 (1), «vợ chồng phải cùng nhau làm cho gia-đình hưng-vượng và cùng nhau lo-toan việc nuôi-nấng dạy-dỗ con-cái. Vợ chồng phải phù-trợ mưu-mang lẫn nhau. Vợ-chính và vợ-thứ phải thủ-tiết và phục-tòng người chồng.»

Theo như điều 96 Bk (điều 95 Tk) «chồng phải tùy gia phong kiem mà chi-độ các điều cần-thiết của vợ-chính và vợ-thứ»

Như vậy, cần phải rõ các tiền chi-dụng của đoàn-thể vợ chồng về phần người nào chịu và chịu đến chừng nào. Người chồng có những quyền gì đối với tài-sản của vợ-chính và các vợ-thứ? Vợ-chính và vợ-thứ được quản-lý và hưởng-thụ các hoa-lợi của mình thế nào? Các tài-sản mới có từ khi lấy nhau là tài-sản của ai? Quyền-lợi của người vợ-góa thế nào? Và vợ chết trước thì quyền của chồng thế nào?

Trước hết, cứ như điều 114 và 115 Bk và điều 112 đến 114 Tk thì vợ-thứ vẫn được quyền sở-hữu và được quản-lý, được hưởng-thụ cùng sử-dụng riêng tài-sản riêng của mình, chứ người chồng không được sử-dụng tài-sản ấy trái với ý vợ-thứ. Vợ-thứ không phải trả nợ cho chồng, còn nợ của vợ thứ thì chỉ khi nào vay để tiêu-dùng cho vợ chồng hay để làm lợi cho gia-đình thì chồng mới phải trả.

Tuy nhiên, chồng phải tùy gia phong kiem mà chi-độ các việc cần-thiết của vợ thứ cũng như của vợ-chính; phạm các công việc can-thiệp đến vợ-chính và vợ-thứ đều do chồng đứng thay mặt cả, nhưng chồng có thể công-nhiên hoặc mặc-nhiên cho phép vợ-chính hay vợ-thứ đứng hành-vi lấy.

Phạm vợ-chính và vợ-thứ có làm giấy ở gì mà chồng không cho phép thì người chồng hoặc người thừa-kế của chồng có thể xin tước giấy tờ ấy đi được (Bk đ. 98, Tk đ. 101).

(1) Từ đây trở xuống, Dân-luật thi-hành tại Bắc-kỳ viết tắt là Bk và Hoàng-Việt Hộ-luật tức là Dân-luật Trung-kỳ viết tắt là Tk.

Không như vợ-chính, vợ-thứ không có quyền thay mặt gia-dình như là người chồng về những việc cần-thiết đến đoàn-thể vợ chồng (Bk đ. 100, Tk đ. 98). Vợ-thứ (cũng như vợ-chính) hễ được chồng công-nhiên hay mặc-nhiên ưng-thuận thì được quyền đứng làm một nghề - nghiệp hay công - nghệ gì. Nếu chồng không ưng-thuận mà vợ-chính, vợ-thứ chứng rằng vì sự ích chung cho cả gia-dình thì có thể do quan chánh tòa-án đệ-nhi-cấp (ở Trung-kỳ thì do quan tỉnh) cho phép làm công-nghê hoặc nghề - nghiệp ấy được.

Vợ-thứ không được dự một phần nào trong di-sản của người chồng mệnh - một, chỉ được cơm ăn, nhà ở và chi-dụng cùng trong một nhà với con - cái mình, nhưng phải thuộc quyền vợ-chính cai-quản. Song, nếu người chính-thất quả-phụ không bằng lòng cho các vợ-thứ ở chung thì các vợ-thứ được lấy lại y-phục, tài-sản riêng của mình, và khi cần - thiết thì lại được một phần tài-sản bằng hiện vật hay hiện ngân để chi-dụng cấp dưỡng cho mình và cho các con vị-thành-niên đã đẻ với người chồng mệnh-một và hiện do mình phải cang-đáng (Bk đ. 365 và 366, Tk cũng điều ấy).

Nói tóm lại, tài-sản của chồng với vợ-thứ, nhất-định phải thuộc lệ biệt-lập tài-sản (*régime de séparation de biens*), dù có làm tờ ước riêng để đổi lại cái lệ ấy cũng không được.

Còn như lệ tài-sản của chồng với vợ-chính thì khác hẳn. Cứ như điều 104 đến 106 (Tk đ. 102 đến 104) thì có hai trường-hợp sau này :

1. Trước khi khai giá-thú, nếu vị-hôn-phu và vị-hôn-thê không có làm tờ ước với nhau về tài-sản thì sau khi khai rồi, không được làm tờ ước gì thay-đổi lại nữa.

2. Trước khi khai giá-thú, hai người có làm tờ ước với nhau về tài-sản của mình bằng chứng-thư tại trước mặt *no-te* (quản-lý văn-khế) hoặc do lý-trưởng thị-thực.

Về trường-hợp thứ nhất thì hai vợ chồng nhất-định phải theo lệ hợp-nhất tài-sản đã định ở điều 106 đến 113 Bk (đ. 104 đến 111 Tk).

Lệ ấy có cái đặc-tính này là tài-sản chung gồm có tất cả các tài-sản và hoa-lợi của chồng và của vợ, tức là thành một công-ty đặc - biệt về tài-sản của hai vợ chồng hợp một. Tài-sản hợp-nhất ấy đương khi lấy nhau thì cứ phải để chung mãi, chứ không được chia.

Thế nào là phạm luật hóa-giá, xem Tân Nam Lịch năm Giáp-Thân

Người chồng được quản-lý các tài-sản chung và được quyền rất rộng, vì tùy theo lệ thông-thường, người chồng có muốn sử-dụng của chung thì phải cùng với vợ công-đồng, hay là phải do vợ công-nhiên hoặc mặc-nhiên bằng lòng mới được, song cũng có thể sử-dụng của chung, trừ những bất-động-sản thuộc kỹ-phần (1) của vợ không kể, miễn là phải dùng về việc có ích-lợi cho gia-đình thì thôi (Bk đ. 109, Tk đ. 107).

Vợ chồng đẻ của chung thì phải đảm-nhiệm các thứ nợ sau này :

1. Những nợ của hai vợ chồng đã vay trước khi lấy nhau ;
2. Những nợ của chồng vay trong khi lấy nhau ;
3. Những nợ của vợ thay mặt đoàn-thể vợ chồng đứng vay hoặc những nợ do người chồng ưng-thuận mà vợ đứng vay ;
4. Những nợ của vợ vay để dùng về nghề-nghiệp thường, việc thương-mại hay kỹ-nghệ ;
5. Những nợ do vợ hành-vi trái phép mà sinh ra.

Khi người chồng đã chết rồi mà người vợ-chính góa chồng cứ thủ-tiết thì của chung vẫn để nguyên. Khi ấy, người vợ-góa được thay mặt chồng mà quản-trị tài-sản chung. Nếu người vợ-chính chết trước thì một mình người chồng thành sở-hữu chủ tất cả các tài-sản chung gồm cả kỹ-phần của vợ nữa (Bk đ. 113, Tk đ. 111).

Trong trường-hợp thứ hai, người vị-hôn-phu và vị-hôn-thê, trước khi khai giá-thú đã có làm chứng-thư trước mặt no-te hoặc do lý-trưởng thị-thực để định - ước về lệ tài - sản tùy theo sở-thích của mình, miễn là :

1. Hôn-ước không được trái với phong-hóa ;
2. Hôn-ước không được trái với quyền-lợi của người chồng là người chủ-tương gia-tất (2).
3. Hôn-ước phải do những người có quyền ưng-thuận về việc giá-thú ký nhận mới được, nghĩa là cha mẹ hay là ông bà nội (Bk đ. 77, 104 và 105, Tk đ. 77, 102 và 103).

(1) Kỹ-phần là các động-sản hay bất-động-sản mà khi khai giá-thú nguyên là của bên nào, hay là những tài-sản mà trong khi lấy nhau, bên nào mới được lương là của thừa - ke hoặc mới được lặt-dữ.

(2) Thí-dụ người vợ không được đòi tư-cách hoàn-toàn mà định-ước rằng không cần chồng ưng-thuận cũng được tự-do cầm bán hay vay mượn. Trái lại, người vợ không được tự-chuất hết quyền mình thành ra người vô-tư-cách mà không còn cách chữa, cấm mình làm những việc dù do chồng có ưng-thuận cũng vậy, hòng để những công việc mình đứng làm do chồng đã ưng-thuận rồi, cũng xin tiêu đi.

Thả cá thể nào có lợi, xem Tân-Nam-Lịch năm Giáp-Thân.

Hôn-ước ấy phải biên-chú vào chứng-thư giá-thủ và khi đã khai giá-thủ rồi thì không được thay-đổi gì nữa.

Tuy luật ta cho đôi bên được quyền rất rộng, muốn làm hôn-ước thế nào tùy sở-thích và tùy lợi-quyền của mình thì làm, song lệ này hãy còn là một điều mới-mẽ cho dân ta. Luật ấy ban-hành tại Bắc-kỳ từ ngày 30 mars 1931 và tại Trung-kỳ từ ngày 13 juillet 1936 mà chưa mấy nhà biết làm hôn-ước ra làm sao, cho nên bản-xã mô-phỏng các hôn-ước Âu-tây thảo sau đây biến-độc-giả *Tân-Nam-Lịch* một cái mẫu hôn-ước theo lệ biệt-lập tài-sản, các ngài muốn thay-đổi thêm bớt thế nào tùy với sở-thích, với gia-tình của mình, miễn là đừng trái với phong-hóa, với luật-lệ đã kê trong ba điều-kiện trên kia. Các nhà lo việc giá-thủ cho con-trai con-gái, muốn kỹ-phần của con mình, sau này không bị dâu hay rể phá-tán thì nên làm hôn-ước theo lệ biệt-lập tài-sản.

Song từ lệ biệt-lập tài-sản đến lệ hợp-nhất tài-sản, còn có mấy lệ trung-gian nữa (1) không nhất-định hẳn như hai lệ trên ấy mà luật Tây gọi là « régime de la communauté réduite aux acquêts » (lệ hợp-nhất có hạn-chế), « régime sans communauté » (lệ bất hợp nhất), « régime dotal » (lệ bảo - vệ tài-sản cho vợ). Ngài nào muốn rõ, xin cứ tựa vào Dân-luật Tây (code civil français) điều 1530 đến 1535, điều 1540 đến 1581 mà chăm-chước thay-đổi.

(1) Régime de la communauté réduite aux acquêts, nghĩa là lệ hợp-nhất có hạn-chế. Theo lệ này thì tài-sản chung cái có hoa-lợi nhưng kỹ-phần, tiền công làm này là lợi-tức công-đồghệ của vợ chồng, cũng là những tài-sản lậu được trong khi lấy nhau. Vậy các tài-sản của đôi bên từ trước khi lấy nhau, kể cả những tiền do hợp-đồng nào bên đem vào gia-thất chung, các động-sản cũng bắt-động-sản trong khi lấy nhau, đôi bên được thừa-kế hay được tặng-ưc thì không kể là của hợp-nhất.

Régime sans communauté, nghĩa là bất hợp-nhất. Theo lệ này thì tài-sản bên nào, bên ấy cứ giữ làm kỹ-vật, không có hợp-nhất. Bên nào có nợ thì bên ấy phải trả lấy, tài-sản bên nào thu-nhận được trong khi lấy nhau thì bên ấy giữ làm kỹ-phần. Nhưng công được quan-lý tại cả các tài-sản của vợ, kể cả các động-sản nữa, được dùng tiền hưởng-dụng y như một người hưởng-dụng thu-lợi, duy phải chịu các khoản chi-poi trong gia-đình.

Régime dotal cũng là lệ biệt-lập tài-sản bởi chữ *dotal* mà ra. *Dotal* là hồi-lôn của vợ để giúp chồng cùng chịu các khoản chi-dụng trong gia-đình mà hoa-lợi thì chồng được hưởng. Phạm các tài-sản thuộc về hồi-môn của vợ hay là do hôn-ước đem đi thì vợ được giữ làm kỹ-phần cả. Khi tiền-hôn thì của hồi-môn, chồng phải giao trả vợ hay là trả những người thừa-kế của vợ.

Muốn rõ luật đoan-mại, diên-mại, cầm-cổ và dề-dương

Lệ biệt - lập tài - sản.

Theo lệ này thì tài-sản của đôi bên vợ chồng chẳng những không có hợp-nhất, không có công-cộng, mà người chồng lại không được quản-trị và hưởng-dụng gì về tài-sản của vợ mình cả. Người vợ được một mình đứng quản-trị tài-sản của mình và được thu lấy hoa-lợi, tuy nhiên về một vài việc như là đem cho, chuyển-dịch, thu-nhận vật gì, có mất tiền hay không mất tiền, tất phải do người chồng cho phép mới được (BK đ. 102, TK đ. 101). Người vợ phải góp một phần hoa-lợi của mình để chi - dụng vào mọi việc gia - đình. Hai bên đều được giữ nguyên quyền sở hữu tài-sản của mình và khi tiêu-hôn thì các tài-sản ấy hiện thế nào cứ thế mà lấy lại.

Mẫu hôn-uớc theo lệ biệt-lập tài-sản (1)

Hai bên :

Bên nhà trai là :

Cậu Trần-văn-Tinh, đã thành-niên, sinh tại xã..., tổng .. huyện.. tỉnh... ngày... tháng... năm... là con-trai ông Trần-văn-Hải và bà Nguyễn-thị-Khiêm cùng ở với nhau tại xã .., tổng huyện ... tỉnh .., đứng hành-vi cho mình,

Ông Trần-văn-Hải và bà Nguyễn-thị-Khiêm kể trên, trú-quán như nói trên kia ;

Và bên nhà gái là :

3. Cô Đào-thị-An, vị-thành - niên, sinh tại phố..., số nhà..., thành-phố... ngày... tháng... năm..., là con - gái ông Đào đình Bô và bà Phạm-thị-Hạnh cùng ở với nhau tại phố... số nhà... thành-phố... đứng hành-vi cho mình, do cha mẹ trông - nom và ưng-thuận,

4. Ông Đào-đình-Bô và vợ là bà Phạm-thị - Hạnh kể trên, trú-quán như đã nói trên kia,

Có đình - ước với nhau về việc giá-thú của cậu Trần-văn-Tinh với cô Đào-thị-An làm vợ-chính theo chế-độ tài-sản sau này :

Điều thứ nhất. — Lệ tài-sản.

Hai người ước-hôn chiếu theo các điều 104 và 105 trong Dân-luật Bắc-kỳ (Hoàng-Việt Hộ-luật điều 102 và 103) nay công bố rằng tài-sản của đôi bên sẽ theo lệ « biệt-lập ».

Vậy đôi bên, mỗi người vẫn được giữ quyền sở-hữu các động-sản và bất-động-sản của mình hiện có, cùng những tài-sản nào

(1) Phải dán tem tín-chỉ tùy theo khổ giấy, và nếu không do no-te làm thì phải do lý-trưởng thị-thực.

khác nhau thế nào ? xem Tân-Nam-Lịch năm Giáp-Thân

bất cứ vi lễ gì về sau này mới có, các hoa-lợi của người nào thì người ấy được tự-do hưởng-dụng.

Những nợ của đôi bên từ trước khi lấy nhau hay trong khi lấy nhau, thì bên nợ không phải đảm-nhiệm cho bên kia.

Vi - hôn - pha làm giấy này cho phép vi - hôn - thê được tự - chủ hành - vi mọi công việc can - hệ đến vợ, nhưng hề không có giấy phép riêng của chồng thì vợ không được thừa - kiền và không được giao - ước gì (BK đ. 97 và 98, TK đ. 96 và 97). Về mọi việc nhu - yếu trong gia - đình thì vợ được đứng thay mặt cho đoàn - thể vợ chồng cũng như chồng. Chồng phải chịu trách - nhiệm về công việc của vợ, trừ khi vợ hành - vi việc gì mà người ngoài có thể biết được rằng vợ lạm - dụng quyền mình thì không kể (BK đ. 100, TK đ. 98). Do chồng ưng - thuận thì vợ được đứng làm một nghề nghiệp hay một công - nghệ gì, bất cứ sự ưng - thuận ấy công - nhiên hay mặc - nhiên (BK đ. 101, TK đ. 99). Vợ được quyền hoàn - toàn quản - trị các đông - sản và bất động - sản của mình, nhưng có muốn đem cho, chuyển - dịch, cầm - thế, thu - nhận vật gì có mất tiền hay không mất tiền thì cần phải do chồng cùng ký trong văn - khế, hoặc có giấy của chồng cho phép mới được (BK đ. 102, TK đ. 101).

Như vậy, phạm làm những việc sau này vợ không cần phải do chồng ưng - thuận, chỉ do chữ ký một mình mình cũng đủ, là :

Làm hợp đồng cho thuê nhà cửa, gia hạn thuê hay bãi hợp - đồng thuê ;

Thu - nhận các món tiền người ta trả, dù trước hạn cũng vậy, và nói chung là thu - nhận mọi khoản tiền hay hoa - lợi của người ta nợ mình, bất cứ về tiền gì ;

Đổi các ký - danh cổ - phiếu (valeurs nominatives) làm vô ký - danh cổ - phiếu (valeurs au porteur), hoặc đổi các vô ký - danh cổ - phiếu làm ký - danh cổ - phiếu ;

Ký tiền vào các ngân - hàng theo lối lưu - trữ hằng ngày (compte courant) ;

Ký tiền hay thu tiền tại Đông - pháp Ngân - hàng hay các nhà ngân - hàng khác, bất cứ về tiền gì.

Do hôn - ước này, chồng cho phép vợ đứng làm việc thương - mại. Khi vợ đứng làm việc thương mại riêng mà do chồng cho phép thì được đủ tư - cách làm hợp - đồng, khế - ước cần - dùng cho sự buôn - bán ấy (BK đ. 103 TK đ. 100).

Người mua hàng trái luật hóa-giá có lỗi hay không ?

Và đối với việc buôn-bán riêng của mình thì vợ có thể làm mọi công việc, ký hợp-đồng, dự phần các công-ty, và nói chung là mọi việc cần-thiết cho sự buôn-bán của mình do pháp-luật và phong-lực vẫn cho phép đàn bà buôn-bán được làm.

Điều thứ hai. — Kỹ-phần của vị hôn-phu.

Nay vị-hôn-phu khai rằng có những tài-sản sau này đem vào đoàn - thể vợ chồng.

I. — Một cửa hàng đặt tên là... tại thành-phố... phố... số nhà... gồm có các khách-hàng, cùng mọi hàng-hóa, tổng cộng ước... đồng.

II. — Các động-sản ở các nhà... tọa-lạc tại... giá tiền ước... đồng.

III. — Các quần áo, chăn màn, khăn và các đồ-vật khác dùng riêng của mình, giá tiền ước... đồng.

IV. — Các bất-động-sản gồm có :

1^o — Một cái nhà gạch, tọa-lạc tại... giá ước... đồng ;

2^o... mẫu ruộng, tọa-lạc tại... giá ước... đồng ;

3^o... vân vân..

Kỹ-phần tổng cộng... đồng.

Kỹ-phần ấy không có bị công-nợ gì cả, hiện vị-hôn-phu đã báo cho biết và vị-hôn-thê cũng nhận là đã biết rõ rồi.

Điều III. — Kỹ-phần của vị-hôn-thê.

Nay vị-hôn-thê khai rằng có những tài-sản sau này đem vào đoàn - thể vợ chồng :

I. — Một cửa hàng đặt tên là... ở phố... số nhà... thành-phố... kể cả khách-hàng, giá cộng ước.....đồng ;

II. — Các động-sản ở trong các nhà tọa-lạc tại phố... số nhà... giá cộng ước đồng.

III. — Các quần áo, khăn, chăn màn và đồ nữ-trang, dùng riêng cho mình, giá cộng ước ... đồng.

IV. — Các bất-động-sản gồm có :

1^o Một cái nhà gạch tọa-lạc tại... giá ước... đồng ;

2^o Một cái nhà gạch tọa-lạc tại... giá ước... đồng ;

3^o vân vân ...

Kỹ-phần tổng cộng... đồng.

Kỹ-phần ấy không có bị công nợ gì cả, hiện vị-hôn-thê đã báo cho biết và vị-hôn-phu cũng nhận là đã rõ rồi.

xem Tân Nam Lịch năm Giáp-Thân.

Điều thứ IV. — Phần đôi bên dự vào các khoản chi-tiêu trong gia-đình.

Về các khoản chi-tiêu trong gia-đình thì đôi bên tùy hoa-lợi của mình nhiều ít mà chịu chung (hoặc là đôi bên mỗi người chịu một nửa).

Các khoản chi-tiêu đó, đôi bên không cần phải tính-toán với nhau hoặc lấy giấy biên-nhận số tiền đã giao cho nhau, cứ ký hôn-ước này thì coi như ngày ngày đã trả phần của mình rồi.

Điều thứ V. — Quyền sở-hữu các động-sản trong nhà ở chung.

Các động-sản hiện của bên nào hay là trong khi lấy nhau, bên nào mới được hưởng của thừa-kế hoặc mới mua được thì bên ấy vẫn giữ quyền sở-hữu mãi.

Đến khi tiêu-hôn, động-sản của bên nào thì bên ấy hãy chứng-thực được là kỷ-phần của mình, đều được lấy về, hoặc người thừa-kế hay người đại-biên của bên ấy được lấy về. Sự chứng-thực có thể bằng giấy tờ, bằng cái đặc-tính của vật dùng, hoặc bằng dấu-hiệu, bằng đơn hàng của người bán. Đồ-vật nào mà đôi bên đều không thể chứng thực được là của mình thì coi như là của bên có cái nhà ở chung hoặc đứng thuê để ở chung.

Điều thứ VI. — Tiền thuê nhà.

Nhà hai vợ chồng ở chung phải coi như là nhà cho chồng (1) đứng thuê, trừ khi có lằng-chứng khác ngoại các giấy biên-lai tiền nhà không kể, mà giấy biên-lai ấy bao giờ cũng phải biên tên chồng (hay tên vợ)

Điều thứ VII. — Quyền kế-tiếp giấy hợp-đồng thuê nhà.

Bên nào chết sau mà không phải là người đứng ký hợp-đồng thuê nhà ở chung thì bên ấy được quyền kế tiếp giấy hợp-đồng thuê riêng cho mình miễn là phải trả tiền thuê và các khoản lật-vật về việc thuê nhà, cũng là phải thi-hành các điều khoản thuê nhà để những người thừa-kế của bên chết trước không bị lo-ngại gì về điều đó và lại phải báo trước về cái ý-định của mình nội trong hai tháng kể từ ngày chết ấy.

Điều thứ VIII. — Trách nhiệm của người chồng.

Về mọi việc cần-thiết trong gia-đình, vợ cũng được thay mặt gia-đình như là chồng vậy, chồng phải chịu trách-nhiệm về công

(1) Hoặc vợ đứng thuê.

Phạm luật hóa-giá, khi nào có thể điều đình để khỏi chịu tội được,

việc của vợ làm, trừ khi vợ làm quá cái quyền-hạn một cách rõ-ràng mà người ngoài đều biết thì không kể. Khi nào vợ lạm-dụng cái quyền thay mặt gia-đình hoặc không thể hành-sử cái quyền ấy thì chồng có thể thu-hồi tất cả hoặc một phần quyền ấy (BL đ. 100, TK đ. 98).

Về những khoản cam-đoan và công-nợ mà vợ đã thay chồng đứng làm trong khi lấy nhau thì vợ hay là các người thừa-kế hoặc đại-biên của vợ sẽ được chồng hay là những thừa-kế của chồng phải bảo-đảm và trả cho.

Chồng không phải chịu trách-nhiệm gì về những tiền mà trong khi lấy nhau, vợ đứng thu-nhận, hoặc về sự trả tiền, hoặc về tiền do các ngân-hàng chuyển giao, tiền bán hay nhượng các đồ-vật hay là cổ-phiếu và công nợ.

Điều thứ IX. — Quyền lợi của người góa

Nếu đôi bên, chẳng may người chồng hay vợ chết trước thì quyền-lợi của người góa-chồng sẽ thi-hành như điều 341 đến 363 Dân-luật Bắc-kỳ (điều 336 đến 363 Hoàng-Việt Hộ-luật Trung-kỳ) và quyền-lợi của người góa vợ sẽ theo như điều 368 luật ấy (TK đ. 369).

Nay đôi bên đều thỏa-thuận dựng hôn-ước như trên ấy.

Làm tại ... ngày ... tháng ... năm ...

Hai bên vị-hôn-phu và vị-hôn-thê đều ký tên ở dưới đây cùng với cha mẹ đã ưng-thuận sau khi nghe đọc hôn-ước.

Ký tên :

Trần-văn-Tình

Đào-thị-An

Trần-văn-Hải

Nguyễn-thị-Khiêm

Đào-dinh-Bô

Phạm-thị-Hạnh

Giáp ngay trên chữ ký của mỗi người, phải tự tay viết lấy chữ “Độc và ưng-thuận”.

Dưới chỗ ký của đôi bên, phải có lý-trưởng hay trưởng-phổ ký tên và áp triện thị-thực như sau này :

Tên tôi là Nguyễn-Văn-Mỗ, lý-trưởng xã... (hay là trưởng-phổ phố...) thị-thực rằng cậu Trần-Văn-Tình và vị-hôn-thê là cô Đào-thị-An, ông Trần-Văn-Hải cùng vợ là bà Nguyễn-thị-Khiêm, ông Đào-dinh-Bô cùng vợ là bà Phạm-thị-Hạnh, sau khi nghe đọc lại tờ hôn-ước trên đó đều ký tên ở trước mặt tôi.

Nguyễn-Văn-Mỗ ký tên và áp triện.

xem Tân Nam Lịch năm Giáp-Thân.

Lúc ký tờ hôn-ước, lý-trưởng hay trưởng-phổ phải cấp cho đôi bên một tờ thi-thực làm bằng giấy thường, kê họ tên, trú-quán của mình, họ, tên, nghề-nghiệp, trú-quán của đôi bên vị-hôn-phu và vị-hôn-thê cùng là ngày, tháng, năm làm tờ hôn-ước.

Giấy thi-thực phải nói rõ là giấy ấy sẽ giao cho hộ-lại (Trung-kỳ là hương-bộ) trước lúc vào sổ giá-thú, vì rằng trong chứng-thư giá - thú phải minh - chú rằng việc giá - thú này có hôn - ước (BK đ. 105, TK đ. 103).

..

Lời hỏi. — Người vợ cả góa chồng, nếu tái-gia thì những tài-sản riêng của mình đã tạo được từ khi chồng chết, các con chồng cũ có thể chiếm nhận được không?

Lời đáp. — Trường-hợp ấy, Bắc-kỳ Dân luật điều 361 và Hoàng-Việt Hộ-luật (tức là Trung-kỳ Dân-luật) điều 360 đã giải-quyết như sau này :

« Nếu trong khi ở góa, người vợ chính lại tạo riêng được hoặc nhận riêng được những động-sản hay bất động- sản thì đối với các tài - sản ấy, người vợ góa được hoàn-toàn sở-hữu và được tự ý sử-dụng. Nếu đi tái-gia thì được đem tài-sản ấy về gia-đình mới. »

Như vậy, người vợ - góa có tái - gia vẫn được quyền sở-hữu các tài-sản riêng của mình, chứ các người thừa-kế của chồng trước không có quyền-lợi gì về các tài-sản đó.

Song người vợ-góa mà tái-gia thì mất hết quyền hưởng-dụng thu-lợi về các tài-sản riêng của chồng trước, và nếu chồng trước có con thì người vợ góa lại mất cả quyền hưởng - dụng tài-sản chung nữa. Nếu không có con thì chỉ mất quyền hưởng - dụng một nửa tài-sản chung thôi. Bắc-kỳ Dân - luật điều 346 và Hoàng-Việt Hộ-luật điều 341 có định như sau này :

« Người vợ - góa thủ-tiết thì suốt đời được hưởng-dụng tài-sản riêng của chồng, tài-sản chung của hai vợ chồng cùng là tài-sản riêng của mình. »

Song điều 360 Bắc-kỳ Dân-luật và điều 359 Hoàng-Việt Hộ-luật lại định minh-bạch như sau này :

« Người vợ góa đi tái-gia tức là ra khỏi nhà chồng trước và mất hết cả quyền-lợi về tài-sản riêng của chồng trước. Còn tài-sản riêng của mình thì vẫn được quyền sở-hữu. Nếu chồng trước không có con thì được một nửa tài-sản chung. »

Thuê nhà hay cho thuê nhà, thế nào là phạm vào luật mới,

Lời hỏi. — Trong những cuộc bầu-cử, muốn rõ đại-đa-số tuyệt đối (majorité absolue) thì phải tính thế nào? Thí dụ có 15 phiếu bầu, thì phải được bao nhiêu phiếu mới được trúng tuyển?

Lời đáp. — Câu hỏi ấy, trong Répertoire pratique Dalloz có giải thích như sau này :

« Khi nào số phiếu bầu toàn là phiếu hợp-lệ cả mà là số chẵn thì cứ chia đôi, lấy một nửa rồi thêm 1, tức là đại-đa-số tuyệt đối. » Thí dụ : có 16 phiếu bầu đúng lệ thì phải được 9 phiếu mới đủ đại-đa-số. « Khi nào số phiếu bầu, toàn số phiếu hợp lệ cả mà là số lẻ, nếu người ứng-cử được một nửa cái số chẵn giáp ngay trên, là được đại-đa-số tuyệt-đối rồi. » Thí dụ có 15 phiếu bầu hợp-lệ thì phải được 8 phiếu (nửa số chẵn giáp ngay trên là 16).

Trong các cuộc tuyển-cử xưa nay, người ta cứ tưởng lầm là phải $15/2 = 7\frac{1}{2}$, thêm 1 là $8\frac{1}{2}$ mới đủ đại-đa-số.

Vậy trong số 15 phiếu bầu, mà được 8 phiếu là đủ đại-đa-số hợp lệ trúng-cử rồi. Án-lệ xưa nay đều công-nhận như thế cả.

...

Lời hỏi. — Một người mới lậu được khu đất, thuê thợ xẻ móng đào được một chum tiền đồng. Vậy tiền ấy của người chủ mới hay chủ cũ, hay của Nhà-nước?

Lời đáp. — Nếu vật ấy đào được ở các tỉnh không thuộc về nhượng-địa Pháp thì điều 517 trong Dân-luật Bắc-kỳ có định như sau này :

“ Những vật quý báu mà khi tìm được xem ra chắc là chôn-cất đã lâu ngày mà vô chủ thì cho là vật mai-tàng.

Vật mai-tàng đó tìm được trong động-sản hay là bất-động-sản của người nào, thì quyền sở-hữu thuộc về người ấy, trừ ra những điều-khoản riêng về vật có ích cho sự khảo-cứu không kể. Người nào tìm được thì có quyền lĩnh thưởng xứng-đáng, nhưng không được quá nửa giá của vật quý ấy”.

Dân-luật Trung-kỳ tức là Hoàng-Việt Hộ-luật, điều 534 cũng tương-tự như thế, nhưng ở đoạn cuối lại có thêm rằng : “ Người nào tìm được của mai-tàng thì có quyền được lấy nửa cái giá của mai-tàng ấy, dù người ấy làm việc cho người chủ của bất-động-sản hay động-sản mà ở trong có của mai-tàng ấy cũng vậy, trừ ra khi nào người tìm được của ấy đã do một người khác thuê đào hoặc làm việc gì cốt để tìm của cái quý-báu hay dấu-tích đời xưa thì khi ấy người thuê đào tìm sẽ coi là người được vật mai-tàng ấy”.

xem Tân Nam-Lịch-năm Giáp-Thân.

Nếu là vật đào được ở đất nhượng-địa Pháp như là Nam-kỳ, Tourane, Hanoi, Haiphong thì phải thi-hành điều 716 Dân-luật Pháp như sau này :

« Người nào tìm được vật mai-tàng ở đất mình thì được quyền sở-hữu vật ấy, nếu tìm được vật mai-tàng ở đất người khác, thì quyền sở-hữu một nửa thuộc về người tìm thấy và một nửa về người có đất. Vật mai-tàng là vật giấu hay chôn mà không ai có thể viện chứng là sở-hữu của mình và do sự tình-cờ mà tìm ra được. »

Chế-độ điền-thổ tại Bắc-kỳ

Chế-độ điền-thổ (régime foncier) có ích-lợi cho dân ta về phương-diện kinh-tế và xã-hội thế nào, nay đã rõ-rệt lắm. Nhờ đó, các bất-động-sản thành ra những vật có thể chuyển-dịch dễ-dàng, khiến cho người có tiền tậu hay cầm được đảm-bảo một cách chắc-chắn.

Vì sự thí-nghiệm ở Nam-kỳ và ở hai thành-phố Hanoi, Haiphong có kết-quả tốt cho nên Chính-phủ định đem chế-độ mới thi-hành khắp cả toàn kỳ. Bởi vậy, mới ra đạo sắc-lệnh ngày 29 mars 1929.

Theo sắc-lệnh ấy, luật Tây và luật ta về phạm-vi bất-động-sản nay đã duy-nhất. Ngay ở điều thứ nhất có nói rằng : « Ngoài chu-vi những đất nhượng-địa Pháp và khắp địa-hạt xứ bảo-hộ Bắc-kỳ, những bất-động-sản tọa-lạc tại đất bảo-hộ do Hòa-ước ngày 6 juin 1884 và Dự ngày 27 septembre 1897 qui-định theo luật Tây thì từ nay bất cứ sở-hữu chủ là người quốc-tịch nào, đều phải theo lệ này cả.

Duy những bất-động-sản và quyền-lợi thuộc bất-động-sản, ngoài những hạng nói ở mục trên thì mới thi-hành theo luật An-nam. Quan Toàn-quyền sẽ trông nom thế nào cho luật xứ Bảo-hộ sẽ sửa-đổi cho thể-lệ điền-thổ được duy-nhất theo như sắc-lệnh này ».

Tuy-nhiên, sự duy-nhất về chế-độ điền-thổ không có hiệu-lực duy-nhất về thẩm-quyền. Điều thứ 3 Dự ngày 23 tháng 10 năm Bảo-Đại 15 (22 novembre 1940) có định rằng những sự tranh-tụng của người An-nam và người theo Nam-luật trong khi thi-hành sắc-lệnh ngày 29 mars 1939 sẽ thuộc thẩm-quyền tòa Nam-án.

Thực ra, thi-hành chế-độ mới ở Hanoi và Haiphong, không mấy khi có xảy ra những việc kiện-tụng gì cả.

Các bà có muốn làm lấy thuốc nhuộm tóc, nước đánh răng,

Sắc-lệnh 29 mars 1939 và sắc-lệnh 21 juillet 1925 cũng in nhau về nguyên-tắc, chỉ khác nhau về vài tiểu-tiết thôi. Hai sắc-lệnh đều căn-cứ vào những lời ghi-chú ở các địa-bộ (matrice cadastrale). Duy theo chế-độ điền-thổ cũ thì mỗi bất-động-sản phải lập một bằng-khoán. Còn như theo chế-độ mới thì mỗi ổng-chủ chỉ có một bằng-khoán, ghi-chú tất cả các bất-động-sản mà ổng-chủ ấy có trong một làng nào. Hiện phải làm như thế, vì đất trong các vùng quê ta phần nhiều chia vụn-vật từng mảnh nhỏ, nếu mỗi mảnh cũng phải làm một bằng-khoán riêng thì công việc không thể tiến-hành một cách mau chóng được.

Trước kia, thời-hạn điều-tra là một năm. Nay rút xuống sáu tháng. Theo sự kinh-nghiệm thì dù cứ để một năm, cũng không ích gì, những người tự trọng quyền-lợi của mình, nếu cần phải khai hay phản-kháng điều gì, cũng không bao giờ để quá hạn, dù sáu tháng, chứ ba tháng cũng còn là dài. Thời-hạn một năm vừa lâu quá dễ khiến người ta quên được, vừa làm cho công việc kéo dài ra. Và cuộc điều-tra để đăng-ký vào sổ chẳng qua là tiếp-tục công-cuộc của sổ địa-chính hàng tỉnh đã làm từ mấy năm nay rồi. Dưới đây, xin nói qua về những điều nên biết trong chế-độ mới.

I. — Trong khi có cuộc điều-tra. — Khi thấy mở cuộc điều-tra về các tài-sản quyền thuộc làng mình, cần nhất là phải xem quyền-lợi của mình có bị xâm-phạm đến không. Độ một tháng sau khi thấy báo đăng hoặc yết-thị ở làng, phải đến hỏi ngay lý-trưởng xem mình có được nhận tờ khai về lý-lịch do sổ Quản-thủ điền-thổ phát không. Nếu không thì hoặc là đất mình đang ở, là đất công, hoặc có điều gì làm-lấn ở sổ Quản-thủ điền-thổ. Phải đến ngay sổ này mà hỏi và mang theo các cụ-khế. Nếu khi lập chứng-thực đăng bộ (certificat d'immatriculation), hoặc vì sơ ý, hoặc không có mặt lúc tiểu ban địa-chính họp, hoặc chưa đủ giấy tờ, thì nay có thể mang những bằng-chứng ấy ra mà yêu-cầu sổ Quản-thủ điền-thổ ghi-chú lời phản-kháng của mình vào một quyển sổ riêng và phát cho một bản chính-lục. Và trong hạn hai tháng, phải mang ra tòa-án kiện kẻ tranh-chiếm của mình hay thành-phố đã làm-lấn để thiệt-hại cho mình. Trong thời-hạn hai tháng, không có giấy của tòa nhận rằng việc kiện ấy đã ghi ở sổ của tòa thì lời phản-kháng ấy cũng vô-hiệu. Ta nên nhớ rằng những lời ghi-chú trong địa-bộ chỉ là tạm-thời, và chỉ khi nào điều-tra xong thì lời ghi-chú ấy mới thành vĩnh-viễn, không thể nào thay-đổi được. Thời-

xem Tân-Nam-Lịch năm Giáp-Thân

hạn điều-tra tra thi đến giờ đóng cửa sổ ngày cuối cùng hạn sáu tháng mới hết. Trước giờ ấy, dù còn mấy phút, vẫn có quyền xin ghi lời phản-kháng được.

II. — Khi muốn đăng-ký một tờ giao-ước như mua, bán, đổi-chác, cho dút, diên-mại, vãn vãn. — Phải nói rõ trong văn-tự số thửa đất tờ thứ mấy trong bản-đồ, diện tích, số bằng-khoản, và có nhà gạch hay nhà lá.

Nếu bán một phần đất chích trong một thửa to thì phải có biên-bản chia của sổ Địa-chính (procès-verbal de morcellement).

Phải mượn lý-trưởng, chưởng-bạ thị-tực theo như mẫu của sổ Quản-thủ diên-thổ như sau này :

Chúng tôi là lý-trưởng, chưởng-bạ làng ... nhận-thực rằng :

1. Ông Nguyễn-văn-Mỗ, sinh ngày 20 tháng 10 năm 1901 tại làng ... tổng ... tỉnh ... và vợ là Trần-thị-Mịch, sinh ngày ... tháng ... năm ... tại làng ... cả hai cùng trú-quán tại làng ... và ông Lê-Văn-Vinh, sinh năm ... tháng ... ngày ... làm nghề ... và vợ là ... sinh ngày ... tháng ... năm ... tại làng ... cả hai cùng trú-quán tại ... hai bên mua, bán trong tờ giao-ước này.

2. Cả hai bên đều thân đến trước mặt chúng tôi.

3. Chúng tôi đã xét căn-cước của cả hai bên.

4. Lòng bản văn-tự này đã đã đọc lại cho cả hai bên nghe trước mặt chúng tôi.

5. Chặt-vấn lại, thì cả hai bên đều nhận là đúng lời định-ước của mình.

6. Cả hai bên đều ký tên hoặc điểm-chỉ trước mặt chúng tôi (hoặc ký tên, điểm-chỉ, trước khi trình văn-tự cho chúng tôi).

III. — Khi sang tên cho những người thừa-kế của người mệnh-một. — 1. Phải làm tờ tông-chỉ theo như mẫu sổ Quản-thủ diên-thổ phát cho lý-trưởng và chưởng-bạ. Mẫu ấy như sau này :

Tên, nghề-nghiệp, trú-quán, của người mệnh-một, chết ngày nào, và tại làng nào, đến ngày mất, người mệnh-một là chủ những bất-động-sản tọa-lạc tại đâu, thửa số mấy, tờ thứ mấy trong bản-đồ, số bằng-khoản.

2. Có giấy khai tử không (nếu tại Hanoi thì từ 1914, mà ở các làng thì từ 1er janvier 1925, là có lệ cưỡng-bách khai tử rồi).

3. Người mệnh-một có chúc-thư không (nếu có, phải đính theo).

4. Tên, tuổi, sinh-quán, trú-quán những thừa-kế người mệnh-một, và nếu có vợ rồi thì phải đề cả tên tuổi, sinh-quán, trú-quán của vợ.

Cách dài khách cơm rượu thế nào là lịch-sự.

5. Cuối cùng phải có câu này :

Chúng tôi là Nguyễn-Văn... lý-trưởng, Trần - Văn... chưởng-bạ, làng... cùng những người làm chứng :

a) Lê-Văn... thế thuê thân năm... số... trú-quán tại làng...

b) Đặng-Văn...

c) Đào-Văn...

là lân hữu của nhà người người mệnh-một, đoan rằng *lời khai này là đúng và đích-xác và chỉ có những người đứng tên ở trên kia mới được hưởng quyền-lợi vào gia-sản của người mệnh-một di lại.

Làm tại... ngày...

Nên nhớ rằng những người thừa-kế phải theo thứ-lự như sau này :

Nếu người mệnh-một có con thì vợ và tất cả các con, bất cứ con-trai hay con-gái, con vợ cả hay vợ lẽ, đều được hưởng phần bằng nhau.

Nếu người mệnh-một không có con thì tài-sản về bố mẹ hưởng, nếu bố mẹ chết cả thì mới về đến các anh em ruột, rồi mới đến những ngành xa hơn.

Nếu con chết thì đến phần cháu, nghĩa là con của người con chết ấy được thay mặt người chết mà hưởng.

Đây mới là nói sơ-lược thôi, nếu có những trường-hợp khó hơn thì hoặc giao hẳn việc cho quản-lý văn-khế (no-te), hoặc đến hỏi tại sở Quản-thủ điền-thổ.

IV. — Tiền công phải trả lý-trưởng và chưởng-bạ khi thị-thực các giấy tờ về ruộng đất. — Theo nghị-định quan Thống-sứ Bắc-kỳ ngày 25 mai 1944 thì lý - trưởng và chưởng-bạ những làng thuộc đại-lý Hanoi có đủ quyền thị - thực các khế - ước của những người Nam, hoặc các giấy tờ khác thuộc về người Nam, khi các khế-ước và giấy ấy phải đệ trình đề đăng-ký vào sổ điền-thổ. Những giấy tờ và khế-ước ấy cũng có thể do các viên quản-lý văn-khế (no-te) thị - thực đúng như sắc-lệnh 24 août 1944. Lý-trưởng và chưởng-bạ được phép lấy theo số tiền mua bán, hoặc giá hiện-thời trong các khế-ước :

Từ 1 đến 1000\$ thì mỗi 100\$ là 1\$ và ít nhất cũng 1\$

Từ 1001\$ đến 2000\$ thì mỗi trăm 0\$75

Từ 2001. đến 4000. thì mỗi trăm 0.50

Từ 4001. đến 10000. thì mỗi trăm 0.25

Ngoài 10000\$ thì cứ mỗi trăm 0.25

Thế nghĩa là :

1000\$ đầu, lý-trưởng, chưởng-bạ được lấy 10\$00

1000. thứ hai, 7.50

2000. sau 10. 00

6000. sau nữa 15. 00

xem Tân-Nam-Lịch năm Giáp-Thân

Thí-dụ: một bản văn-tự mua bán cho, đổi chác một gia-thử giá 10\$00 thì lý-trưởng, chứng-bạ chỉ được lấy 1\$00; giá 2540\$ thì lý-trưởng phải tính như sau này :

1%.	về 1000\$	10\$00
0.75%.	về 1000.	7.50
0.50%.	về 540.	2.75
Cộng		20\$25

Một bản văn-tự giá tiền 15000\$:

1%.	về 1000\$	10\$00
0.25%.	về 1000.	7.50
0.50%.	về 2000	10.00
0.25%.	về 6000.	15.00
0.10%.	về 5000.	5.00
Cộng		47\$50

Những khế-ước nào không cần phải khai giá tiền thì chỉ được lấy một giá nhất-định là 1\$00 (như tờ tông-chi chẳng hạn). — Ngoài ra, không được hạch sách một thứ tiền gì khác nữa. Và tiền này lý-trưởng và chứng-bạ phải chia đôi, mỗi người một nửa.

V. — Tiền thuế phải nộp khi đăng-ký vào sổ điền-thổ. — Điều-tra xong, muốn lĩnh bằng-khoán, phải nộp 0\$26 một trăm, tùy theo giá hiện-thời bất-động-sản và giá cái bằng-khoán là 0\$30. Không giống như thuế thổ-trạch hay các thứ thuế khác vẫn nộp hàng năm, thuế này chỉ phải nộp một lần khi lấy bằng-khoán, coi như để trả lại Nhà-nước đã xuất vốn trả công cho nhân-viên sở địa-chính đo-đạc, và công viên Quản-thủ điền-thổ có trách-nhiệm về điều-tra để lập nên bằng-khoán. Muốn đăng-ký một bản kết-ước về mua bán, đổi trác, cho, sang lên cho người thừa-kế, thì ngoài thuế trước-bạ thường lệ, phải mất 0.20% tính theo giá bất-động-sản nói trong khế-ước, hoặc giá bất-động-sản ngày xin sang tên.

VI. — Khi mất bằng-khoán. — Khi mất bằng-khoán, muốn xin một bản thứ hai, phải gửi đơn đến sở Quản-thủ điền-thổ nói tại sao mất, và xin đăng vào Quan-báo Bắc-kỳ cùng yết-thị tại đình làng. Khi hạn công-bố ấy xong, sở Quản-thủ điền-thổ sẽ phát cho một bản nhận-thực. Lúc đó, lại phải làm đơn kèm có tờ nhận-thực gửi cho tòa-án sơ-thẩm xin một bản án cho phép viên Quản-thủ điền-thổ phát một bản thứ hai bất-động-sản. Tiền lệ-phí chỉ phải nộp ở tòa-án, chứ ở sở Quản-thủ điền-thổ không mất gì cả.

Phạm - Hoàng - Thăng

Cử chỉ trong khi đi ăn cỗ thế nào hợp phép lịch sự,

Y - HỌC VÀ VỆ - SINH

Ta hãy cố làm một dân sạch - sẽ.

Vệ-sinh là gì? Có thể giải-nghĩa vắn-tắt là cái « nghệ-thuật sống lành-mạnh ». Mà cái chìa-khóa mở cái nghệ-thuật ấy là sự sạch-sẽ. Sạch-sẽ là bản-gốc của khoa vệ-sinh, then-chốt của phương-pháp đề-phòng các chứng-bệnh. Thật thế, nhờ sự sạch-sẽ mà người ta có thể vừa trừ được các căn-bệnh (vi-trùng, sâu bọ, nấm, vẩn-vẩn), lại vừa làm cho cơ-thể được thêm mạnh-mẽ. Những dân ăn ở sạch-sẽ là những dân có một chỉ-số về bệnh-thai và tử-vong rất hạ. Cái danh-dự được kể vào dân sạch-sẽ đệ nhất thế-giới có lẽ không nước nào tranh được với dân ở Bắc-bộ Âu-châu và dân Nhật-bản.

Một nước mà dân sạch-sẽ tự bản-tính, cái sạch-sẽ cá-nhân đã thấm sâu vào tinh-tinh phong-tục thì dù không có một cơ-quan nào kiểm-soát vệ-sinh, cái giá-trị về nhân-sinh, nhân-chủng vẫn gấp bội mọi nước có nhiều cơ-quan vệ-sinh tổ-chức hoàn-toàn, mà dân lại ăn ở bần-thiểu, không tuân luật-lệ vệ-sinh.

Vậy dân nào biết tôn-trọng mình cũng phải theo cái khẩu-hiệu “Ta hãy cố nên một dân sạch-sẽ” (Tâchons de devenir un peuple propre).

Tiếng sạch-sẽ là một toàn-thể gồm hết thảy cái sạch-sẽ về thân-thể, về y-phục, về gia-cư, về lương-thực, vẩn-vẩn...

Nếu cái sạch-sẽ của cá-nhân đã hoàn-toàn nhập vào tinh-tinh phong-tục thì vấn-đề vệ-sinh đoàn-thể có thể giải-quyết được một cách rất dễ-dàng. Vì ai đã sạch-sẽ quên đi rồi, khi thiếu sạch-sẽ, không chịu được, tự thấy sự sạch-sẽ cũng cần như là cần ăn, cần uống vậy. Toàn quốc-dân mà đều nhu thế cả, ai ai cũng lăm-lăm niệm-niệm câu “Ta hãy cố nên một dân sạch-sẽ” thì hạnh-phúc vẻ-vàng cho nước biết bao!

xem Tân Nam-Lịch năm Giáp-Thân

Sạch-sẽ của thân-thể là mẹ đẻ sinh ra các thứ sạch-sẽ khác. Ai đã giữ được thân-thể sạch-sẽ thì lẽ tất-nhiên là không chịu mặc quần áo nhơ - nhớp, không chịu ở nhà bẩn-thỉu, không chịu dùng đồ ăn uống không tinh-khiết, ngon-lành, chung-quanh mình nhất nhất, thấy cái gì dơ-bẩn là không dùng.

Sự sạch-sẽ không phải là cái sang - kiển của đời nay. Từ thượng-cổ, dân Ai-cập, Hy-lạp, La-mã đã biết chuộng cái sạch-sẽ thân-thể, cho nên ở khắp thành-thị đâu đâu cũng đặt nhà tắm công-cộng cho dân-chúng dùng, mà không cứ nóng lạnh, họ cũng tắm mỗi ngày đến hai lần là ít.

Đời nay thì cái tình sạch-sẽ hầu như đã lan rộng khắp các nước văn-minh, nhưng người Anh, Mỹ, Đan-mạch, Na-uy, Thụy-điền, và ở Á-đông ta thì người Nhật, vẫn là dân sạch-sẽ có tiếng nhất hoàn-cầu. Trong những xứ ấy, không nhà nào là không có buồng tắm riêng, lại ở những nơi đô-thị, thôn-giã, thấy nhan-nhân những nhà tắm công-cộng để dân-gian dùng thỏa-thích.

Muốn thân-thể được sạch-sẽ, là có thể tắm nước lạnh, nước ấm hay là nước nóng, tắm ở trong thùng tắm hay ở dưới vòi nước-máy, tắm ở hồ, ao, sông, biển. Năng tắm hay thưa tắm là tùy theo thời-tiết, tùy theo sự cần ; mùa nóng bức, mỗi ngày hai ba bận, mùa lạnh ít nhất cũng phải cách hai ngày một lần. Nên nhớ rận, chấy là ký-sinh-vật của những người ở bẩn, nó ưa đốt những da thịt cái ghét, hôi-hám, chứ thân-thể sạch-sẽ thơm tho, thường không phải là chốn nương thân của loài ấy.

Ngoài sự tắm để thân-thể được sạch, lại còn phải năng gội đầu, rửa mặt, tay chân và những nơi kín như tai mũi, miệng, hạ-bộ, hậu-môn, là những nơi dễ bẩn nhất ; bàn - tay phải chăm rửa luôn, móng-tay cắt ngắn ; mà trước khi ngồi ăn, lại cần phải có hai bàn-tay sạch hơn nữa, vì biết bao nhiêu bệnh do bàn-tay bẩn đưa vào cơ-thể, tại sờ vào mắt, vào miệng, hay là làm ô uế đồ ăn thức uống.

Nói tóm lại, sạch-sẽ là cái bí-quyết của nghệ-thuật sống lành-mạnh, mà đã biết giữ thân-thể sạch - sẽ thì tự - nhiên sẽ ham cái sạch-sẽ về quần-áo, về nhà cửa, về ăn uống, nghĩa là khi đã có cái sạch-sẽ ở trong người thì mới thấy cái sạch ở ngoài là cần.

Cách bày bàn ăn thế nào, xem Tân Nam-Lịch năm Giáp-Thân

Sạch - sẽ cũng ví như ánh sáng mặt - trời. Không cứ giàu nghèo, ai cũng có thể hưởng cái ích-lợi của ánh-sáng mặt-trời, miễn là chịu mất công mở cửa trong nhà và ra ngoài đường ngoài sân ; không cứ giàu nghèo, ai cũng có thể hưởng cái ích lợi của sự sạch-sẽ, miễn là chịu khó ăn ở sạch sẽ cho quen.

Chịu lập ăn ở sạch sẽ thì chẳng mấy lúc mà cái sạch-sẽ thành bản-tính thứ hai của ta, và ta sẽ trở nên một dân trong những dân sạch nhất hoàn-cầu.

II — Rận, chấy có thể truyền những chứng-bệnh gì ?

Rận, chấy, ký-sinh-trùng của thân - thể những người ăn ở bẩn thỉu, không những làm ngứa lở khó chịu, nhất là về đêm, phải gãi xước da, xước thịt, mà còn làm nguyên động-lực trong sự truyền-nhiễm những bệnh sốt ghê-gớm, như bệnh sốt hồi-qui (*fièvre récurrente*) và bệnh sốt ban-đỏ (*typhus*). Bệnh sốt hồi-qui, ít thấy ở Đông-dương, là một bệnh sốt có tuần-kỳ, sốt 6, 7 ngày, ngớt 6, 7 ngày rồi lại sốt 6, 7 ngày nữa, thường thường độ 2, 3 tuần như thế rồi khỏi, mà không nguy-hiêm như bệnh sốt ban-đỏ nói sau đây.

Bệnh typhus về hồi đầu năm 1944, ở Hà-nội và đồng-lời ở nhiều tỉnh trong ba kỳ đã thấy phát-hiện trong ít lâu, hoành-hành như một bệnh dịch, làm cho nhiều người bị thiệt mạng. Vậy đồng-bào ta nên tỏ về cái bệnh lây ấy, để biết cách đề-phòng.

Người ta có thể nói bệnh typhus là một bệnh của những kẻ nghèo khổ, đói rách, lao lực, nhà ở bẩn-thỉu chen-chúc, không có chút vệ-sinh như : tù-lao, binh-lính sống ở nơi trận-mạc, những kẻ cầu-bơ, cầu-bắt, dòng-dài, lang-thang, ăn-máy, ăn xin, sa đâu cũng là nhà, ngả đâu cũng là giường thì hay làm môi cho bệnh đó.

Bệnh này sinh ra bởi một thứ vi-trùng tên gọi là « rickettsia ». Vi-trùng sống ở trong huyết đỏ bệnh-nhân, nhờ chấy rận của người bệnh, chuyển-vận sang những người ở gần theo cách rất dễ hiểu như sau này :

Rận chấy của người mang bệnh, sau khi đốt và hút máu đầy vi-trùng, bò sang quần áo của người khác, rồi nhân khi

Cách nuôi vẹt, xem Tân-Nam-Lịch năm Giáp-Thân.

đốt người khác, nhả vi-trùng bệnh vào mạch máu người ấy, thế là bệnh lây ở người này sang người kia, rất nhanh chóng.

Xem như thế thì những hạng người phong-lưu, phú-quí, ăn ở theo vệ-sinh, tuy bình thường không có rận chấy, song chẳng may bị rận chấy của kẻ mang bệnh lạc vào quần áo mình, thì cũng có thể mắc bệnh dễ như chơi. Những triệu-chứng của bệnh typhus, lúc mới phát, không khác những bệnh sốt cảm thường là mấy; cũng ngáy-ngất, cũng nhức đầu, đau lưng, mỏi mệt; nhưng chẳng bao lâu sốt lên dữ-dội, người ồm mê-mẩn, li-bi, mất tinh-thần, không buồn động-dậy như kiệt sức, có khi nói sảng, vật-vã, mắt, mặt đỏ gay, đầu đau như búa bổ, lại thêm nôn mửa và chấy máu-cam. Độ bốn năm ngày sau thì mình-mẩy phát-ban mẩn đỏ, càng dày càng thẫm thì bệnh càng nặng. Cái mẩn đỏ ấy là ngoại hiện-tượng chính của bệnh, cho nên gọi tên "sốt ban-đỏ" là thế. Bệnh hành như vậy độ hai tuần-lễ là cùng. Nếu người ốm có cơ qua khỏi, thì sau một tuần-lễ, các triệu-chứng kể trên, thuyên giảm dần dần. Bằng không, cứ sốt liên miên, miệng khô, lưỡi rụt, sức lực thien dần, gân giật, tay bắt chuồn-chuồn thì là những điềm tuyệt vọng.

Bệnh typhus là một bệnh rất nguy-hiểm. Trong số mười người mắc, có đến năm sáu người chết là thường. Bởi vậy, khi nghe tin đâu có bệnh như thế, mà nhất là nghe thấy nói có nhiều người cùng mắc bệnh một lúc, thì phải nhớ ngay đến các vai chính trong việc chuyên-vận vi-trùng rickettsia từ kẻ ốm sang người lành, tức là con rận, con chấy và con rệp nữa, để lập tức thi-hành phương-pháp bài-trừ rất giản-dị như sau này:

Ra ngoài đường, đi lâu, đi xe, chỗ đông người, không nên gần những kẻ dơ bẩn, để tránh rận chấy của họ khỏi bỏ sang quần áo mình.

Ở trong nhà, phải coi sóc quần áo cho cẩn-thận, và bắt kẻ hầu hạ dùng xà-phòng, tắm rửa sạch-sẽ luôn, thay và nấu quần áo mỗi ngày một bận. Như thế, mới mong tránh được cái hại của một giống vật do cơ-khối đã nên kẻ thù số một của loài người. Nói tóm lại, muốn tránh bệnh typhus thì phải trừ giống chấy, rận một cách triệt-đề. Giữ vệ-sinh thân-thể là một việc tối cần, vì các nhà bác-học đã nghiệm thấy ở những xứ nào vệ-sinh thân-thể được cá-nhân tôn-trọng thì bệnh typhus hầu như không có.

Muốn rõ lịch-sử các đền chùa cổ Ianoi, nên

Sau hết, những người có rận chấy nên nhớ rằng tắm rửa bằng xà-phòng tuy là một cách trừ rận rất hiệu, nhưng chưa đủ, vì giống ký-sinh ấy hay ẩn núp, vào những chỗ có lông, vậy những chỗ ấy, cứ bảy ngày một lần, nên xức một thứ trong những thứ thuốc sau đây:

Huile camphrée au 10e

Alcool camphré au 10e

Vaseline au xylol

Onguent gris (thuốc này để riêng trừ sấm-cước-sắt (morpions) là giống rận ở mu âm-bộ (pubis).

Trong thời-kỳ có dịch typhus, ai có thể, hằng ngày cũng nên vẩy vào quần áo lót mình ít thuốc này:

Essence d'eucalyptus 50 gr

Essence de menthe 50 gr

Essence de citronnelle 50 gr

Mùi thuốc này hắc, đủ trừ rận ngoài không thể đến gần được.

Còn cách chữa bệnh typhus thì không nên tự tiện chữa lấy; phải mời thầy-thuốc. Vả lại, bệnh là bệnh rất dễ lây, Nhà-nước bắt buộc phải khai báo, nếu ở nhà không đủ điều-kiện vệ-sinh thì phải đi nằm nhà-thương.

Bệnh sốt thương-hàn (fièvre typhoïde)

Đừng lầm typhoïde với typhus: hai bệnh sốt khác nhau xa.

Bệnh sốt thương-hàn (typhoïde) mắc phải do nước uống hay đồ-ăn có vi-trùng như rau sống, giầu-tây tưới bằng nước tiểu, nước phân người. Ăn hà (huîtres) cũng có thể mắc bệnh thương-hàn. Bệnh này lây người nọ sang người kia bằng cách trực-tiếp bởi nước-dãi (nước miếng) nước-tiểu, phân người ốm, chứ vi-trùng không do chấy, rận dẫn đến như bệnh typhus.

Bị sốt typhus thì chỉ trong vòng 10 ngày hay 15 hôm là khỏi hay chết, chứ sốt typhoïde thì dai-dẳng từ 3 cho đến 6, 7 tuần-lẽ là thường, có khi đến hơn hai tháng.

Bệnh thương-hàn là bệnh sốt đau ở ruột - non. Bởi vậy, người đau hay chết về chứng hậu biến đi ngoài ra huyết và thủng ruột. Chữa bệnh này, phải tùy theo bệnh-trạng từng người, nhưng

xem Tân-Nam Lịch năm Giáp-Thân

thuốc không cần lắm bằng sự tiết-chế ăn uống. Người đau cũ được ăn vị lỏng thôi, nếu ăn vị đặc sẽ bị thủng ruột. Ai muốn tránh bệnh thương-hàn, nên nhờ docteur tiêm trừ vaccin antityphoïdique.

Mấy điều cần biết cho những người bị chó cắn

Bệnh chó dại (rage) ở xứ ta thường có. Bệnh dại tuy giống chó hay mắc nhất, song những giống bốn chân khác như mèo, bò, cừu, dê, ngựa, lừa, chó sói, cũng có thể mắc được. Bệnh dại của súc-vật rất dễ truyền sang loài người. Chẳng những bị con vật dại cắn phải, người ta mới mắc bệnh, mà bị nó liếm phải những chỗ sứt da, sứt thịt, cũng mắc bệnh, là vì những chỗ da thịt sây sứt đó làm sẵn cửa vào cho nọc bệnh.

Những người mắc phải bệnh dại súc-vật, đại-da-sô là bởi chó dại cắn hay liếm phải, cho nên mới lấy tên chung “chó dại” mà chỉ cái bệnh của súc-vật đã truyền sang loài người. Bệnh chó dại là một bệnh rất nguy-hiêm. Khi bệnh đã phát ra, thì không có thuốc nào chữa được, mà cái chết là cái bi-thảm kết-cục của 100 phần trăm người xấu số. Nhưng may thay cho những người bị cắn, là khoa y-học Âu-tây có cách tiêm phòng rất công hiệu, chắc - chắn.

Khi một người bị chó, hay mèo cắn, vì con vật ấy có điên thật, thì lúc mới đầu cũng chẳng thấy hiện-lượng gì đáng để ý cả. Nhưng rồi đấy, sau một thời gian từ 40 đến 60 ngày, hay lâu hơn nữa, bệnh dại mới phát ra, lù theo vết cắn sâu hay nông, nhiều hay ít, và cũng tùy theo nơi bị thương nữa. Bị cắn ở mặt và ở tay thì nguy-hiêm hơn cả, vì bệnh phát ra rất chóng, có khi sau 15 ngày đã thấy lên cơn.

Người bị chó dại cắn, nếu không biết đi tiêm phòng trước thì khi gần đến ngày bệnh phát, sẽ thấy liên-hiện những triệu, chứng như thế này: người đột-nhiên đổi hẳn làm tỉnh, sinh ra buồn-bã, u-dột, tự-lự, mất nhệ-khi, thích nơi vắng-vẻ tĩnh mịch, không muốn gần ai cả. Rồi dần dần, đêm ngủ không yên giấc, hay mê-hoảng hãi-hùng, hay giật-mình, ngày sợ ánh-sáng, sợ gió, sợ tiếng rung-động, sợ tiếng nói to và nhất là sợ nước, sợ nước đến nỗi khát mà không uống được, vì trông thấy nước là tức-thì lên cơn rùng mình, lắc hông. Khi đã đến lúc sợ nước

Cách chữa giun sán của loài chó, xem Tân-Nam-Lịch năm Giáp-Thân

như thế, là bệnh sắp vào thời-kỳ trầm-trọng: bệnh-nhân phát cơn điên-cuồng, gào thét, không nằm ngồi yên một chỗ, vật-vã, cắn, cấu, xé quần áo, chần màn, phải có nhiều người săn-sóc mới giữ nổi. Còn như thế liên-tiếp ngày đêm, trước ngán sau dài, lạng phần dữ-dội, rồi chỉ trong giảm ba hôm là chết sau một cơn tắc thở. Cũng có người không lên cơn điên, vì toàn cơ-thể hầu như dần-dần lê-liệt; nhưng dù bệnh-trạng có đỡ phần ghê sợ, cái sống ngắc-ngỏi vẫn không quá 9, 10 ngày.

Cách chữa.— Trên kia đã nói khi bệnh phát rồi thì không có phương-kế gì chữa được. Chỉ có cách tiêm phòng khi mới bị con vật điên cắn mà thôi. Bởi vậy, ai bị cắn nên theo đúng lời dặn như sau này:

1.) Khi mới bị cắn, ngoài sự chữa vết thương (dốt hay là bôi thuốc sát-trùng) phải đi tiêm ngay, đi sớm càng nhiều hi-vọng tránh được bệnh.

Người ở nơi có viện Pasteur thì đi thẳng đến đó; người ở xa thì đến nhà-thương tỉnh-lỵ, ở đó sẽ chỉ bảo cho phải tiêm tại đâu.

Nên nhớ rằng việc tiêm thuốc trừ không phải mất tiền. Tuy vết cắn nặng nhẹ, thời-kỳ tiêm trừ chỉ có từ 15 đến 25 ngày là cùng. Tiêm không có công phạt gì, bất quá những ngày tiêm có đau-đớn khó chịu chút đỉnh cũng không đáng kể, so với cái lợi vô ngàn được thập phần chắc-chắn là không mắc bệnh dại.

2.) Không nên giết con vật đã cắn mình. Cố bắt sống lấy nó để đưa đến sở thú-y khám-nghiệm, vì nếu 15 ngày sau khi cắn, nó vẫn sống và vẫn mạnh-khỏe ăn uống như thường thì dù mình đang tiêm đỡ-dang cũng không cần phải tiêm nốt.

3.) Nếu vì lẽ gì hay vì vô ý đánh chết nó rồi, thì phải nhớ chặt đầu nó mang lại cho viện Pasteur lấy óc thí-nghiệm, để sở ấy có bằng-cứ chắc-chắn mà định thời-hạn tiêm là bao nhiêu ngày.

Nói tóm lại, bất cứ ở trường-hợp nào, đã bị chó hay là vật khác cắn, điều có quan-hệ mật-thiết đến tính-mệnh là phải đi cầu-cứu tiêm trừ bệnh chó dại ngay, và nếu mang được cả con vật sống, hay đầu con vật giết chết thì lại càng tốt hơn nữa. Rồi ở đây cắn hay không cần tiêm trừ, đã có các nhà chuyên-môn quyết định, mình không còn mối lo ngại gì nữa.

Sau hết, còn một điều cần biết cho cả mọi người, là nhà ai

Cách chữa kết đuôi, xem Tân-Nam Lịch năm Nhâm ngo.

chẳng nuôi chó, nuôi mèo. Những giống vật ấy là vật thân-cận của người, mặc cái giá-trị riêng của mỗi con vật, bôn-phận chủ là phải lo xa cho nó có thể mắc đại mà nên đưa nó đến sở thú-y xin tiêm trừ trước. Lo xa cho giống-vật gần mình, tức là lo xa cho bản-thân mình, cho cả nhà mình và cho người ngoài nữa.

NGUYỄN VIỆT - AN

Chữa người tự-sát bằng thuốc-phiện với dấm-thanh

Những người chán đời tự sát bằng thuốc-phiện với dấm-thanh thì con-người mất tự-nhiên nhỏ lại. Trong khi đợi thầy-thuốc đến chữa, hoặc khiêng đến nhà thương, phải cho uống ngay thuốc mửa, như thuốc ipéca độ 2 grammes pha trong một cốc đầy nước. Phải giữ cho người ấy tỉnh luôn, đừng cho nằm, bắt đi đi, lại lại, lấy khăn ướt vỗ vào mặt. Phải gi điện vào chân tay, tiêm thuốc, cho ngửi nước-dải-qui (ammoniaque). Cứ 20 phút một lần, cho uống café hoặc nước chè pha đặc. Nếu có cần, phải làm hô-hấp nhân-lao như là chữa người chết đuối vậy và chữa luôn trong mấy giờ đồng-hồ (có khi đến 10 giờ).

Thầy-thuốc sẽ rửa da-dây và tiêm thuốc sulfate d'atropine hay permanganate de potasse để giải thuốc-phiện ra.

Rắn cắn chữa thế nào ?

Đừng để mất phút nào, phải chữa ngay theo cách sau này :

1.) Nếu bị cắn ở tay hay ở chân, thì phải lấy dây hay khăn mouchoir thắt chặt vào phía trên chỗ bị cắn, để ngăn-giữ nọc độc không lưu-thông trong mạch máu được ;

2.) Tìm hai cái vệt đỏ nó cắn ở đâu, rồi lấy dao con hơi dẹt còn sẽ rạch chữ thập vào đó mà nặn cho máu chảy ra để tống nọc độc đi

3.) Chích máu xong, tức-khắc phải lấy miếng sắt nung đỏ gi vào chỗ bị cắn, hoặc là lấy bông thấm nước thuốc sau này mà rửa cho rõ nhiều để trừ nọc độc đi, hoặc bằng permanganate de potasse pha 1/100 ; hoặc eau de Javel 1/10, hoặc chlorure d'or 1/1000.

Phía trên vết cắn, lại phải tiêm một thứ trong ba thứ thuốc trên ấy, nhất là thuốc permanganate de potasse pha 1/100, hoặc có thể tăng đến 5/100 và tiêm chừng 5 đến 10 centimètres cubes.

Đoạn lấy vải xô thấm rượu 90° đắp lên vết thương.

Nếu không sẵn thuốc gì thì cũng lấy dao rạch vết cắn ra, rồi lấy môi hút mạnh và khạc nhổ ngay, nhưng mình hút lấy hay người nào hút hộ, môi lợi phải nguội lạnh, không có vết dilt nào mới nên hút, không thì thành ra hút hết nọc độc vào miệng. Nhổ rồi, phải rửa miệng và súc miệng bằng rượueko kỹ.

Cách chữa bỏng xem Tân Nam Lịch năm Tân tị

4) Phải cho người bị cắn uống nước chè nóng hay cà phê cho tỉnh.
5) Cho mời ngay thầy-thuốc và nhờ dân mạng theo thuốc sérum antivenimeux đến. Thuốc này do viện Pasteur chế bằng máu những con ngựa đã tiêm thuốc trừ làm bằng nọc rắn có hòa hypochlorite de chaux cho nhẹ bớt đi. Người ta dùng nọc rắn hổ-mang bên Ấn-độ (cobra) hoặc nọc rắn độc (vipère). Thuốc này có tiêm nội trong bốn giờ đồng hồ sau khi bị cắn thì mới có hiệu. Thường người ta tiêm trừ từ 10 đến 20 centimètres cubes, nhưng nếu rắn độc lắm thì có thể tiêm từ 40 đến 100 centimètres cubes.

Đỗ máu cam chữa thế nào ?

1) Đem người đau vào chỗ mát, cởi cúc áo ở cổ và ở ngực ra.
2) Để người ấy đứng và bắt hít hơi rõ mạnh bằng mũi, rồi thở hơi ra bằng miệng ; 3) Máu đỏ lỗ mũi bên nào thì dùng tay bên ấy vào nước nóng ; 4) Lấy khăn-mặt giấp nước rõ nóng, hay rõ lạnh đắp vào gáy hay vào dưới gáy chỗ giữa hai bên vai ; 5) Máu đỏ lỗ mũi bên nào thì lấy ngón tay gi mạnh vào bên ấy trong 5 hoặc 10 phút, đầu cúi về đằng trước cho máu dừng chảy vào cuống-họng. 6) Lấy bông thấm nước pha antipyrine 1/10 hay pha ferropyrine 1/10 mà nhét vào bên lỗ mũi chảy máu. 7) Nếu nặng đỗ máu cam thì phải hỏi thầy-thuốc mời rõ căn-bệnh mà chữa được (bệnh thừa thịt trong mũi, ngoại thương, phong-thấp, tim-lạ, thương-hàn, sỏi, sốt-rét ngã-nước, vân vân...)

Cấp cứu những người bị ngạt

Thấy người thất cổ thì phải làm thế nào ?

1.) Phải đỡ lấy mình người ấy, rồi hãy tháo dây, vì nếu chưa đỡ mà đã tháo thì người ta ngã (tê) và có thể bị thương được. 2.) Phải cắt hay cởi ngay dây ra. 3.) Phải cởi quần áo, phải nạy miệng người ấy và làm ngay hô-hấp nhân-tạo (cách làm xem ở dưới). 4.) Phải mời ngay thầy-thuốc.

Chữa người chết đuối thế nào ?

Điều cần nhất là chờ có dốc ngược chân người ấy lên để tháo nước ra. Chẳng những nước không ra được mà người đàn lại càng chóng chết. Phải chữa ngay tại nơi vớt lên và theo cách sau này trong khi đợi thầy-thuốc đến. 1. Phải đặt người chết đuối vào chỗ thoáng khí và cởi ngay áo ra. 2. Phải nạy miệng và lấy khăn-mặt móc hết dãi nhớt và bọt sền ở trong miệng ra. Lấy dũa hay nút chai ngáng miệng. 4. Làm phép hô-hấp nhân-tạo (phương-pháp Schaefer) theo hình vẽ dưới này.

Phương-pháp Schaefer. — Phải đặt người bị nạn nằm sấp xuống đất hay xuống giường phản, ruỗi (đưa) hai tay về phía đầu. Người chữa quỳ hai đầu gối vào hai bên đùi người nạn, hình như cưỡi lên và

Muốn rõ luật mới về việc thuê nhà, xem Tân-Nam-Lịch năm Quý-mùi

mặt ngoảnh về phía đầu. Mở hai bàn tay đặt lên lưng người đau,



vào chỗ xương-sườn cụt, rồi từ từ ép mạnh vào ngực để cho người đau thở ra. Xong rồi lại từ từ ngồi xuống bụng-chân người đau mà không ép nữa, song bàn tay vẫn cứ để nguyên chỗ cũ, để cho bụng người đau nở ra và khí-trời ở ngoài lọt vào. Thế là thở

vào. Người chữa phải làm như thế mãi, cứ năm giây đồng-hồ một, phải ép luôn ba giây. Cứ làm thế mãi trong hai giờ, có khi đến ba giờ người đau mới lành.

Đồng thời, một người thứ hai lấy một cái cặp riềng, hoặc ngón-tay bọc mouchoir, mà sẽ lới lưởi người đau ra, vào giữa lúc người thứ nhất nghỉ ép, nghĩa là lúc người đau thở vào. Cứ đếm-được ba tiếng 1, 2, 3, thì lại đẩy lưởi vào trong miệng, nghĩa là lúc người đau thở ra. Mỗi phút đồng-hồ, lới lưởi ra 15, 16 lần và đẩy lưởi vào cũng 15, 16 lần. Lại phải làm cho người đau được nóng khắp mình mẩy: lấy gash nung, hoặc bàn-là (bàn ủi) bọc vải xát vào mình, hoặc nữa là lấy nỉ hơi nóng mà xoa vào mình. Phải lấy nước-dải-quỷ (ammoniaque) cho người đau ngửi.

Nếu người đau thở-dài thì phải theo nhịp hô-hấp tự-nhiên người ấy mà lấy tay ép vào sườn như đã nói ở trên, để cho hô-hấp nhân-tạo với hô-hấp tự-nhiên cùng theo nhịp với nhau một lúc. Thường ra, chỉ chữa độ 15 đến 20 phút thì người đau đã thở được, song chừng nào thấy thuốc chưa nhận là hết hẳn thì không nên nổi-trí vội. Nhiều khi, phải chữa luôn đến một hai giờ đồng-hồ, người chết đuối mới hồi tỉnh. Thấy người đau thở được thì phải cởi hết quần áo ra và thay quần áo nóng, rồi đắp mền ủ kín. Trong khi ấy thì phải xoa mình mẩy cho nóng, phải để những chai nước nóng vào chân, vào nách, vào bụng. Xem có thể nuốt được thì cho uống những thứ rượu mạnh như cognac, rhum, kirsch, vân vân...

Bệnh - trĩ (hémorroïdes)

Bệnh này thông-thường lắm. Người lớn bất cứ đàn-ông hay đàn-bà, hễ có bệnh táo, hay vì lẽ gì khác làm cản trở sự lưu-thông trong hồi-huyết-quản là dễ mắc lắm. Người mắc bệnh trĩ thì mạch-máu ở hậu-môn (ngoại-trĩ) hoặc ở hạ-tràng (nội-trĩ) chùng ra. Mạch-máu đến thường ứ máu lại, sưng lên rồi chảy máu. Bệnh-trĩ phần nhiều là tại di táo. Vậy ăn, phải kiêng những chất dễ táo, như thịt, trứng, chocolat, vân vân, phải kiêng cả những đồ gia-vị như dấm, tiêu, ớt, moutarde, vật săn-bắn dễ có mùi, phó-mát mạnh, rượu vang (rượu trái) nguyên chất, các

Cách thử mật ong thế nào xem Tân Nam-Lịch năm Nhâm-Ngo

thức rượu mạnh. Chỉ nên ăn rau dền, hoa quả là hơn. Phải nâng tập thể - thao, đi bộ, nhưng phải kiêng cưỡi ngựa và đi xe đạp. Nếu kiêng ăn cũng chưa đủ thì phải uống những thứ thuốc tẩy nhẹ, như dầu huile de ricin, huile paraffine, nếu uống dần tẩy cũng chưa đủ thì phải thật nước đun sôi để nguội bằng một cái canule cao-su mềm. Mỗi khi đại-tiên xong, phải rửa hậu-môn cho kỹ bằng nước lạnh và ngâm vào nước lạnh chừng 20 đến 45 phút. Hoặc nhét những miếng nước-đá nhỏ-nhỏ vào hậu môn cũng được. Phải uống thuốc intrail de marron d'Inde cho đỡ đau và để thu nhỏ cái nút-thịt xung ở hậu-môn lại (chừng 6 đến 8 giọt, sáng và chiều) hoặc uống proveinase Midy, (liều 4 đến 6 viên một ngày nuốt chửng chứ đừng nhai).

Mỗi ngày hai buổi, sáng và tối và trước khi đại-tiên phải bôi hậu-môn và hạ-tràng bằng một thứ thuốc-mỡ như rectoline hay pommade Midy, ở hàng thuốc tây nào cũng có bán. Có thứ thuốc sau này bôi cũng công-hiệu lắm ;

Antipyrine 4 grammes; Solution d'adrénaline 1/1000, 50 giọt; Chlorhydrate de cocaïne 30 centigrammes, Extrait mou de belladone, 30 centigrammes; Extrait de marron d'Inde 4 grammes; Lanolin/vaseline mỗi thứ 20 grammes.

Bệnh trĩ nào uống thuốc không đỡ mà thấy chảy máu nhiều, hoặc thấy đau thì phải tiêm glycérine phéniquée hay chlorhydrate double de quinine để làm đông máu lại. Nhưng cách này chỉ thấy-thuốc mới có thể làm được thôi. Sau nữa, có khi phải dùng thuốc-mê mà cắt đi hẳn, nhưng việc này là việc của nhà giải-phẫu chuyên-môn mới được làm.

Bệnh chốc

Ở nước ta, bệnh này trẻ-con mắc nhiều lắm. Đàn bà nuôi con, phần nhiều không biết chữa, bái mách cái gì cũng theo, như là bôi phẩm lực, bôi dầu ở máy xe-lửa rớt xuống, vùn vùn. . . chỉ lỗ thêm bản mà vẫn không khỏi. Bệnh chốc tuy không hại gì đến sức đứa trẻ, song cũng phải chữa để cho nó khỏi ngứa ngáy bản thịt. Sau đây, bản-xã chép lại đoạn dạy chữa chốc trong quyển Sản dục-chỉ-nam là sách

KHỎE VA BỒ

Chỉ có rượu « CẮC KỀ » của hiệu YUNE HING 41 Hàng Điều Hanoi : là một nhà chuyên môn Rượu « CẮC KỀ » chuyên dưỡng âm, bổ thận. Đàn ông làm việc nhiều, nhọc mệt, đau lưng, đàn bà sinh nở kém sữa, ăn ngủ ít, thời uống rượu « CẮC KỀ » thấy mọi cách nhanh chóng khác thường.

Tổng phát hành tại hiệu :
YUNE-HING

41, Hàng Điều — Hà Nội

rất có giá-trị của bác sĩ Nguyễn-văn-Luyện, trang 261 (lần thứ 4) như sau này :

• Chốc là những mụn tròn đóng vảy, thường mọc ở trên đầu, có khi kín cả đầu, làm rụng cả tóc. Lại có khi lan cả ra thân thể, vào cả mắt nữa. Chữa thì trước hết làm cho rụng vảy đi : bỏ bằng bông tẩm nước nóng hoặc tẩm thuốc eau d'alibour (pha 5 phần nước). Khi vảy đã rụng rồi thì bôi pommade oxyde jaune de mercure. Ở trên đầu thì nên cắt tóc đi cho dễ bôi thuốc. Có bệnh chốc rụng tóc, cần phải chiếu điện-quang (Rayon X) mới khỏi.

Những đứa trẻ có bệnh chốc, phần nhiều gây (ốm) yếu, dễ sinh bệnh khác như lao, cần phải cho uống thuốc bổ, như dầu cá-thu hay sirop iodolannique, sirop d'iodure de fer, sirop de raifort iodé.

• Nên cho ở bờ biển hay tắm nước biển ít lâu thì tốt lắm. Nếu không ra bờ biển được thì có thể cho tắm nước mặn cũng được, là lấy một kilo muối pha với 35 litres nước ấm ấm, mỗi ngày hoặc hai ngày một lần.

Cách trừ rận chấy

Rận, chấy là giống truyền bệnh, phải trừ cho triệt. Có một điều khiến cho người ngoại-quốc phải ngạc-nhiên là dân-quê ta, nhiều người cứ để rận chấy ở mình mãi. Ngày nay nhờ khoa-học mà người ta đã rõ rằng chính những con chấy, con rận, con rệp là giống truyền bệnh chóng nhất, như bệnh dịch-hạch, bệnh sốt hồi-qui.

Vậy thì những giống ký-sinh ấy phải trừ cho triệt. Trừ chấy phải làm theo cách sau này :

1.) Gội đầu bằng xà-phòng, được xà-phòng đen thì hơn.

2.) Vò đầu trong 10 phút bằng nước crésyl jégès pha hơi đặc, cứ 5 phần nước, 1 phần crésyl. Phải có ý, kéo vào mắt thì chấy mắt. Phải gội đầu và vò đầu như thế ba bốn hôm luôn. Đàn-bà tóc dài thì nên gội nằm trên ghế ngựa, đầu thò ra ngoài ghế, tóc xoắn vào trong một cái chậu đặt lên ghế - đầu, rồi nhờ người khác gội đầu cho mình. Gội xong, phải lấy khăn khô mà lau sạch nước. Muốn trừ sấm-cước-sắt ở lông âm-bộ thì phải bôi thuốc mỡ pommade mercurielle mua sẵn ở các hiệu thuốc tây. Bôi được vài giờ hãy rửa bằng xà-phòng và nước nóng. Làm luôn như thế ba bốn hôm thì hết. Còn như rận thì cách chữa công - hiệu nhất là bỏ cả quần áo và chăn giường vào nước sôi mà luộc.

NÊN ĐỌC

Luật Lao - Công

GIÁ : 0 \$ 30

Bán tại HÀ - THÀNH ÁN - QUÁN

85, PHỐ HÀNG BÔNG, HANOI

Làm thế nào cho xà-phòng đỡ hao, xem Tân Nam Lịch năm Quý mùi

Bệnh xanh sao — Bệnh lao — Phương-pháp Whipple

Những người mắc bệnh lao và xanh sao thiếu máu, nên ăn những thứ thịt đỏ : thịt cừn huyết, thịt quay hay nướng, nước thịt ép, thịt sống và nhất là tủy xương còn tươi và óc có nhiều chất sắt thì thấy mạnh lên nhiều lắm. Bác-sĩ Whipple có nghiệm rằng gan bê sống cho những người xanh sao ăn bở lắm, mỗi ngày có thể cho ăn từ 100 đến 200 grammes gan bê sống băm nhỏ vào trong một bát nước ninh, hoặc cho ăn lẫn với trứng trắng, với khoai tán hay là với rau dền chẳng hạn, để cho dễ ăn. Hoặc là cho ăn lẫn với bánh quết bơ cấp vào trong những miếng bánh nhỏ. Người nào ăn gan sống không chịu thì đem nướng qua đi, hoặc là chần bằng nước sôi, rồi ăn cả nước ấy như là ăn canh vậy. Không có gan bê thì ăn gan bò, gan cừu, gan gà hoặc là cho ăn bở-dục bê cũng được. Cách ăn cũng như là ăn gan. Chữa bệnh xanh sao, lại có thể cho ăn nhiều rau đậu sống, như là cải-soong, rau dền, cải bắp, măng tây, cà-rốt, đậu trắng, vì nó có nhiều chất sắt. Chỗ nào không tiện mua gạo thì có thể mua những lọ thuốc chế toàn bằng gan (extrait concentré de foie glyceriné).

Bệnh hoa-liểu

Trong Tân-Nam-Lịch năm Giáp-thân, trang 53 và 54, bản-xã đã chỉ cách tránh bệnh hoa-liểu thế nào.

Các nhà y-học xét ra bệnh ấy mỗi ngày mỗi thêm bành-trướng và có di hại đến các đời sau nhiều, nên bản-xã tưởng nên mách thêm lối của nhà binh Hoa-kỳ phòng-giữ cho binh-sĩ khi sang Âu-châu, dự cuộc đại-chiến năm 1917-1918 như sau này :

Giao-hợp xong, dương-vật phải rửa xà-phòng, rồi lấy ống-bút nhỏ bằng thủy-tinh thụt nước protargol 2% vào trong ống-tiểu tiện để phòng bệnh lậu. Thụt thuốc vào rồi, phải lấy hai đầu ngón tay ép chặt lấy miệng ống-tiểu tiện độ giảm phút để giữ nước thuốc khỏi chảy ra.

Còn như phòng bệnh tim-la thì xoa bóp dương-vật độ giảm phút bằng thuốc mỡ calomel cho nhiều để thuốc thấm vào trong da.

Mặt dưới qui-đầu và hai bên, phải bóp cho kỹ, vì mụn thường phát ra ở đó. Đoạn, lấy một tờ giấy lụa mà bọc dương-vật trong 4, 5 giờ đồng-hồ, bấy giờ mới được rửa cho sạch thuốc. Thuốc calomel một phần ba, gọi là thuốc mỡ bác-sĩ Metchnikoff làm như sau này :

Vaseline 10 grammes ; Calomel 33 gr. Lanoline 67 gr. Nên nhớ calomel là thuốc-độc, đừng để cho trẻ-con sờ mó đến.

Đồ mừng, đồ phúng thế nào cho nhà, xem Tân-Nam-Lịch năm Quý-mùi

Bác-sĩ Gauducheau là nhà sáng lập ra sở làm giống đậu-mũa ở Thái-hà ấp, gần Hanoi, mấy năm trước có chế ra một thứ thuốc mỡ, vừa phòng bệnh lậu, vừa phòng tim-la, dùng để bôi ngoài dương-vật, nhưng cũng có thể cho vào ống-tiền tiện được chừng 2 phân tây, thuốc ấy pha những vị sau này:

Cyanure de mercure 10 centigrammes, Thymol 1 gramme 75;
Huile de vaseline 4 grammes; Calomel 25 grammes; Lanoline 50 grammes; Vaseline q.s. pour 100 grammes (pha cho đủ 100 grammes).

Thứ thuốc mỡ này, các hàng thuốc có bán, gọi tên riêng là gélolebe 29.

Y-SI NGUYỄN-VIỆT-AN



30 NĂM CHUYÊN
NGHIỆP VÀ KINH
NGHIỆM VỀ ĐÚ
MỌI CHỨNG BỆNH

PHÒNG THUỐC Ở HANOI

Số 15, Phố Hàng Cót

và

Số 2, Phố Sóng-tô-lich

Lệ giao-dịch với nhà lá-ga, xem Tân-Nam Lịch năm Nhâm-ngọ

Vệ-sinh về đồ ăn uống

I. — Làm thế nào cho đồ-ăn được dễ tiêu. — Đồ-ăn có nhiều thứ khó tiêu như là những món chua, món nhiều mỡ, nhiều đường, những thứ cá có dầu-mỡ như cá-thu, các thứ sò hến, những giống sần-bần, đồ-hộp và các thứ quả xanh. Đồ-ăn có thứ dễ tiêu như bánh-mì để lâu một hôm, cá nước ngọt, thịt nạc nướng và những quả chín. Ăn một món gì có thấy ngon miệng thì mới dễ tiêu. Ăn miễn-cưỡng hay ăn vội thì đầy bụng. Ăn càng thấy ngon thì những cục-hạch của bộ máy tiêu-hóa càng tiết ra nhiều nước tiêu. Muốn cho đồ ăn tiêu kĩ thì trước bữa ăn, nên ngấm đồ ăn ít lâu cho miệng rõ thêm. Đồ-ăn nóng quá hoặc lạnh quá cũng khó tiêu. Nóng độ 50 độ thì vừa.

II. — Đồ-ăn lấy ở động-vật. — a). — Trứng, sữa. — Khi dùng sữa bò, nên nhờ sở thú-y khám xem con vật có bị bệnh lao không, vì bò có thể truyền bệnh cho người bằng sữa được. Đồ dùng vắt sữa phải thật sạch, ngày nào cũng rửa bằng nước sôi. Trước khi ăn sữa, nên hâm lên; không nên ăn sữa với thịt cùng một lúc, nếu không sẽ bị bệnh đau ruột. Trứng luộc khó tiêu, không nên cho người đau ăn nhiều. Trứng chần bỏ và dễ tiêu hơn cả. Phải chọn quả lành hãy nên ăn. Lòng đỏ rất bổ và dễ tiêu hơn lòng trắng.

b) Thịt. — Chỉ nên ăn thịt những con vật khỏe-mạnh. Nếu miếng thịt sống có màu đỏ sẫm, không có mùi ôi, không bầy-nhảy, có xương trắng nõn, tủy hồng hồng, thơm ngon lành thì hãy nên mua. Mua về, nên ăn ngay vì thịt để lâu, vi-trùng sinh ra chất ptomaine là một thứ thuốc-độc. Chỉ nên ăn thịt những con vật do thầy thuốc thú-y đã khám-nghiệm rồi. Chớ tham thịt lâu thuế rẻ tiền, lỡ ăn phải thịt con vật có sán, có giun, đau ốm hay toi thì sinh bệnh. Khi thịt chín rồi thì chất albumine đông lại. Bởi vậy, thịt hơi sống dễ tiêu hơn thịt chín. Tuy vậy, thịt chín mềm hơn thịt sống, vì khi đun nấu, các thớ thịt dần ra. Thịt loài cầm cũng bổ như thịt loài thú.

c) Tôm, cá, sò, hến, ếch. — Cá nước ngọt dễ tiêu hơn cá có dầu mỡ. Sò, hến, tôm, cá trôn có chất độc, ăn vào sinh bệnh mẩn tịt ngoài da (urticaire) là thứ bệnh do mồ-hôi tiết chất độc ấy ra ngoài da, mình mẩy ngứa ngáy mẩn đỏ lên. Cá mang đỏ, mắt tròn và sáng, thịt không nhẽo là cá tươi. Lấy ngón tay ấn vào mình cá, nếu cá tươi thì mình nó không có vết ngón-tay. Ếch cũng phải tươi lắm mới ăn được.

Khoáy trâu thế nào là xấu, xem Tân-Nam-Lịch năm Nhâm-ngọ

III.— **Đồ ăn lấy ở thực-vật.**— a) rau, khoai.— Trời mưa làm bẩn bùn, phân, hay nước - tiểu vào rau. Vậy trước khi ăn, phải rửa từng lá rau một bằng nước sạch có pha permanganate de potasse (thuốc-tím).

Ăn khoai và ăn những rau có nước (légumes aqueux) thì không mắc bệnh táo. Rau nấu chín thì rửa ra và dễ tiêu hơn. Người không nên ăn rau sống.

b) **Bột, bánh-mì, bánh ngọt.**— Bột để lâu thì có mùi chua, chớ nên ăn. Nếu cối xay và cối nhào bột có vá bằng chì thì ăn rất độc. Bánh-mì làm bằng bột-mì, muối và men. Men làm cho bánh nở ra. Nhiệt-độ của lò bánh-mì cao nhất là 250 độ, bởi vậy khi bỏ lò nướng, bao nhiêu vi-trùng bám vào bánh đều chết hết. Những đồ dùng làm bằng gỗ sơn, không nên dùng làm củi đốt ở lò bánh. Vì chất sơn ở gỗ sinh ra một hơi độc bám vào bánh. Bánh-mì để lâu một hôm, dễ tiêu hơn là bánh mới. Bánh ngọt phần nhiều khó tiêu, chớ nên ăn nhiều.

IV — **Đồ gia-vị.**— Không nên cho nhiều đồ gia-vị vào các món ăn, nhất là mỡ. Tương cũng bõ như nước-mắm, nhưng ít chất sinh-tổ và chất đậm hơn. Trẻ-con nên cho ăn hơi mặn. Người lớn nên ăn nhạt cho khỏi hại thận. Mùa lạnh, nên ăn nhiều mỡ và đường hơn mùa nực, để mình-mẩy được nóng hơn. Mật-ong bõ và dễ tiêu hơn đường. Nhưng phải chọn thứ tốt, vì ăn mật của những ong hút các nhị hoa dại, có thể ngộ-độc.

V — **Đồ ăn lỏng.**— a) Không cần phải nói đến rượu là một thứ đồ uống rất có hại. Các nhà y-học đã nói nhiều rồi.

b) **Nước cà-phê và nước chè.**— Pha loãng uống bõ tim, nhưng uống nhiều thì bộ thần-kinh sẽ bị hao-tồn.

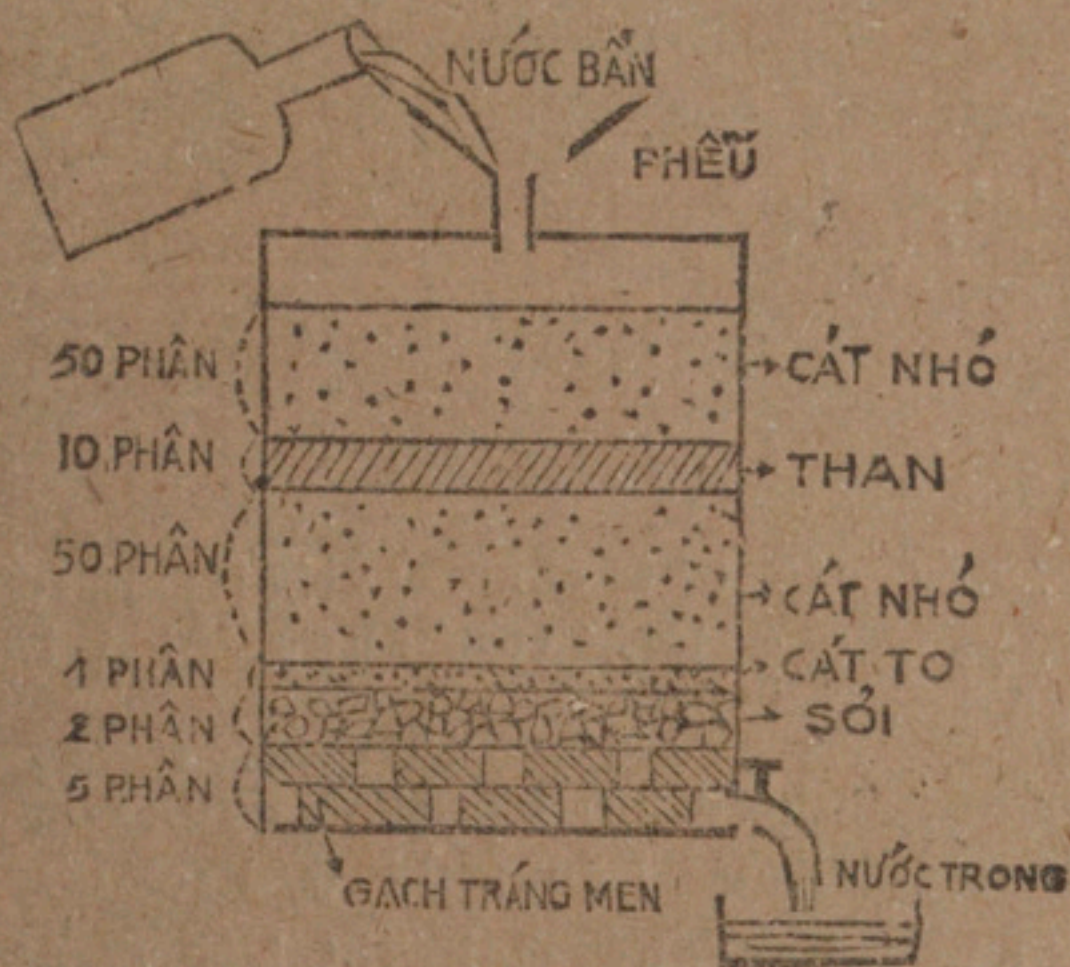
c) **Nước lã.**— Nước lã trong sạch, ít vi-trùng, vôi và sắt là đồ uống tốt nhất. Nước máy ở các thành-thị phần nhiều được tinh-khiết, trong lành, vì những giếng lấy nước đều do các viện Pasteur phân chất luôn. Ở thôn-quê, người ta chỉ dùng nước giếng, nước sông, nước ao hay là nước mưa. Nước ao là thứ nước dơ-bẩn nhất. Muốn cho đỡ đục, dân quê một đôi khi người ta đánh phèn chua, hoặc dùng lá mùng tơi, lá ngải-cứu, rễ cây lang ngâm vào nước; nhựa ở lá và rễ quấy vào chất bẩn mà lắng xuống. Hứng nước mưa ở ống máng, nước chảy qua mái nhà, có bao nhiêu là bụi bặm, phân chim, phân mèo thật là bẩn! Cách hứng nước mưa thế nào, nên xem ở trang 75 mục Khoa-học dưới kia.

Muốn cho nước giếng được sạch, phải đào xa chuồng trâu chuồng lợn, nhà xí, bãi tha-ma. Đường kính giếng phải dài độ một

Muốn rõ các bệnh của giống vật nuôi, xem Tân-Nam-Lịch năm Tân-tí

thước rươi tây. Dưới đáy giếng trải một lớp đá, một lớp than, một lớp sỏi nhỏ. Bờ phải xây cao, miệng giếng có nắp đậy.

Ở thôn-quê, nhà nào cũng nên làm lấy một cái bể, hay cá thùng lọc nước theo như hình vẽ ở dưới đây.



Lấy một thùng sắt tây cao ít ra một thước rươi. Dưới đáy để gạch trắng men, trên trải một lượt đá sỏi dày hai phân. Trên đá sỏi, trải một lượt cát to dày một phân. Trên lượt ấy, trải một lượt cát nhỏ cao 50 phân. Trên lượt này, lại trải một lượt than dày 10 phân. Trên cùng, đổ một lượt cát nhỏ dày 50 phân. Trên có phễu, dưới có vòi nước. Than, cát và sỏi phải thay luôn, thùng sắt tây phải rửa luôn.

Khi có bệnh truyền-nhiễm thì phải dùng thêm chất hóa-học tây-nế bằng eau de Javel. Mỗi lít nước, đổ một giọt eau de Javel để ngấm trong mười phút. Muốn cho nước không có mùi thì cho thêm một thìa rượu con vào mỗi lít

CÁC HÀNG TOÀN TƠ NHƯ:

SATIN OQUY OLAKA

do tissage

NAM-DUONG

274, route Khâm-Thiên và 64^{bis}, rue du Coton HANOI

SẢN XUẤT

Kiểu mẫu rất nhã, hợp với thời trang.

có bán khắp nơi

Văn-tự, văn-khế làm bằng chữ gi, xem Tân-Nam-Lịch, năm Nhâm-ngọ

THÚ - Y

Phép lấy giống các gia-súc.

Các gia-súc đến kỳ chịu đực, nếu các nhà chăn-nuôi biết phép mà lấy giống ngay, thì vừa được giống tốt, vừa được lợi thì giờ, khỏi mất công nuôi vô ích.

1. — Lấy giống ngựa. — Ở Bắc-kỳ, nhiều nơi có ngựa đực giống Ả-rập (arabe) và lai Ả-rập tốt lắm. Như Hanoi thì ở Bạch-mai (Station zootechnique), Cao - bằng thì ở Nước-hai (Etablissement zootechnique) và Hòa-bình ở Cao-phong (Jumenterie de Cao phong); còn ở các tỉnh thì phần nhiều có ngựa giống ở tỉnh - lỵ, rồi hàng năm cho dắt đi các hạt để phủ ngựa cái.

Ngựa cái thế nào thì lấy giống được. — Ngựa cái từ ba tuổi trở đi thì lấy giống được. Khi động đực thì kém ăn, hay bí, thấy hơi ngựa thì hay lông lên, nhất là xem chỗ âm-hộ cứ mấp-máy, như khi tiểu-tiên xong, rớt ra một ít nước lầy-nhầy như lông trứng, có khi chỉ mấp-máy không thôi. Cứ thế trong 5, 6 ngày thì hết. Nếu không được đực phủ thì độ ba tuần-lễ hay một tháng, lại đến kỳ chịu. Ngựa cái đẻ độ 10 hôm, có thể cho đực phủ ngay được và thường có con ngay. Ngựa chửa 11 tháng thì đẻ. Lấy giống ngựa thì nên lấy vào buổi sáng, từ 7 đến 9 giờ và vào tháng sáu tháng bảy tây thì tốt hơn vì khi đẻ, ngựa có nhiều cỏ non. Nếu ngựa cái có đóng móng thì khi đem đi lấy giống, phải tháo hai móng sau ra vì sợ nó làm hư ngựa đực.

2. — Lấy giống bò. — Nhà-nước có bò đực giống Ấn-độ (Sind) và lai Ấn-độ cũng nuôi với ngựa các nơi đã kể trên. Các nhà chăn-nuôi có thể dắt bò cái đến xin giống, không phải mất tiền gì cả.

Bò cái thế nào thì lấy giống được. — Bò cái từ hai tuổi rưỡi trở đi, có thể lấy giống được. Khi động cần thì tính nết khác thường, ít ăn, có khi bỏ ăn, vùng vẫy phá phách, rống luôn, khi ở đàn thì hay nhảy lên bờ khác, coi âm-hộ thì chỉ thấy hơi

Thế nào là án treo, xem Tân-Nam-Lịch năm Nhâm-Ngo

xung lên, thỉnh-thoảng mới có cơn đại vật và ứa ít nước lầy-nhầy. Việc xem xét bò cái đến kỳ động cần, phải cẩn-thận, vì giống bò động đực chỉ có 24 đến 48 giờ lại hết ngay và độ một tháng mới lại thấy. Thường khi để quá mà người chăn nuôi không biết thành nuôi mất công không. Bò đẻ độ 1, 2 tháng lại chịu đực, song đẻ chậm ít lần thì hơn vì chữa ngay thì sữa ít đi. Cứ liệu độ cho nhảy đẻ mỗi năm đẻ một lần lữa vừa. Bò chữa 9 tháng thì đẻ. Ta cứ liệu cho nhảy đẻ nào được vài tháng có cỏ non mà ăn. Bò nhảy buổi sáng hay buổi chiều cũng được. Bò nuôi đàn thì giảm bảy năm lại phải thay đực, vì sợ cùng máu thì càng ngày càng đẻ ít và nhiều khi có nhảy mà không có chữa và bê con yếu và lâu lớn.

3. — Lấy giống lợn — Ở Bắc-kỳ độ giảm năm nay, sở Thú-y có nuôi một giống lợn ở hạt Mường-kương thuộc tỉnh Lào-kay. Giống này nuôi đẻ cũng như lợn thường to và chóng lớn. Nuôi thật tốt 1 tuổi có thể nặng được 100 đến 200 cân tây.

Ở Bạch-mai và ở mấy tỉnh, sở thú-y có nuôi lợn đực, giống ấy để cho các nhà chăn-nuôi đến lấy giống, không phải trả tiền gì.

Lợn nái ta lấy giống đực này, khi đẻ con lai cũng to, mau lớn và tiêu-thụ lại dễ hơn là đặc giống Mường-kương, vì dân quê thường thấy lợn to, tai to khác thường thì sợ không dám ăn, chứ có biết dân rằng thịt thơm và ngon chẳng kém gì lợn rừng mà người ta vẫn săn-bắn.

Lợn từ 8 tháng đến 1 năm có thể lấy giống đực. Khi lợn động đực thì hay phá phách, kêu luôn, kém ăn, âm hộ sưng và đỏ, độ hai ba ngày thì lại hết. Cứ ba tuần lễ, lại động đực một lần. Khi lấy giống thì cứ thả lợn cái với lợn đực vào một khu nhỏ, hề nhảy rồi thì lấy ngay lợn cái ra. Lợn nái phải hơi gầy, khi lấy giống mới dễ chữa. Khi chữa rồi thì chăm cho thật béo, để sau có sức nuôi con. Cứ mỗi năm cho lợn đẻ hai lứa là vừa. Lợn chữa bốn tháng thì đẻ. Lợn con độ hơn một tháng đã mút hết sữa đực, từ tháng rưỡi đến hai tháng thì ăn khỏe. Khi ấy, mẹ lại chịu đực ngay. Cách chọn lợn nái cũng cần lắm. Để đẻ một hai lần rồi xem con nào đẻ nhiều, khéo nuôi con, không ăn con, không đẻ bẹp con, đàn người thì hãy giữ nuôi. Việc thả lợn nái cũng không thể ấn-định mấy năm được, phải tùy con nào gầy yếu, nên thả sớm, con nào béo tốt có thể nuôi lâu được, song tính trung-bình giữ nuôi được độ 5, 6 năm.

4 — Lấy giống dê và cừu

Các giống này thường nuôi đàn, người chăn-nuôi chỉ cần

Dùng bèo hoa dâu có lợi gì, xem Tân-Nam-Lịch năm Nhâm-ngọ

chọn giống cho tốt là được. Cứ giảm bảy năm lại phải thay được một lần, vì sợ cùng máu thì càng ngày càng để ít đi và con càng yếu và chậm lớn.

Đê cừu chữa năm tháng thì dễ. Để rồi độ 4, 5 hăng lại động được, chừng 2, 3 ngày lại hết và 18 hay 20 ngày lại động được một lần.

5. — Lấy giống thỏ

Thỏ năm sáu tháng đã chịu được, song để từ 8 tháng trở đi, hãy lấy được thì để còn tốt hơn. Khi thỏ động được cũng khác tính. Có khi bỏ ăn, nhảy lồng lộn trong chuồng, xem chỗ âm-hộ thì thấy chung-quanh sưng lên; lấy hai ngón tay vạch ra thì thấy đỏ sẫm. Khi ấy đem bỏ ngay vào cũi thỏ được. Nhảy một lần cũng đủ, song muốn cẩn-thận cho hai lần cũng được. Thỏ cái chịu thì khi được nhảy, nó rướn dang sau lên và khi thỏ được nhảy được thì ngã lăn xuống và kêu rít lên. Khi thỏ cái không chịu thì đánh để hôm khác, chứ đừng cho ngay vào chuồng thỏ được khác vì thỏ được đánh hơi cần thỏ cái. Lấy giống thỏ, nên lấy vào buổi sáng. Thỏ chữa một tháng, khi gần đẻ, phải sửa ổ cho nó và nhái là phải cho thỏ thật tinh-mịch, chỉ người quen cho ăn hãy vào. Khi thỏ đẻ thì nó nhổ lông ở mình để che kín cho con. Độ 10 đến 12 hôm thì mở mắt. Một tháng thì đã ăn một mình được, độ tháng rưỡi thì nhốt riêng, rồi lại cho mẹ lấy được. Như thế một năm cho thỏ đẻ độ ba lần thì vừa. Chọn thỏ để sinh-sản cũng cần lắm. Thỏ ta nhỏ, song để lại nhiều mà thỏ tây thì to, để lại ít. Thỏ lại có lẽ tốt hơn cả. Thỏ được phải chọn con to, khỏe, mặt to, nhanh-nhẹn và hăng. Thỏ cái phải tìm con khéo nuôi con, không ăn con, bỏ con, không ủ hay để rơi mọi nơi. Tất cả những tính nết ấy, thường ở đồ ăn, phải xem xét mà thay đổi. Khi cho thỏ nhảy, điều cần nhất, là phải xem cả đực lẫn cái có ghê không, rồi hãy cho lẫn, vì bệnh ghê làm lây hết cả các thỏ khác

PHÒNG-THỦ THỤ-ĐỘNG

về không chiến

Soạn giả : Phạm-Huy-LỤC và A. COURTOUX

BẢN CHỮ TÂY VÀ QUỐC NGỮ GIÁ MỖI QUYỀN 0\$50

Hỏi các hàng sách và tại Imprimerie de Hanoi,

85 phố hàng Bông, Hanoi

Muốn du-lịch những nơi thắng cảnh, xem Tân Nam-Lịch năm Tân-tị

Phép tiêm trừ bệnh dại cho chó

Ở Bắc-kỳ có lệ tiêm trừ bệnh dại cho chó từ năm 1934. Viện Pasteur Nha-trang đã chế được thuốc tiêm theo phương-pháp bên Tây. Mỗi liều là 10 cm³ giá 0\$20, tùy theo chó nặng nhẹ bao nhiêu, phải tiêm bấy nhiêu liều. Năm đầu, phải tiêm hai lần cách nhau 3 tuần-lễ, từ năm sau trở đi, mỗi năm một lần, trước hạn ngày tiêm rằm trước. Thí dụ: lần đầu tiêm hôm mồng một tháng giêng, lần thứ hai, cách ba tuần-lễ tức là 21 tháng giêng, từ rằm sau trở đi, phải tiêm trước ngày 21 tháng giêng, vân vân...

Muốn tiêm trừ bệnh dại cho chó thì phải đem lại sở Thú-y gần chỗ mình ở, vì chỉ các viên thú-y mới được quyền tiêm t. ôi. Ở đây người ta sẽ thu tiền tiêm, tiền phí-tồn và phát giấy nhận-thực đã tiêm trừ bệnh dại, cùng giấy biên-lai nhận tiền. Tính trung-bình, con chó nặng độ 20 kilos thì năm đầu hai lần tiêm, mất độ 1\$00, từ năm sau, mỗi lần tiêm mất độ 0\$50. Khi địa-hạt nào có bệnh dại bành-trướng, Nhà-nước có thể tự bắt chó đem tiêm, khi ấy người chủ không phải trả tiền gì cả.

Tiêm trừ bệnh dại cho chó được lợi như thế nào ?

1.) Những chó đã tiêm trừ bệnh dại thì khi nó có chung đụng quây-quã với con nào dại, hay bị con vật gì dại cắn, cũng không phải đem đập chết, song thời-hạn tiêm chưa quá mới được, nghĩa là tiêm lần đầu đã được 20 ngày và chưa quá một năm và tiêm các lần sau chưa quá một năm.

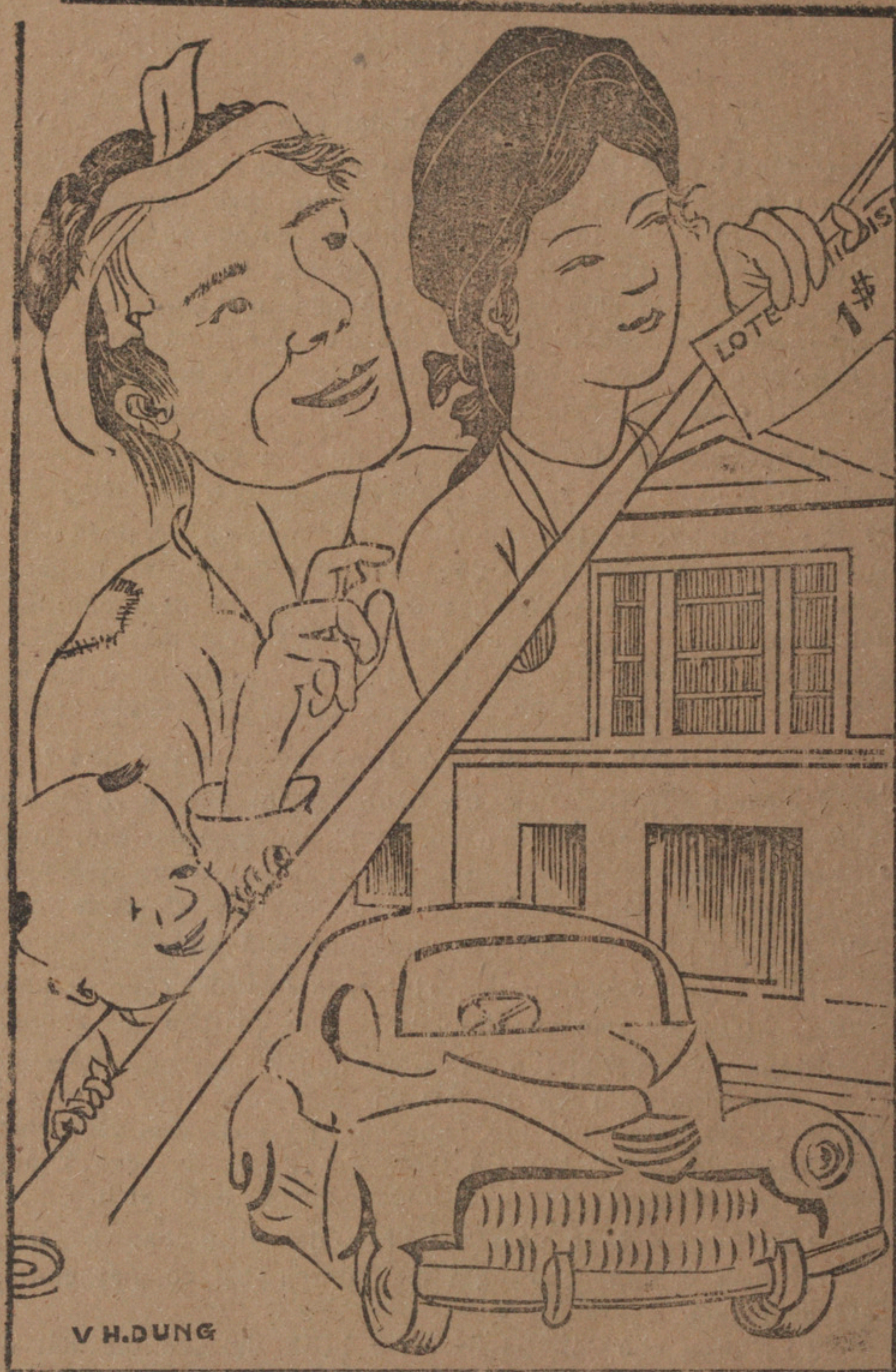
Những con chó ấy phải đem trình các viên thú-y cùng với giấy chứng-chỉ để xét xem có đích-thực là chó đã tiêm rồi không.

Những con chó bị cắn ấy, trong hạn 7 hôm phải tiêm lại ngay, rồi người chủ có thể cứ giữ mà nuôi được. Trong 4 tháng, cứ 15 ngày một lần, nhà có chó phải đem đến trình sở Thú-y khám, hết hạn thì thôi. Trong hạn ấy, chó không được thả nhông, đi đâu phải buộc mõm và buộc xích.

2.) Những chó đã tiêm trừ bệnh dại theo hạn kể trên có thể đem đến các chỗ nghỉ mát, nhưng phải có giấy chứng chỉ đem theo.

3.) Những chó săn đã tiêm trừ bệnh dại, có thể dắt đi qua địa-hạt có bệnh dại được. Lúc đương săn, có thể thả chạy nhông được.

Nhưng cách lựa dãi của láis trâu, xem Tả Nam-lịch năm Nhâm Ngọ



Muốn chóng giàu, muốn tậu ô-tô, nhà lầu, hà tất phải mượn
những cách phi-thường! Có một kẻ giản-dị trước mắt, là mua
ngay một vé xổ-số Đông-pháp, may ra trúng số mười vạn đồng.

KHOA - HỌC

Bài đăng dưới đây là của ông Phương Đình, một bạn có lòng yêu chuộng TÂN-NAM-LỊCH, gửi tặng chung các bạn đọc. Bản xã vui lòng đăng và cảm - tạ ông. Mong rằng các bạn đọc khác có ý-kiến gì hay, từ sang năm trở đi, cũng sẵn lòng gửi cho bản-xã.

Mấy cách lấy nước ăn

Hứng nước mưa.— Ở các thành-phô thì mới có nước máy, và ở những vùng có suối, hay có mạch nước thì mới có nước suối hay nước giếng ngon. Ngoài giả, chỉ còn có nước mưa hay là nước ở những cái “vũng” mà ta vẫn gọi là “giếng”. Những giếng ấy, kỳ-thực ở dưới không đến mạch nước mà ở trên cũng ít khi có cái gì ngăn cho nước ở mặt đất khỏi chảy vào. Nước giếng mà như thế, chẳng thà dùng nước mưa còn hơn. Nước mưa hứng giữa trời thì tốt hơn hết, nhưng không được mấy, trừ khi có bể chứa nước thật lớn, trên không làm mái dầy. Ta thường hứng nước cây cau hay hứng nước mái-nhà. Nước cây cau không được mấy. Đây chỉ nói về nước mái-nhà. Một nhà ăn uống, mỗi ngày dùng hết năm hay mười gánh (một gánh là 2 thùng dầu-hỏa) nước, một năm dùng hết $36 \text{ lít} \times 5 \times 365 = 65700 \text{ lít} = 65\text{m}^3 \text{ 700}$ hay là $36 \text{ lít} \times 10 \times 365 = 131\text{m}^3 \text{ 400}$.

Xứ ta, mưa mỗi năm trên dưới hai thước tây chiều cao nước : ở Hanoi chẳng hạn, mỗi năm hơn 1m60 nước, mà những tháng mưa nhiều nhất là từ tháng năm cho đến tháng mười tây, riêng 6 tháng đã mưa đến hơn 1m30.

Chỉ nên tính bằng cái số 1m30 này thôi, vì từ tháng 11 đến tháng tư tây, nước mưa bất quá đủ rửa mái-nhà và máng dẫn nước thôi. Tính như vậy mà muốn hứng được 65

Cách thử mặt-ong thề nào, xem Tân-Nam-Lịch năm Nhâm-Ngọ

hay 131 thước-khối nước, tất mái hứng phải thành một hình rộng 50 hay 100 thước vuông, tức là một mái giỏ giọt một hay hai nếp nhà năm dạn làm theo lối nhà-quê.

Trên đã nói xứ ta phải mất sáu tháng mưa ít. Nếu ăn uống chỉ trông vào được chỗ nước hứng trong sáu tháng nhiều mưa, tất phải có một vài cái bể có thể chứa được tất cả 32 thước rưỡi hay 65 thước-khối để dùng trong sáu tháng kia. Có thể làm hai cái bể dựa vào hai đầu-hồi nhà, mỗi cái dài bảy thước, rộng 3 hay 6 thước, sâu một thước rưỡi. Nhưng mấy khi phải xây đến bể to như thế, vì rằng trừ những nhà đông đến hai ba-mươi người, còn ra nếu chỉ dùng nước để ăn và uống, cho cả đến rửa mặt, rửa rau nữa, không kể tắm giặt, đã có nước ao hay nước “giếng” ché là bần, thì mỗi ngày làm gì hết năm mươi gánh nước? Vậy những số tính ra trên kia, phần nhiều có thể rút xuống một nửa hãy còn rộng-rãi.

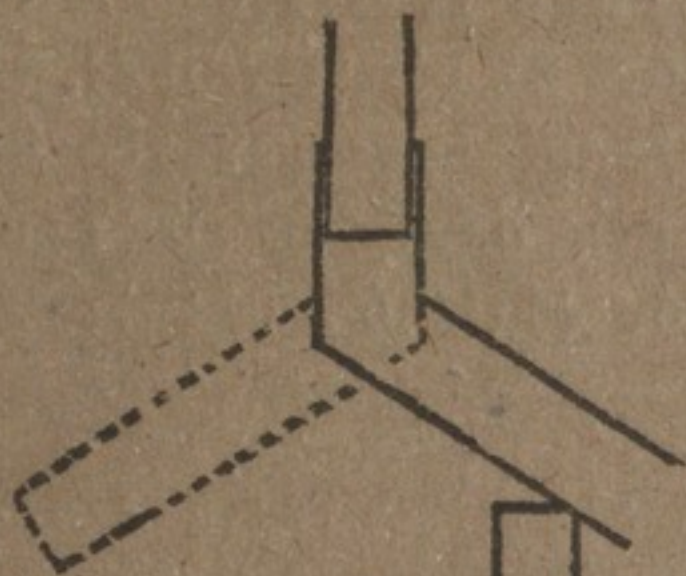
Nói tóm lại, nếu không có nước máy, nước suối, nước giếng sạch, ta có thể hứng nước mưa mái-nhà cũng đủ ăn uống quanh năm. Nhưng nước mưa mái-nhà có mấy khi được sạch? Trước khi mưa, ở trong không-trung biết bao nhiêu bụi-bậm, trên mái-nhà và trong máng, nào bụi, nào lá-cây, nào cứt chim, cứt chuột, nào xác những giống-vật nhỏ chết, nước mưa sẽ kéo cả xuống bể cho ta ăn. Người ta ché nước hứng mái nhà là vì thế. Nay chỉ cải-lương cách hứng nước ít nhiều, là có thể dùng nước mưa mái nhà không quan-ngại nữa.

Trước hết, phải lấy lưới đồng hay mảnh kẽm đục lỗ bịt đầu các ống dẫn nước lại cho chim chuột, sâu bọ không chui vào được. Mái nhà và máng hứng thỉnh-thoảng phải quét cho sạch bần, sạch rêu. Mỗi khi trời mưa, phải bỏ chỗ nước chầy xuống lúc ban đầu, không cho chảy vào bể chứa. Một nhà kỹ-sư đã nghiệm ra rằng: cứ mưa được hai phút thì trong không-trung hết bụi; một hay hai lít nước mưa rơi xuống đủ làm sạch được một thước vuông mái-nhà và khối nước ấy, chảy xuống máng cùng ống dẫn nước đủ rửa sạch được những cái ấy.

Vậy đoạn dưới cùng ống dẫn nước, ta nên làm theo hình 1, có thể quay ra quay vào được. Trời mới mưa, ta quay đuôi

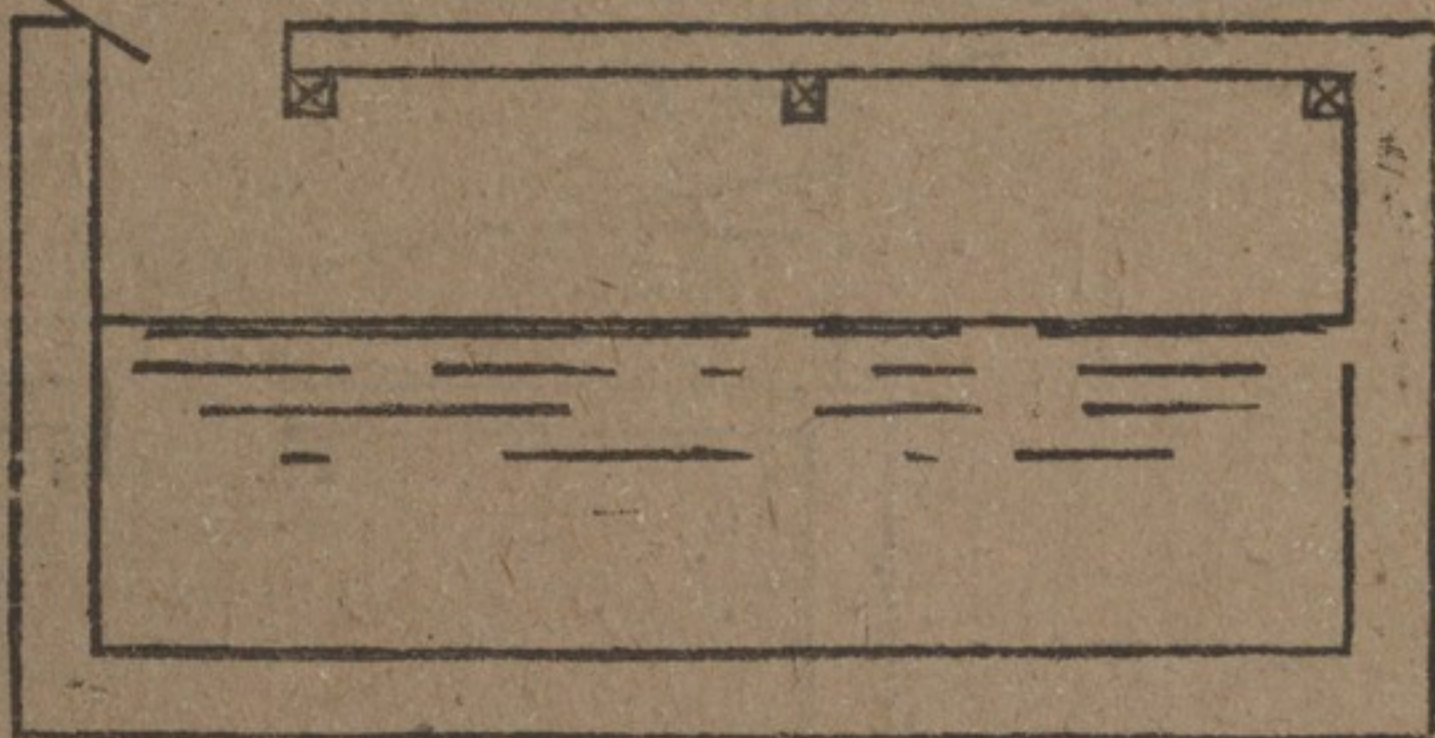
Cách chứa rắn cần rết cần, xem Tân-Nam-Lịch Tân-tị

ống ra ngoài, hai phút sau ta quay nó vào miệng bể. Muốn làm theo cách này, phải có một người đứng đẩy để quay ống, cũng có điều phiền, nhất là đêm hôm. Nhà kỹ-sư nói trên kia có nghĩ ra một cách dùng phao, xin bàn rộng ra như sau này :



Hình 1

Nếu có 100 thước vuông mái nhà (gọi là mặt hứng nước thì đúng hơn) tất lúc mới mưa phải bỏ đi 100 hay 200 lít nước. Trên cái bể chứa, ta nên xây một cái bể con hay đóng một cái hòm gỗ không thoát nước (xem hình 2)

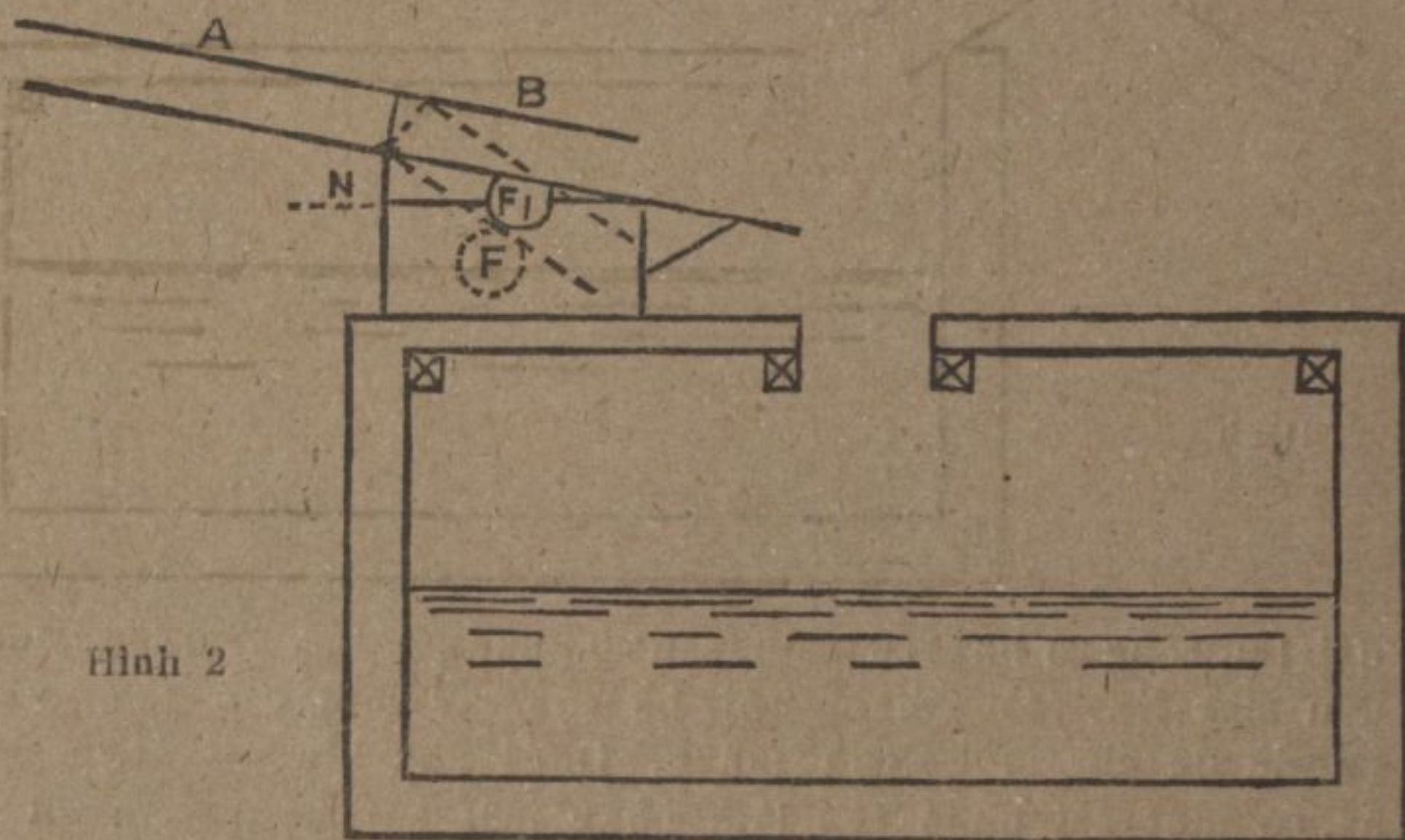


dài 1m, rộng 25 hay 50 phân, sâu 40 phân (từ đáy đến mực, đánh dấu chữ N). Một thành cái bể con ấy làm cao lên, và có bản-lê để giữ một đoạn máng. Dưới đầu kia cái đoạn máng ấy, có một cái phao (F) làm bằng một cái hòm kẽm vít kín chẳng hạn. Khi cái máng (A) đã dẫn được xuống 100 hay 200 lít nước thì cái phao nổi lên (F1), nước sẽ vọt vào ống máng (B) rồi chảy vào bể chứa, chứ không chảy vào bể con nữa. Tà h mưa, sẽ ra tháo nước ở bể con đi để đợi trận mưa khác. Nước mái-nhà mà lấy được cần-thận như thế, đun sôi lên hay dùng để nấu ăn không còn có quan-ngại gì; nếu đem lọc qua cát với than hay lọc một cách khác, nước đó dùng để uống chỉ kém nước suối là vì không có những chất muối (sels minéraux) tan ở trong mà thôi.

Lấy nước lên đồi núi.— Ai đã ở trên đồi, trên núi, tất đã biết cái việc lấy nước ăn dùng là một việc rày. Đào giếng từ trên mặt đồi cho xuống đến mạch nước thì biết bao công-trình, mà ngày ngày xuống gánh nước ở chân đồi lên cũng

Cách chứa hơi-ngạt, xem Tân-Nam-Lịch năm Nhâm-Ngo

khô. Dân trên đường ngược cũng có làm máng dẫn nước suối ở núi nọ sang núi kia, nhưng cũng nhiều khi không gặp được dịp may như thế. Người Tây có một cái máy lấy nước lên cao gọi là « bélier hydraulique » vì khi máy chạy có tiếng « bịch bịch » như là đem máy phá thành « bélier » mà đâm vào tường vào cửa. Cái máy nước này (xem hình 3) vừa nhỏ (bằng sắt mà chỉ nặng trên dưới 20 cân tây thôi), vừa đơn giản (không có những cơ-quan phức-tạp hay sai-suyển khó chữa), mà chạy không cần đến than, đến dầu, đến sức người sức vật, chỉ lấy sức nước để đưa nước lên thôi.



Hình 2

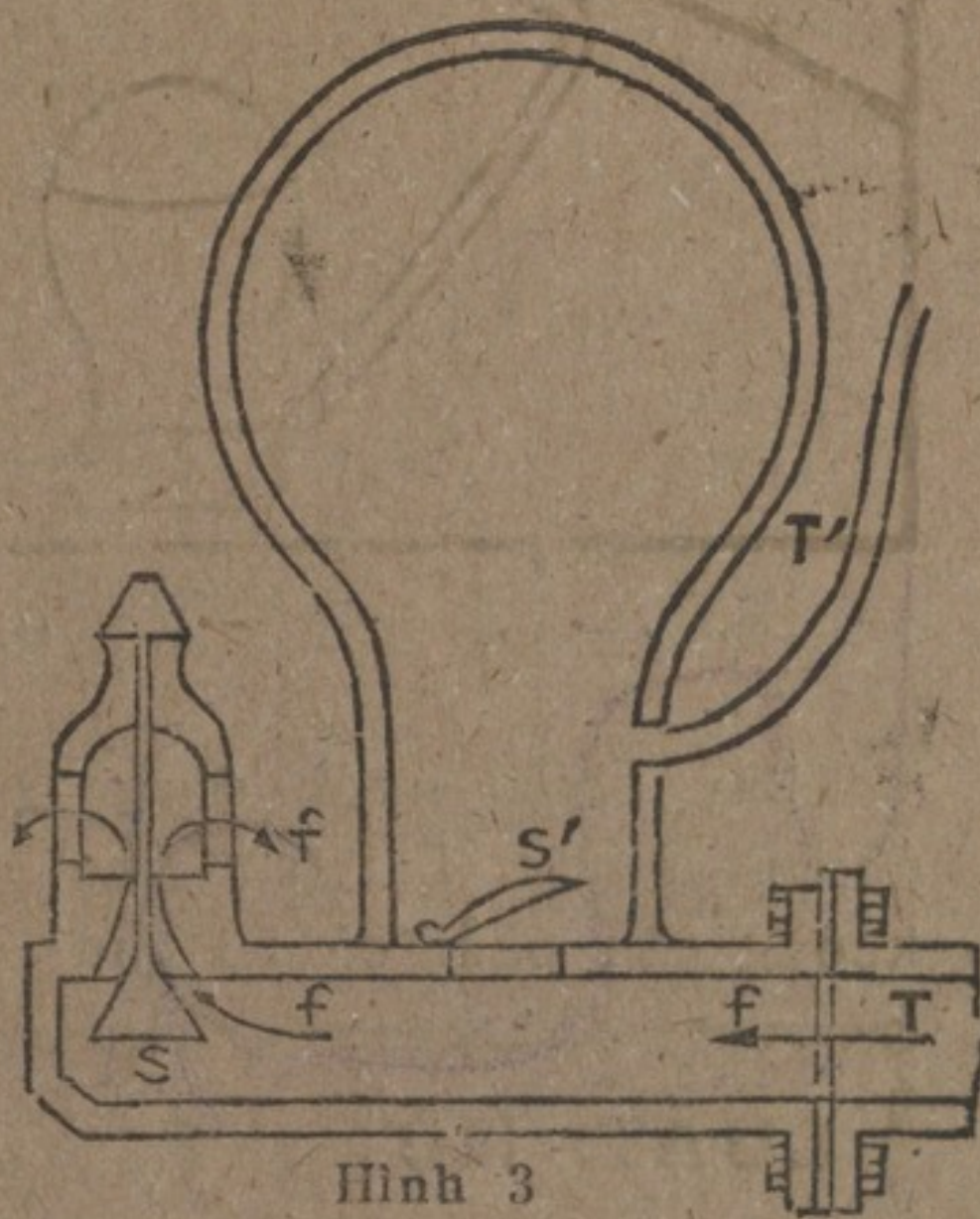
Muốn dùng bélier hydraulique để lấy nước lên trên một quả đồi chẳng hạn (xem hình số 4) thì ở sườn đồi, phải có một cái suối, nếu không thì phải đào một cái rãnh cho có nước trong đồi ngấm ra. Nếu nước ngấm ra chỉ có ít thôi thì cái rãnh phải cho dài và phải đào dốc theo cái chiều dài ấy, nước rãnh chảy đến một chỗ nào đó (C) thì xây tường (B) hay be bờ cho nó ứ lại, rồi kê miệng cái ống sắt (T) vào mà hứng lấy nước. Nếu thừa nước thì không phải tường, phải bờ gì cả, cứ cuốc đất chỗ ấy để cho mực thấp xuống, nước sẽ chảy thành một cái thác, cứ việc kê ống vào mà lấy.

Ống T dẫn nước vào máy (xem hình 3), nước đi theo đường những mũi tên F rồi phọt ra ngoài. Nhưng sức nước

Cách chữa hột-cơm, xem Tân-Nam-Lịch năm Nhâm-Ngo

dồn xuống dần-dần thêm mạnh, cái nắp S' sẽ bị đẩy lên, chặn đường ra của nước, nước không đi được lối ấy nữa, tức đẩy cái nắp S' lên mà vào chỗ chứa nước. Bấy giờ sức nước lại yếu đi và nắp S' lại rơi xuống. Nước lại theo đường những mũi tên F mà ra cho đến khi đủ sức đẩy cái nắp S' lên, rồi đẩy cái nắp S' mà vào chỗ chứa nước... Trong chỗ chứa nước này, có không-khí; lúc bị sức nước ở dưới đẩy lên thì không-khí bị ép lại, nhưng đến khi sức nước đã yếu đi và cái nắp S' đã rơi xuống, thì nó lại nở ra, nước không chảy xuống dưới được (vì S' dẩy lại rồi), phải thoát ra ống T'. Nước trong ống T' dần-dần sẽ dâng lên đến cái bể chứa nước R trên đỉnh đồi (xem hình 4), và từ bấy giờ trở đi, ở suối C mà còn nước, thì còn có nước chảy vào bể R, người không phải mớ vào máy, trừ khi tháo ra cho thêm không-khí vào, vì chỗ không-khí có trước tan dần vào nước mỗi ngày một ít đi.

Máy béliér hydraulique kiểu nhỏ nhất cũng phải « ăn » tám hay mười lít nước một phút và để thấp hơn suối ít ra là 75 phân tây mới có thể chạy được. Người ta đã tính ra nếu từ chỗ máy lên đến bể chứa nước cao gấp năm từ máy lên đến suối, thì cứ bảy phần nước chảy vào trong máy sẽ có một phần trực lên đến bể chứa; nếu cao gấp mười, thì chỉ trực lên được một phần 14 nước chảy vào máy mà thôi còn 13 phần chảy ra ngoài mất.

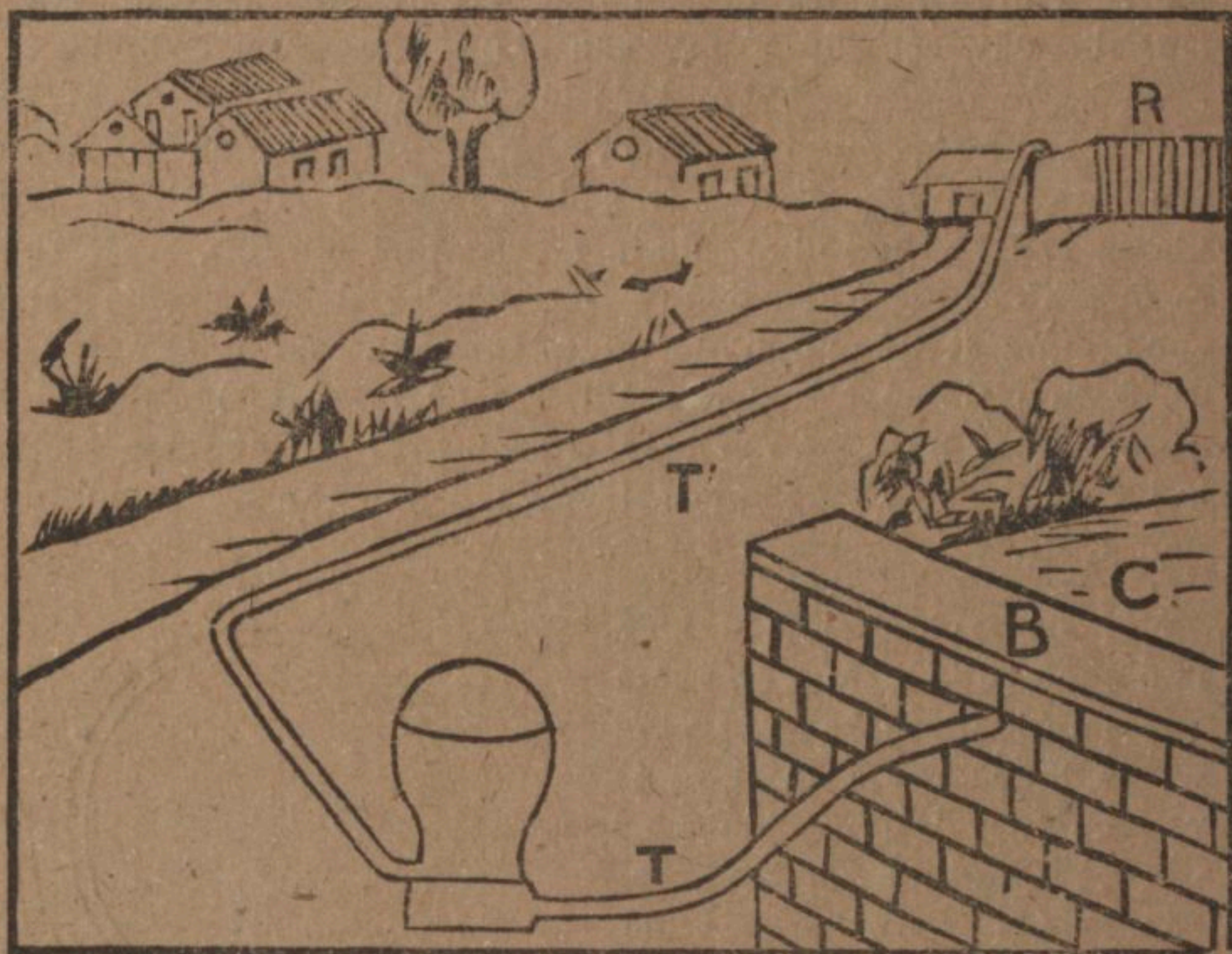


Hình 3

Thí dụ: nước ở suối chảy vào máy mỗi phút là 10 lít và suối cao hơn máy ba thước tây. Nếu chỗ xây bể chứa cao hơn chỗ đặt máy 15 thước thì một ngày một đêm sẽ lấy lên được $10 \text{ lít} \times 1.440 = 2.057 \text{ lít}$ nước, nghĩa là 57 gánh hai

thùng dẫn-hỏa.

Nếu đồi cao 30 thước, một ngày một đêm sẽ lấy được hơn 1000 lít, cũng được ngót 30 gánh.



Hình 4

Bấy nhiêu nước dùng trong việc ăn uống rửa giặt, phần nhiều là đủ. Lại còn một điều lợi nữa là nước lên dần, không cần phải có bể chứa to lắm.

LUẬT MỚI VỀ NGHỀ

LÀM THUỐC BẮC THUỐC NAM

Dịch - giả : PHẠM - HUY - LỤC

GIÁ : 0 \$ 80

Bán tại « Imprimerie de Hanoi » (nhà in Phạm huy Bội)

85, PHỐ HÀNG BÔNG, HANOI

Những ai được xin đất làm đồn điền,

Hơi bùn

« Hơi bùn » tiếng Pháp gọi là « gaz des marais », tên khoa học là *méthane* hay *formène*, là một chất kếp, trong có chất than và chất khinh. Dùng phương-pháp hóa-học có thể chế ra « hơi-bùn » được. Trong trời đất, khi có những cây-cỏ mục-nát thì sinh ra hơi-bùn. Vì thế, ở nhiều mỏ-than có hơi-bùn, tiếng Pháp gọi là *grisou*, lẫn vào không-khí, khi gặp một ngọn lửa thì bùng cháy và nổ làm sứt hầm mỏ và làm chết người. Ở hồ ao, cũng có hơi-bùn, càng có nhiều cây-cỏ mục nát càng bốc nhiều hơi.

Trước kia, không ai để ý đến hơi-bùn bốc ở hồ ao lên. Mấy năm gần đây, vì dầu-mỏ và dầu thảo-mộc thiếu, có người nghĩ đến lấy hơi-bùn ở hồ ao, để thắp đèn và đun nấu.

Hồi tháng juillet năm 1943, ông Nguyễn-gia-Huê ở Phát-Diệm (Ninh-Bình) có trình hội-dồng Tiểu công-nghê Bắc-kỳ cách-thức dùng khí-cụ dùng để lấy hơi-bùn ở hồ ao. Khí-cụ này rất giản-dị: người ta lấy một cái thùng dầu-hỏa hở một đầu như thùng để gánh nước, chìm xuống nước ao cho nước vào đầy thùng, rồi cứ để cái thùng chìm ở dưới nước mà lộn nó lên cho miệng xuống dưới. Một người bung cái thùng cứ để lộn như thế và chìm ở dưới nước, đi giật lùi ở dưới ao, xéo bùn cho ngàu bọt lên. Bọt lên tức là hơi-bùn bốc lên. Hơi này chui vào trong thùng đẩy dần nước ở thùng ra. Cái thùng này thông với một cái thùng thứ hai bằng một cái ống cao-su. Lúc mới, cái thùng thứ hai cũng đầy nước. Khi thùng thứ nhất đã đầy hơi, người ta mở một cái vòi để tháo dần nước ở thùng thứ hai đi, hơi bùn ở thùng thứ nhất sẽ chuyển sang thùng thứ hai để thay cho nước. Ao nào nhiều bùn, nghĩa là lắm cây-cỏ mục-nát, chỉ giẫm bùn trong ba đến năm phút là đã được một thùng hơi: độ non 20 lít.

Khi cái thùng thứ hai đã đầy hơi, người ta vặn kín cái vòi dẫn hơi và cái vòi tháo nước, rồi xách thùng hơi về nhà. Muốn dùng cái hơi đã lấy được, một đấng người ta cho nước vào dần cái thùng ấy, một đấng người ta dùng một cái ống cao-su dẫn cái hơi bùn bị nước đẩy ra vào cổ một cái đèn kiểu thắp *manchon* hay đèn đun. Nếu ta châm lửa vào ngọn đèn, ta sẽ thấy hơi bùn bắt cháy thành một ngọn lửa xanh. Nếu ngọn đèn có *manchon*, thì hơi bùn cháy sáng lắm, cũng sáng trắng, nhưng có kèm hơi dầu ẹt-xăng. Dùng vào đèn đun nước chẳng hạn, nước mau sôi vì hơi bùn, do chất-thán và chất-khích thành ra, có nhiều sức nóng.

Xét ra cách lấy và dùng hơi-bùn nói trên kia thật là giản-dị. Trước sau, chỉ có mấy cái thùng, mấy cái ống cao-su và mấy cái vòi. Còn đèn thì có thể châm-chuốc đủ mọi cách được,

xem Tân-Nam-Lịch năm Quý-mùi

nếu chỉ cần để đun hay để một ngọn lửa lom-dom sáng thì có thể thay đèn bằng một khúc đồng hay sắt, hay đất nung già trong rỗng, một đầu tra vào cuối cái ống cao-su dẫn hơi đến, còn đầu kia thì có khoan một hay nhiều lỗ. Vậy, lấy và dùng hơi-bùn là một việc có thể làm được và nên làm trong lúc hiềm dầu-mỏ và dầu thảo-mộc.

Lại xét ra cũng có thể làm cho việc lấy và dùng hơi-bùn tiến lên một bậc nữa :

1. Như cái thùng dùng để hứng hơi bốc ở bùn lên, nên làm giống một cái phễu to, to hết sức, một người bưng như bưng một cái mâm to vậy. Đã nghiệm ra làm như thế hơi hứng được chóng lắm.

2. Nếu dùng cái thùng dầu-hỏa chẳng hạn để đựng hơi-bùn, thì mỗi cái thùng chỉ đựng được độ 18 lít. Thí-dụ muốn thắp sáng bằng 50 ngọn nến trong một giờ thì phải để sẵn hai thùng hơi, muốn thắp trong ba giờ, phải có sáu thùng. Ta có thể lấy tôn đen (tôle noire) dày một li rưỡi, làm thành một cái thùng

Servez vous

des produits excellentement
renommés.

Colle de bureau PACIFIC,
Encre stylo MAGNIFIC,
Pâte à Rouleau (qualité
extra-pure) de la fabrique

**AUX PETITES
INDUSTRIES I. D. A.**



Siège social :

209, Khâm-Thiên

Atelier :

Villa du Bonheur — Phô-Tam
HANOI

cao 90 phân tây, đường-kính 30 phân tây, tính ra có thể đựng được 60 lít. Vì vỏ thùng khỏe, khi chứa hơi vào, ta có thể dùng bơm mà ép hơi, làm cho cũng một cái thùng ấy mà có thể chứa được 300 lít hơi, có thể thắp được 10 giờ. Đây là nói thắp sáng bằng 50 ngọn nến; nếu chỉ thắp nhỏ thôi thì được lâu hơn.

3. Nếu không có manchon mà muốn thắp sáng thì trộn hơi đất đèn (acétylène) với hơi-bùn, ngọn đèn sẽ sáng trong. Có hai cách trộn hai thứ hơi ấy, một là để một ít nước ở đáy cái thùng chứa hơi-bùn và bỏ vào trong nước một ít đất đèn: hơi đất đèn sẽ bốc lên và trộn với hơi-bùn rồi cùng theo một cái ống cao-su dẫn đến; hai là để riêng, mỗi thứ hơi ở một thùng, và

dùng hai cái ống dẫn cả hai đến một cái ngọn đèn có hai mỏ như ngọn đèn đất hai mỏ, hai cái ống đều có vòi có thể vận để khiến cho hơi đến nhiều hay ít, tùy khi muốn cho đèn sáng ít hay sáng nhiều.

PHƯƠNG ĐÌNH

Cách chữa kính giát, xem Tân-Nam-Lịch năm Nhâm-ngọ

Nuôi tằm thế nào cho có lợi

Lúc này nghề chăn tằm rất có lợi. Nhưng tiếc thay ở miền quê ta thường phải đồ đi nhiều lứa tằm vì các bệnh ruồi và nhiều tai-hại khác. Mà nào có phải mỗi hại ấy không thể tránh được đâu? Chúng tôi cả-quyết rằng theo đúng mấy lời dặn sau đây thì bao giờ tằm nuôi cũng tốt, không tốt thì ít ra cũng khá. Nhờ kinh-nghiệm và mấy năm nghiên-cứu, chúng tôi đã nêu ra được mấy điều cốt-yếu cần biết về nghề nuôi tằm. Theo cách-thức này không tốn tiền. Nhưng phải chuyên-chú mà theo mới mong có kết-quả tốt.

NHÀ TẮM

Muốn nuôi tằm không hỏng, trước hết phải có nhà tằm làm đúng cách. Không bao giờ nên nuôi tằm trong một góc nhà ở, vì như thế khó lòng mà giữ vệ-sinh cho tằm và bất tiện cho việc chăn tằm lắm. Nhà tằm phải đủ mấy điều-kiện như sau này:

Phải thoáng khí, mà làm sao để gió vào nhiều hay ít tùy lúc: - phải mát và sáng. Ở miền quê ta, thường tưởng lầm rằng tằm cần kín hơi và bóng tối. Thật ra tằm cần ánh sáng.

Ngoài ra, nhà tằm phải: tiện cho việc chăn tằm; dễ chui rửa ruồi chuột không chui vào được. Muốn được thế, phải làm nhà tằm như sau này: Mặt nhà tằm quay về hướng đông-nam, phía tây phải có nhiều bóng mát. Nhà tằm có thể làm bằng tre, vách đất; mái lợp tranh (rạ hay lá gồi). Bốn phía mái hiên phải rộng để đủ che nắng chéch và mưa tạt. Mỗi phía tường phải có ít nhất là một cửa sổ hay một cửa ra vào. Phía dưới mỗi cửa sổ làm một cửa thông hơi. Trong các cửa thông hơi ấy phải có một cái rộng để luôn một nong lớn ra vào. Mỗi khi thay phân xong, mỗi khi tằm chín thì luôn các nong qua cửa ấy: như thế

Đại tang có thể kết hôn không, xem Tân-Nam-Lịch năm Nhâm-ngọ

để tránh được ruồi bay vào nhà tắm. Mỗi cửa hay cửa-sổ phải có mảnh-mảnh che kín và thật xát ; và treo một tấm phên để che nắng che gió. Trần nhà bằng phên để ruồi chuột không chui vào được. Giữa trần nhà, chừa một chỗ lắp mảnh-mảnh vào cho khi nóng thoát ra (không-khi nóng nhẹ hơn không-khi mát, nên bao giờ cũng bay lên).

Nền nhà bằng đất sét nện kỹ và miết cho nhẵn : hoặc là đổ lên một lớp vữa gồm có : Vôi tả một phần, cát một phần, đất sét một phần và một ít tro. Vữa này vừa rẻ tiền vừa tốt.

Trần và vách phải quét vôi, ít nhất cũng phải quét phía trong. Quét vôi như thế trừ được vi-trùng các bệnh và thêm sáng cho nhà tắm. Vôi không hại gì cho tắm cả. Nhà tắm nên làm riêng hẳn ra chứ đừng làm nối với nhà ở. Tuy vậy cũng có thể chừa một gian nhà ở mà làm buồng tắm. (Xem hình vẽ dưới đây). Nhưng khi nào số tắm nuôi không quá 35 000 con (nghĩa là chừng 100 vòng trứng đơn : mỗi vòng trứng một con ngài đẻ) hãy nên chừa như vậy. Gian nhà chừa làm buồng tắm ở bên trong, ít nhất phải dài 3m50, rộng 3m và cao từ nền đến trần 2m70. Nong để nuôi tắm rộng 1m20 thì vừa, vì dùng nong lớn hơn thì khó khiêng và không tiện cho sự xem-xét tắm bệnh. Tắm nuôi ở 100 vòng trứng đến cuối tuổi ăn rồi đẻ ra 16 nong là vừa, 16 nong ấy đặt lên một cái dũi 2 ngấn, 8 bậc.

Còn như nuôi quá 100 vòng, thì nên làm nhà tắm riêng theo như kiểu nhà tắm in dưới đây. Làm nhà tắm như thế chớ ngại tốn tiền, lãi vài lứa tắm đã kéo lại vốn nhà.

SỬA SOẠN NHÀ TẮM VÀ CÁC VẬT DÙNG NUÔI TẮM

Muốn chắc được lứa tắm nào cũng tốt thì không nên nuôi các lứa gối nhau nghĩa là lứa này chưa xong mà đã nuôi lứa khác, vì thế bệnh và ruồi dễ truyền từ lứa trước sang lứa sau.

Trước khi nuôi một lứa tắm mới, phải chùi rửa nhà và các vật dùng nuôi tắm cho thật kỹ. Khiêng những dũi, nong v.v... ra ngoài ; quét trần, vách và nền nhà cho thật sạch. Có lỗ hở nào thì bịt kín lại ngay ; bắt đầu mùa nuôi tắm trần và vách phải quét vôi. Nếu có một lứa tắm nào bị nhiều bệnh quá thì xong lứa ấy cũng phải quét vôi trần và vách ; nền nhà bằng vữa thì rửa nước. Nếu nhà bằng đất thì vẩy nước rồi sẽ quét ; lấy chổi sẽ rửa các dũi và nong ; đem phơi dũi và nong suốt một

Cách y-phục Âu-tây, xem Tân Nam Lịch năm Tân-tị

ngày nắng to. Như vậy, các vi trùng sẽ chết. Trời không nắng thì chờ cho đũi và nong khô rồi lấy rơm đốt qua. Phải dùng nước trong mà rửa ráy, lấy nước mưa hay là lấy nước sông để lắng bùn xuống rồi múc nước trong. Không bao giờ dùng nước ao. Chân đũi phải để vào chậu đầy nước để tránh kiến. Cũng nên làm một cái đài bằng phen ở các chân đũi để tránh chuột.

NÊN DÙNG TRỨNG TẮM NÀO

Làm trứng tắm là một việc phải có khoa-học, các nhà nuôi làm không làm được mà cả những người chuyên-môn bán trứng xưa nay cũng không làm nổi. Vậy chỉ nên dùng trứng của các sở Canh-nông phát. Trứng này sẽ nở ra những con tắm khỏe mạnh và không có bệnh gai. (Bệnh gai là một thứ bệnh di-truyền của tắm.) Muốn mua trứng tắm, cứ hỏi các nơi làm trứng tắm của sở Canh-nông như: Thái-Bình, Việt-tri, Phủ-lạng-thương hay sở chính ở phố hàng Vôi số 20 Hanoi. Trứng bán giá rất rẻ. Tuy vậy, chớ nên phí trứng. Chỉ nên mua đủ nuôi, tùy số dậu của mình và tùy nhà tắm lớn hay nhỏ. Cứ nuôi 100 vòng trứng đơn (nghĩa là 1 vòng 1 con ngài đẻ) thì tốn hết 270 kilo lá dậu và đẻ vào 16 nong (1m20) lúc ăn rồi. Sẽ được chừng 25 kilo kén. Vậy chớ nên mua trứng quá sức mình nuôi.

CHO TRỨNG NỞ

Trứng tắm cũng sinh-hoạt vì con tắm nở ở trứng ấy ra. Trứng ấy cần cho có khí-trời, nhưng để vào chỗ nóng quá trứng có thể hỏng được. Lúc đem trứng về nhà, đừng ép chặt tờ nọ vào tờ kia. Nên để tờ trứng vào một cái giỏ con thoáng hơi và đừng cho nắng chiếu vào. Về đến nhà, giải các tờ trứng ra một cái nong sạch và đặt lên đũi tắm. Trong thời-kỳ để cho trứng nở, nhà tắm nên hơi thoáng khí và sáng vừa vừa.

CÁCH LẤY TẮM NỞ (BỤNG TẮM NỞ)

Nếu ngày đầu tắm nở đã gần hết thì bụng ngày hôm đầu. Còn tắm nở hôm sau thì vứt đi. Nhưng thường thường ngày đầu tắm nở ít, vậy hãy chờ đến ngày thứ hai hãy bụng. Các con tắm mới nở mà gặp sáng thì bò tản mát ra. Vậy sáng sớm ngày đầu úp một cái nong khác lên cái nong tắm nở. Nhưng đừng bịt kín hơi quá sợ ngạt tắm. Đến sáng sớm hôm sau

Muốn rõ thuế đăng-bạ điền thổ, xem Tân-Nam-Lịch năm Quý-mùi

giở nong dậy ra để tắm nở và đến trưa sẽ bùng. Lúc bùng tắm, không nên lấy lông gà quét tắm xuống; tắm như thế tắm sẽ bị thương. Lấy lá dâu non và to dùng dao rạch nhỏ từng khía (đừng cho đứt lờn rìa lá) rồi giải lá dâu ấy lên trên tắm nở. Hay là lấy lá dâu thái nhỏ như thuốc Lào rắc lên tắm nở. Khi tắm đã lên đầy trên lá dâu, cứ nhẹ nhàng đem ra nong mà nuôi.

TÍNH SỐ TẮM LẤY ĐỂ NUÔI

Phải tính số dâu cho tắm ăn cho đúng, đừng nhiều quá, đừng ít quá. Nhiều quá thì phi dâu: ít quá thì tắm ăn không đủ sức, sẽ yếu, dễ mắc bệnh. Tắm không mắc bệnh đi nữa thì kén cũng xấu. Vậy muốn tính số dâu cho đúng, cần phải tính số tắm nuôi là bao nhiêu. (1)

MỘT LÚA TẮM PHẢI SĂN-SÓC THẾ NÀO

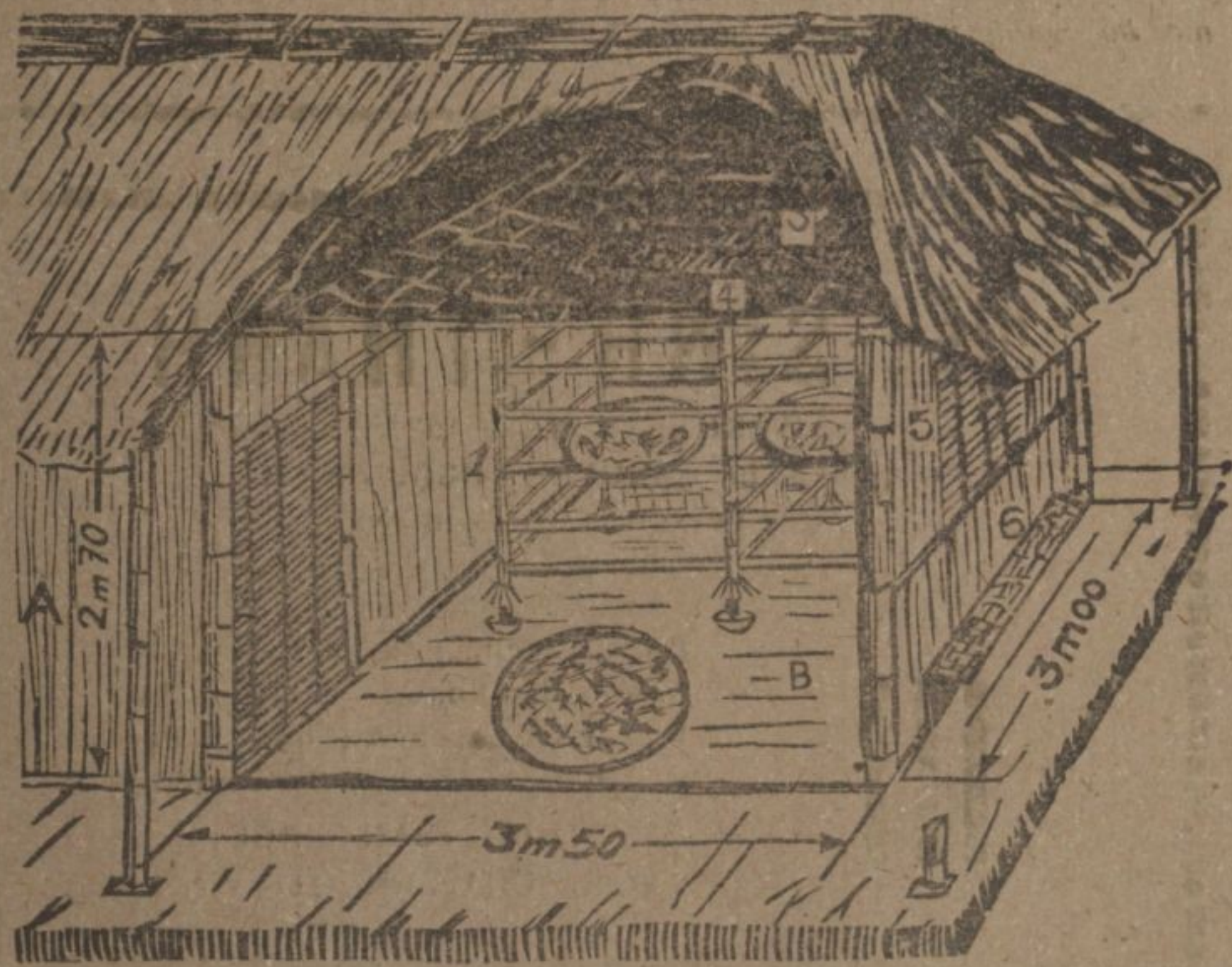
CHO TẮM ĂN. — Tắm nhỏ thì cho ăn lá con (lá non bò hơn lá già và mềm mại hơn). Đến sau tắm càng lớn thì cho ăn lá càng ngày càng già. Lá dâu phải tươi, phải sạch sẽ và ráo (không ướt). Muốn được thế, hái dâu ngày hai lần: Trước và sau khi nắng to. Hái xong đem về lựa những lá bần và có bệnh bỏ đi. Để lá dâu ở một nơi mát và lười, đừng để trong buồng tắm. Không bao giờ nên để lá dâu từng đồng; như thế lá dâu hấp hơi lên, tắm ăn sẽ bị bệnh. Giải lá dâu lên một chiếc chiếu sạch hay để vào một cái giỏ thưa đừng nén chặt.

(1) Bùng tắm xong thì lấy những tờ trứng ra mà đếm số trứng nở trong một vòng. Cứ mười vòng thì đếm lấy một. Hãy chọn những vòng nở trung bình mà đếm. Đếm xong, cộng các số tắm nở ở các vòng đã đếm, rồi chia ra lấy số trung bình. Nhân trung bình ấy với số vòng trứng lấy ra nuôi. Như thế là biết số tắm nuôi là bao nhiêu.

Biết số ấy rồi và noi theo bảng chăn tắm in dưới đây thì có thể tính số dâu cho tắm ăn được đúng. Đếm trứng nở là một việc cần chuyên chú mới làm đúng được. Khi nào đã quen lượng số dâu cho tắm ăn lắm, hay là dùng trứng một giống tắm mãi, thì không cần đếm trứng. Số trứng mỗi giống tắm nhiều ít khác nhau; nhưng cách mấy lứa, nên đếm lại một lần thì hơn.

Thứ năm nào không nên ăn, xem Tân-Nam-Lịch năm Nhâm-Ngọ

Không bao giờ nên phun nước vào lá dâu cho dâu ẩm (Chính vì thế mà tằm sẽ mắc bệnh bùng và tròng dâu). — Trái lại, khi nào hái phải dâu ướt, thì phải giải dâu ở ngoài hiên cho khô, không bao giờ nên để vào những chỗ đã dựng kén hoặc dựng phân tằm. Từ lúc tằm mới nở đến tuổi ăn tư, lá dâu phải xắt nhỏ. Tằm càng nhỏ bao nhiêu, lá dâu càng phải thái nhỏ bấy nhiêu. Đến tuổi ăn rồi thì cho ăn cả lá. Phải cho tằm ăn ít nhất là sáu bữa một ngày đêm (24 giờ). Tuổi nào cũng vậy. Những tuổi ăn một và tuổi ăn hai, cho ăn tám bữa và tuổi ăn ba cho ăn bảy bữa thì tốt hơn. Phải cho ăn đều bữa để khi nào tằm cũng đủ lá dâu ăn. Thường thường các nhà nuôi tằm ở miền quê ta không cho tằm ăn được no. Bởi vậy kén mỏng và mềm. Các ông phải cho tằm ăn thêm lên một ít. Số dĩa cần để nuôi 35.000 con tằm (nghĩa là 100 vòng trứng đơn) giống tằm kén vàng ở Bắc kỳ là 270 kilo. Đây là số cần lá không lẽ nhàn con vào. (Xem bảng chăn tằm in cạnh đây).



MỘT GIÀN NHÀ CHỨA LÀM BUỒNG TÀM

1) Đùi, 2) nong, 3) mảnh-mảnh ở giữa trấu nhà, 4) trần bằng phên; 5) cửa sổ, 6) cửa thông hơi. A. — Gian nhà ở. B. — Gian nhà chứa làm buồng tằm.

Thế-lệ lấy thế căn-cước, xem Tân-Nam-Lịch năm Tân-tị

CÁCH PHÂN NONG. — Cần phải có một ít chỗ hở giữa những con lằm để lằm cử-động và ăn được dễ dàng, đủ không-khí thở, đó là những điều - kiện cốt - yếu cho sức khỏe của lằm. Lằm cần phải để thưa là vì vậy; chớ để lằm chen chúc lên nhau như ở miền quê ta vẫn lằm. Để lằm theo cách ấy mới để hông vì hệ có bệnh thì bệnh truyền ra rất chóng. Để lằm thưa lằm vẫn ăn hết là dấu, không phí lá chát nào cả. Cứ 100 vòng trứng đơn (nghĩa là 35 000 con lằm) giống lằm kén vàng Bắc-Kỳ đến cuối tuổi ăn rồi san đều ra nong (nong rộng 1m20) thì vừa.

THAY PHÂN — Phân vừa ăn vừa chứa nhiều chứng bệnh. Vậy phải thay phân. Muốn biết lúc nào nên thay phân phải xem cái bảng chân lằm in dưới đây.

Phải thay phân thế nào? Khi lằm còn nhỏ, lột từng miếng ở lớp lá trên mặt mà đem sang nong sạch. Khi lằm đã lớn (tuổi ăn rồi) sẽ nhặt lằm để sang nong sạch, không nên bóc từng nắm một mà bỏ mạnh vào nong. Đừng để sót lằm ở dưới phân; bao nhiêu

HIỆU SINH - THÀNH

SÁNG LẬP NĂM 1927

Chủ - nhân: NGUYỄN - NGỌC - BÍCH

RUE PRINCIPALE HÀM-RỒNG



BÁN: Sách, chuyện, giấy, bút,
thuốc - lão ngon và tạp - hóa.

ĐẠI-LÝ: Các nhà thuốc có danh
và hãng savon "l'Alouette"

MUA - BÁN - ĐỔI :

SÁCH, CHUYỆN CŨ, TỰ - VI

SÁP MỞ THÊM CHI - ĐIỂM Ở :

n°s 2 Rue Hamelin et 19, 21, Rue des Chinois, Thanh-hoa

Lệ giá-thú ở các làng mới sáp-nhập Hanoi,

tằm bấy nhiêu tiền đó. Đồng phân phải để xa nhà tằm. Đào một cái hố mà đổ phân thì tốt hơn. Sau khi thay phân, giặt sạch nong, bồn và phơi ra ngoài nắng.

CHO TẪM LÊN NÉ. — Tằm kéo kén

Muốn tằm kéo kén được dễ dàng thì không nên để tằm chật quá trên né. Mỗi lứa 35.000 con tằm phải dùng đến 23m² nghĩa là chừng bảy hay 8 cái né rộng độ 1m50 và cao 2m. Những chùm rơm nhét vào né phải cho tủa ra. Để tằm lên né cho đều đặn. Không nên để từng năm tằm một. Muốn kén ươm không dứt thì lúc tằm kéo kén, không-khí phải nóng và ráo. Vậy phải theo cách sau này mà cho tằm kéo kén. Để né ra nắng từ sớm cho đến 9 giờ hay đến 10 giờ sáng và buổi chiều từ 3 giờ hay 4 giờ (tùy theo nắng to hay nhỏ) cho đến hết ánh nắng. Đêm đến, đem né vào nhà ở và đốt than mà trở. Nhất là lúc khí trời ẩm hoặc là mát quá. Khi trời dầm hay mưa thì cũng cho tất cả các né vào nhà mà đốt than như vậy. Trở (sưởi) kén như vậy là cốt ươm tơ khỏi dứt. Điều này quan-hệ lắm, vì kén đẹp mà ươm khó thì kén cũng hạ giá đi.

Kén gỡ xong, nhặt những kén bẩn, những kén hỏng để riêng ra. Nhặt những rơm rác vứt đi. Thà rằng nhặt riêng những kén hỏng để lựa kén được đẹp và cao giá còn-hơn là tiếc số cân mà cả lứa kén bị giảm giá.

CÁC BỆNH TẪM

Tằm gai. — Bệnh tai hại này gây nên bởi một vi-trùng ở khắp trong mình con tằm. Tằm bị bệnh gai thì nhỏ, gầy và chết ngay mấy tuổi đầu. Cũng đôi khi mãi đến tuổi ăn rồi, tằm mắc bệnh gai vẫn ra dáng khỏe mạnh. Tuổi ăn tư và tuổi ăn rồi con tằm gai có những chồi nhọn nảy lên ở mấy ngấn trước, còn những ngấn sau thì vàng-như sáp ong. Những chồi nhọn ấy (gai) trông trắng-trắng ở trong. Cũng có lúc ở dưới bụng tằm có những chấm đen. Những con tằm gai ấy có thể kéo kén được, hóa nhộng và ra ngài. Nhờ dùng phải những con kén ấy làm giống thì lứa tằm sau sẽ bị gai hết. Bởi vì bệnh tằm-gai là một bệnh di-truyền. Muốn tránh khỏi bệnh ấy, chỉ có cách dùng trứng không mang nọc bệnh. Trứng của các sớ Canh-nóng bán đều lành mạnh vì đã soi kính hiển-vi. Vậy chỉ nên dùng những trứng ấy.

Tằm búng. — Bệnh này cũng tai hại như bệnh tằm gai. Phần nhiều đến cuối tuổi ăn rồi, lúc tằm gần kéo kén, bệnh này mới phát ra. Con tằm búng không hay cử động, không ăn lá dâu, vờ cte bò ra ở rìa nong, phân thì ướt, mùi lục nhạt, trắng-trắng ; và ở đít tằm có một thứ nước nhờn-nhớt chảy ra. Ruột tằm đầy phân ứ lại : 3 ngấn

xem Tân-Nam-Lịch năm Quý-mùi,

trước thì trong và phủ ra, còn mấy ngón sau thì thâm lại, vì lá đâm ăn vào khít liền. Tăm búng có chín thì cũng không kéo kén được; lên né rồi chết, xác tăm đen lại, xông ra một mùi chua đặc-biệt. Bệnh búng là một bệnh rất truyền-nhiễm. Muốn tránh khỏi bệnh này, phải theo đúng cách-thức vệ-sinh đã dẫn trên kia.

Khi bệnh tăm búng mới phát, còn có thể cứu vãn lửa tăm được. Chỉ nên giữ lại những con tăm nhanh nhen hay cử động, khoẻ-mạnh và để lên nong thật sạch. Để thừa tăm ra. Cho tăm nhìn dãi vài bữa, để bộ máy tiêu hóa đỡ mệt.

Tăm trong đầu. — Bệnh này cũng như bệnh búng, là một bệnh ruột tăm, cũng rất nguy hiểm. Đôi khi tuổi ăn ba, ăn tư, bệnh đã phát ra; nhưng thường thường một hai ngày trước lúc tăm chín, bệnh mới phát rõ rệt. Tăm trong đầu thì đầu và những ngón trước nhìn trong như ngà; thân tăm nhỏ và dài (bởi vì ruột tăm không chứa chút dầu nào nữa). Ở đít tăm thường có một thứ nước nhờn-nhớt. Tăm trong đầu chết xong thì sẫm màu nâu, và xông lên một mùi thối khó chịu. Khi nào khí trời đang nóng mà lạnh hân hoặc đang lạnh mà nóng hân lên thì hay phát ra bệnh trong đầu. Một cơn gió lạnh, nhất là lúc tăm mới ngủ dậy đang ăn rồi, cũng gây ra bệnh trong đầu. Về tiết mưa mà khi-trời lạnh thì bệnh này hay phát ra. Không khi ở trong nhà tăm bỗng nhiên nóng lên cũng gây ra bệnh này. Lúc bệnh phát ra thì chỉ có một cách cứu vãn, là nhặt những con mắc bệnh bỏ đi; những con còn lại để thừa ra và cho ăn bớt bữa đi.

Tăm nghệ. — Bệnh tăm nghệ hay phát ra ở tuổi ăn rồi; tăm mắc bệnh này thì các ngón phủ ra, da láng, cũng lên và vàng. Da dễ rách lắm. Ở da tiết ra một thứ nước vàng như mủ. Bệnh tăm nghệ phát ra là vì tăm nuôi không được cẩn-thận, ăn dãi hay là lá dẫu xắt và ướt. Bệnh này ít tai hại bằng bệnh trong đầu và búng; hề thấy tăm nghệ thì nhặt bỏ đi.

Tăm voi. — Bệnh này gây nên bởi một thứ nấm sinh-hoạt trong thân tăm và phủ kín thân tăm một thứ bột trắng. Bệnh này ít thấy ở Đông-dương Thân hoặc về mùa xuân mới có.

Ruồi. — Con ruồi hạt tăm cũng to bằng con nhặng xanh, nhưng màu xám như con ruồi trâu. Ruồi đẻ trứng vào tăm vào tuổi ăn tư và tuổi ăn rồi. Trứng ruồi sẽ nở ra dòi. Dòi sống ở trong thân tăm, giết tăm đi khi tăm đã kéo kén xong. Con dòi cắn thủng kén mà chui ra. Những tăm bị ruồi « dỗi » dễ biết lắm. Ở nơi hông tăm về phía bụng có một chấm đen hình giăng khuyết. Những kén bị dòi cắn thủng không xom được. Thật là tai hại. Vậy phải che tất cả các cửa bằng mảnh-mảnh và mỗi lúc ra vào, phải cẩn thận.

Cách chữa ngộ độc, xem Tân-Nam-Lịch năm Nhâm-ngọ

CÁCH PHÒNG-BỊ TOÀN-THỂ ĐỀ TẮM ĐƯỢC KHOẺ MẠNH

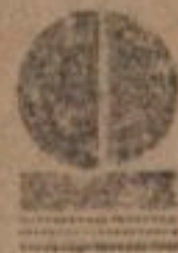
Suốt cả lứa tằm, nên đề buồng tằm thoáng hơi và sáng sủa, ánh sáng dịu rất tốt cho tằm mà lại tiện việc nhặt tằm bệnh. Nhưng luồng gió mạnh rất hại cho tằm. Gặp cơn đông hay là gặp cơn gió mát quá thì phải đóng cửa sổ phía gió thổi. Có thể mở cửa thông hơi ở dưới các cửa sổ. Lúc tằm mới ngủ dậy sang tuổi ăn rồi, phải tránh gió cho cẩn-thận.

Độ-nóng trong nhà tằm phải cho đều, nhất là lúc tằm ngủ. Về mùa đông, khi trời lạnh phải đốt than tằm.

Bụi rất có hại cho tằm vì bụi chứa nhiều vi-trùng (trong ấy có các vi-trùng bệnh tằm). Mà đã gọi là vi-trùng thì ta không thấy được. Mỗi buổi sáng, phải rảy nước lên nền đất rồi hãy quét. Nền xi-măng thì mỗi tuần phải rửa một lần. Hằng ngày, phải xem xét cẩn-thận những nong tằm. Thấy tằm bệnh phải lấy dũa gấp ra ngay, chớ nhặt bằng tay; rồi bỏ những tằm bệnh vào cái hồ nhỏ với với sống. Dũa đã gấp tằm bệnh phải hơ lửa cho chết vi trùng. Tằm đã ăn rồi, ruồi vẫn còn đốt được; vậy phải tránh ruồi cẩn thận cho đến tằm lên né. Giữ thế nào cho đừng có một con ruồi trong nhà tằm; hễ thấy ruồi thì giết đi.

Nói tóm lại, muốn nuôi tằm được tốt thì chớ quân công khó học. Người nuôi tằm mà minh-mẫn, biết săn sóc cẩn-thận thì lứa tằm nào cũng được: bí-quyết của nghề nuôi tằm chỉ có thế. Chớ nên hà tiện một cách vô lý và tưởng lầm rằng nuôi tằm dễ chặt, cho ăn ít dâu mà lại dàu. Vì thế mà phải đồ cả một lứa tằm. Hãy theo những lời chỉ dẫn của chúng tôi, các ông sẽ được nhiều kén, bởi vì không có tằm hỏng.

Cent pour cent d'intérêt pour
vous, si vous confiez vos travaux
d'impression d'Art, Litho, Typo à



L'IMPRIMERIE DAI-AN

N° 209, ROUTE KHAM - THIEN - HANOI



Elle est dirigée par son propre directeur
technique et commercial diplômé de
l'Ecole d'Industrie de Hanoi, ancien
élève de l'Ecole Universelle (Paris)

Cách chữa quai - bị, xem Tân-Nam-Lịch năm Nhâm-Ngo

Kén của ông sẽ to, nhiều tơ và đẹp, tức là đắt giá. Rút cục lại, là dẫu cho tằm ăn sẽ sinh lợi hơn nhiều, các ông phải mất công hơn, nhưng chắc sẽ được một món lợi bỏ với công mình. Nếu các ông không chịu khó, muốn nuôi tằm một cách nhàn hạ, thì lựa tằm sẵn sóc không được cẩn-thận bị bệnh, bị ruồi phá hỏng, các ông phải đổ đi và mất công toi.

PHÒNG NGHIÊN-CỨU TÀM TANG
(Viện khảo cứu Nông-lâm)

BẢNG NUÔI MỘT LÚA TÀM Ở BẮC-KỲ

Tính theo số 35.000 con tằm (nghĩa là chừng 100 vòng trứng đơn)
giống tằm kén vàng ở Bắc-kỳ

NÊN CHÚ Ý. — Nếu số tằm chưa đầy 35.000 thì phải bớt số lá và số nong đi. Nếu hơn 35.000 thì phải tăng lên. Những số kilo trong bảng này là chỉ số lá (trừ cành đi rồi)

Tuổi tằm	Số dâu cho tằm ăn từng tuổi	Ngày	Số dâu cho ăn		Mỗi ngày đêm (24 giờ) cho ăn bao nhiêu bữa	Số nong rộng 1m20	Lúc thay phân
			Mỗi ngày đêm (24 giờ)	Mỗi bữa			
Ăn một	2k.700	1	0k.540	0k.068	8	1	Trước lúc tằm ngủ
		2	1.080	0.135	8		
		3	1.080	0.135	8		
Ăn hai	5k.300	1	1.800	0.225	8	2 1/2	Sau lúc tằm thức ăn hai và trước lúc ngủ ăn ba.
		2	3.500	0.440	8		
Ăn ba	14k.000	1	4.000	0.570	7	4	Sau lúc thức ăn ba và trước lúc ngủ ăn tư.
		2	7.000	1.000	7		
		3	3.000 +	1.000	7		
		1/2 ngày					
Ăn tư	35k.000	1	8.000	1.340	6	8	Sau lúc thức ăn tư, ngày thứ nhì tuổi ăn tư, và trước khi ngủ ăn rồi.
		2	11.000	1.830	6		
		3	16.000	2.700	6		
Ăn rồi	213k.000	1	16.000	2.700	6	10 12 14 16 16 16	Mỗi buổi sáng.
		2	22.000	3.660	6		
		3	32.000	5.330	6		
		4	38.000	6.330	6		
		5	40.500	6.750	6		
		6	43.000	7.170	6		
		7	21.000 +	7.170	6		

Hai số dâu ở ngày thứ ba tuổi ăn ba và ngày thứ bảy tuổi ăn rồi (có đánh dấu +) là số cho ăn trong khoảng 12 giờ mà thôi. Vì tuổi ăn ba chỉ có hai ngày rưỡi và tuổi ăn rồi sáu ngày rưỡi.

Muốn rõ tiêu ăn thế nào, xem Tân-Nam-Lịch năm Tân-tị

Người Việt-Nam ta có nên giữ tục nhuộm răng không?

Lịch-sử tục nhuộm răng. — Cứ như nhà thông-thái Finot, giáo-sư Collège de France, một học-đường ở thành Paris, thì tục nhuộm răng của ta có từ đời Hồng-Bàng (từ năm 2879 đến năm 258 trước Thiên-Chúa giáng-sinh, khi người Giao-chỉ còn vẽ mình và búi tóc với ăn trâu. Sử-gia Tư-Mã-Thiên, người Trung-Hoa (140-87 trước Thiên-Chúa giáng-sinh) cũng có viết rằng: “Người Giao-chỉ có một tục lạ, là tục nhuộm răng”. Tục này đến ngày nay, chúng ta hãy còn giữ. Hiện ở nước Việt-Nam có từ 70 đến 80 phần trăm người lớn nhuộm răng. Ở các thành-thị, số người nhuộm răng đã giảm đi nhiều. Trên miền thượng-du, nhiều dân còn theo tục ấy, như là người Mường, người Mán, người Mọi, người Thái, chứ không như người Mèo và người Tày vẫn để răng trắng.

Ngoài dân Việt-Nam, trước kia cũng nhiều dân Á-đông nhuộm răng như người Xiêm, người Diên-điện, người Mã-lai, người Nam-dương quần-đảo cũng một vài miền bên Ấn-độ nữa.

Trong quần-đảo Salomon và Mariannes, chỉ những thổ-dân đàn-bà có chồng mới nhuộm răng thôi.

Cách nhuộm răng của người Việt-Nam. — Việc nhuộm này có bốn thời-kỳ:

1.) Trong ba ngày liền, người ta xỉa hay chải răng thật kỹ, lấy chanh cọ răng và súc miệng bằng rượu hòa với chanh hay dấm.

2.) Trong mười đêm liền, người ta đặt vào mặt răng bên ngoài những mảnh lá chuối có phết một chất pha bằng cánh-kiến, chanh và rượu để nhuộm đỏ.

3.) Trong ba đêm liền, người ta đặt vào răng một chất làm bằng phèn-đen, vỏ lựu khô, quế-chi, hồi và đinh-hương để nhuộm đen.

4.) Kỳ thứ tư thì xỉa bằng một chất lỏng đen đen lấy ở sọ rùa đốt cháy và để nguội trên một cái lưới dáo.

Nhuộm răng như thế có hại đến sức khỏe không? Có hại cho sức khỏe, vì:

1.) Khi xát chanh vào răng, khi súc miệng bằng rượu hòa với chanh hay dấm, thì răng hóa mềm và lung-lay, lợi đau và sưng lên.

2.) Bởi vậy, người nhuộm răng chỉ nuốt mà không dám nhai, chỉ uống mà phải nhịn ăn. Người gày đi và sức lực cũng bị tổn-hại.

3.) Người nhuộm răng hay đau bụng và đi rửa vì thỉnh-thoảng vô ý nuốt phải một ít thuốc nhuộm. Chất phèn-đen có đến một phần trăm nhân ngôn là một thứ thuốc-độc rất mạnh.

Danh-thiếp dễ thế nào cho nhả, xem Tân Nam-Lịch năm Tân-tị

Nhuộm răng có lợi gì cho răng không? Cứ như sự kinh-nghiệm của bác-sĩ Vũ Ngọc-Huỳnh (1) thì :

a) mặt răng ở ngoài đen nhánh, còn mặt trong giáp lưỡi và mặt để nhai thì chỉ đen mờ mờ thôi.

b) Cấn răng và kẽ răng vẫn trắng nguyên

c) Thuốc nhuộm ở mặt răng để lâu lâu ra chóng lấm.

d) Thuốc chỉ nhuộm được một lớp rất mỏng ở men răng, chứ không nhuộm được đến lớp mao trong.

e) Những vi-trùng trong miệng làm cho răng sâu và sưng hay bám vào cấn răng và mặt nhai của răng (là những nơi thuốc không nhuộm tới được) và nười sâu răng thì sức-lực kém đi, cho nên người ta có thể nói rằng nhuộm răng không có ích gì cả.

Những người chót đã nhuộm răng có nên cạo đi không?

Dùng phấn-vôi hay than mà cạo đi thì không có công-hiệu. Phải dùng đến những hóa-chất như acide chlorhydrique, acide azotique, vân vân thì thuốc nhuộm mới đi. Những chất ấy không những làm hại răng, mà lại còn hại đến sức lực nữa.

Các nhà chuyên-môn về nha khoa có thể dùng máy nhỏ cạo lớp ngoài răng được, nhưng tất làm hại đến men răng. Vì thế răng dễ bị vi-trùng ăn vào và dễ sâu răng. Và răng đã cạo đi thì màu hóa xám-xám, không được trắng đẹp như khi chưa nhuộm. Và khi răng đã cạo đi rồi, thì khó nhuộm lại được nữa. Màu răng sẽ loang-lổ, chỗ đen chỗ trắng vì lần nọ ngoài đã cạo mất rồi, lần men trong thì trơn, không ăn thuốc nhuộm.

Về phương-diện xã-hội nhuộm răng có hại gì không?

Các nhà bác-học về khoa nhân-chúng coi tục nhuộm răng cũng như tục vẽ mặt và tự dũa răng của các thổ-dân già-man xứ Mơi và ở bên Phi châu, Úc châu. Vì ở Âu-châu không có xứ nào nhuộm răng cho nên người Âu-tây coi là một tục già-man và ghê tởm, tha h ra hiệu sai mất cái văn-hóa của người Việt-Nam. Trong thời Âu-chiến 1914-1918, lính Việt-Nam sang bên Pháp thường bị người ta coi là giống Mơi ăn thịt người, chỉ vì răng đen. Sau

(1) *Le langage des dents en Indochine par le Dr Vu-Ngoc-Huỳnh*, in tại Đông kinh ấn quán.

Bài này, độc-giả ngài nào ý-kiến bất đồng và có bài khác gửi đến, bản-xã sẽ vui lòng đăng vào Tân-Nam-Lịch sang năm.

Con trai, con gái chưa ở riêng có được phép có của

hiều người phải lấy các thứ acide mà cạo răng, nhưng mòn xung vết cả lên và răng bị hư-hỏng đi.

Kết-luận.— Tục nhuộm răng không lợi gì cả, bởi vì răng nhuộm vẫn bị sâu và đau như răng trắng. Người các xứ tân-tiến cho tục ấy là một triệu-chứng của những dân kém bèn. Nhưng đã chót nhuộm rồi thì chớ có cạo đi. Răng đen cạo đi vừa xấu, vừa dễ bị sâu và khó nhuộm lại được đều như cũ.

Vậy chúng tôi khuyên ai còn răng trắng thì đừng nên nhuộm, ai đã chót nhuộm rồi thì chớ có cạo đi, đành cứ để đen vậy và nên xỉa thêm cho đen nhánh. Cái câu « răng đen nhưng như hạt huyền kém thua » còn được chuyển tụng trong dân-gian còn lâu.

Nhìn không rõ thì nên đeo kính

Hễ nhìn không được rõ thì nên mượn ngay thầy-thuốc xem mắt mình có cần phải đeo kính không. Muốn ra vẻ trẻ-chung, chớ có đeo kính cũ quá, và các b. các cô mắt nhìn không rõ, muốn được xinh đẹp cũng nên chọn kính mà đeo.

Xưa nay, người ta muốn diện, muốn sang, chỉ chăm về quần áo và giày, chứ ít ai nghĩ đến dùng mục-kính. Ngay ở trong các học-đường, các rạp hát, rạp ciné, có biết bao nhiêu người nhìn không rõ, chỉ vì mắt cần phải dùng kính mà không đeo, hoặc vì muốn ra vẻ trẻ-chung mà không chịu đeo. Trái lại, có người mắt chưa phải dùng kính, vì muốn sang mà cũng dùng kính. Đã dùng kính thì mắt-kính phải hợp với thị-quan của mình, từ đôi mắt kính đến cái gọng cũng phải hợp với cái khuôn mặt mình.

Ký thủy, người La mã cổ dùng có một cái mắt kính, mãi đến đầu thế-kỷ 14, mới có người chế ra gọng bằng gỗ, bằng chỉ mặc hai mắt. Ngay ở nước ta, mấy năm về trước, ta cũng đã từng trông thấy người Trung-hoa, dùng những cái nhỡn-kính kiếng-lồ, nặng chình-chịch, mới mặc vào nó đã sụt ngay xuống mũi.

Ở bên Thái-tây, gọng-kính trước còn làm bằng sắt, bằng thép, rồi mới đến kền, rồi sau bằng kim-khí mạ bạc, mạ vàng, hoặc bằng vàng thật. Cận lai, các nhà làm kính mới chế ra những gọng bằng celluloid, nhưng chất này dễ cháy lắm, người ta mới lại dùng chất galalithe, tuy không dễ cháy nhưng lại giòn, dễ gãy lắm. Bởi vậy, ngày nay ta mới thấy xuất hiện ra gọng kính bằng rhodoïde, pha màu nào cũng được. Kỹ-ngệ kính nay đã tiến-bộ đến tới bậc. Vậy những người nhìn không rõ, đợi gì chẳng sắm nhỡn-kính mà dùng?

riêng không, xem Tân-Nam-Lịch, năm Nhâm-ngọ

Hơi thấy mờ mắt, hoặc chóng mặt, nhức (đau) đầu, thì nên thử kính ngay. Người ta đã nghiệm ra biết bao nhiêu người bị chứng nhức đầu, chỉ vì mắt kém !

CÁC NGÀI MUỐN DÙNG KÍNH ĐEO - MẮT ĐƯỢC HOÀN - TOÀN
VỪA Ý, XIN CHIẾU CỎ ĐẾN HIỆU KÍNH **Phúc-Nguyên-Lợi**
LÀ HIỆU KÍNH MỜ ĐÃ LÂU NĂM, CHUYÊN - MÔN BÁN CÁC
THỨ KÍNH KIỂU MỚI RẤT TỐT ĐẸP VÀ BỀN.

PHÚC - NGUYỄN - LỢI

OPTIQUE MÉDICALE

Hanoi : 21, Rue du Chanvre

132, Route Khâm - hiên

Namdingh : 112, Rue de France



Ai đã nghĩ ra đồng-hồ có quả - lắc ? — Năm 995, đức Giáo-
hoàng Sylvestre đệ nhị chế tạo ra chiếc đồng-hồ đầu tiên có
quả-lắc và có chữ số Ả-rập (tức là những con số mà nay cả
hoàn-cầu dùng)

Vài con số về cái đồng-hồ quả-quít. — Mỗi ngày, bộ máy của
đồng-hồ quả-quít lắc được 432.000 cái, trong một năm, nó lắc
được 3.156 triệu lần. Tính ra một ngày nó lắc được 15 cây
số và một năm, 1825 cây số.

Nguyên-ủy trò chơi đá-bóng tròn. — Xưa nay, người ta cứ tưởng
bóng tròn xuất-hiện ở Tây-phương về đời Trung-cổ. Nhưng các nhà
bác-học nhận ra rằng, bóng-tròn đã có từ đời vua Cheng-ti
(Thành-đế) Trung - quốc hoàng-đế. Ngài giữ ngôi báu trong 38
năm (từ năm 32 trước Thiên-chúa giáng-sinh đến năm thứ 6
sau Thiên-chúa giáng-sinh) tính thích đá bóng. Mỗi năm, cứ
đến ngày sinh-nhật thì có những cuộc đá bóng. Bên thắng được
thưởng hoi quả, rượu và vài vốc, Bên nào bại thì phải đánh roi.

Báo tin hiệu-hỉ thế nào cho nhà

Mọi ăn thịt người

Trước kia, người Maori xứ Nouvelle-Zélande thường ăn thịt một thứ chim đại-bàng. Nhưng về sau, thứ chim này tuyệt chủng. Loài thú ở xứ ấy lại hiếm mà loài cầm thì nhỏ quá. Dân bản-xứ, khi thèm thịt, phải đi cướp bắt người để ăn thịt. Vì vậy, ai cũng tưởng là chỉ ở những xứ thiếu vật ăn thịt mới có giống Mọi ăn thịt người.

Cái thuyết ấy không đúng, vì ở những nơi có lắm vật săn-bắn, vẫn có giống Mọi ấy, như ở Mỹ-châu và Phi-châu. Các giống Mọi này ít khi vì tham ăn mà sát nhân, nhưng vì mê-tin, họ cho rằng ăn óc kẻ khôn thì tâm-chí được sáng-suốt, mút tủy xương người khỏe thì thân-thể được cường-tráng. Một người Mọi giống Canaque nói rằng: « Muốn kiếp sau được khỏe-mạnh, thì những kẻ già yếu phải hiến thân cho kẻ mạnh ! » Một nhà thám-hiêm Mỹ nghe thấy một tên Mọi nhỏ nói với mẹ: « Con thương mẹ lắm, hễ khi già yếu thì con sẽ ăn thịt mẹ, vì con không muốn để chim hay sâu bọ nó xâu xé mất xác mẹ ! »

Các giống Mọi đều công nhận là ăn thịt người cũng như ăn thịt ngựa. Xưa có một chiếc thuyền Trung-hoa bị bão đưa dạt vào một cái đảo ở Thái-bình-dương. Bao nhiêu hành-khách bị người thổ-dân ăn thịt dần. Còn một người may được một chiến-thuyền Pháp đến cứu thoát.

Tuy vậy, chớ nên vội khinh bợn Mọi già-mạn ấy, vì theo lời sử-gia Hérodote, chính các ông tổ người Hi-lạp và người Pháp cũng ăn thịt người !

PHÒNG-THỦ THỤ-ĐỘNG

về không chiến

Soạn giả : **Phạm-Huỵ-LỤC** và **A. COURTOUX**

BẢN CHỮ TÂY VÀ QUỐC NGỮ GIÁ MỖI QUYỀN 0\$50

Hỏi các hàng sách và tại *Imprimerie de Hanoi*,

85 phố hàng Bông, Hanoi

DUYỆT CÁC BÁO

Sao lại được ?

Một tờ báo kia có đã g
rằng : « . . . Sau cái tai-nạn ấy,
cả 36 cái áo-quan những người
bị nạn đều được đưa vào nhà-
thờ . . . » Sao lại được ? Chẳng
được thì vớt áo-quan ấy ra
đường à ?

NÊN ĐỌC

Luật Lao-Công

Giá : 0 \$ 30

Bán tại HÀ-THÀNH AN-QUÂN

85, Phố Hàng Bông Hanoi

QUYỀN-LỢI CỦA CÁC NHÀ MUA LỊCH

Các quyền-lợi ấy là :

1o — Mua một quyền có quyền xin giải-đáp về pháp-luật, y-học, thú-y,
khoa-học, nông-phổ, xã giao; vân vân . . . mà không phải trả tiền. Chỉ
việc cắt những phiếu in ở dưới mà dán kèm vào thư hỏi với một
cái phong-bì dán tem đề sẵn chỗ ở của mình. Hỏi năm nào, chỉ được
dùng phiếu năm ấy, không được dùng phiếu cũ.

2o — Trong lịch năm sau, muốn đăng những mục gì, chỉ việc viết
thư cho bản-xã từ cuối tháng sáu trở lại.

3o — Mua lịch các năm cũ, nếu hãy còn, thì được trừ 30%, nghĩa
là 1 đồng chỉ phải trả có 0\$70 thôi.

Mua lịch hoặc sách vở của bản-xã, xin cử chiến theo giá hiện thời cộng
thêm với tiền cước-phi của sở bưu-diện. Sách nào, bản-xã cũng gửi theo
cách bảo-đảm (recommandé) cho khỏi thất-lạc, nhưng không nhận gửi cách
linh-hóa giao-ngôn (contre-remboursement), vừa phiếu cho bản-xã, vừa
tồn thêm cho các ngài.

Lời dặn. — Thư có gửi kèm đủ tem (con-niêm), không có cái nào
là bản-xã không trả-lời. Ai có hỏi việc gì mà không nhận được thư
phức-đáp thì một là tại thư thất-lạc, hai là tại chưa thể giải-đáp
ngay được. Dù thế nào mặc lòng, các ngài cũng có thể viết thư nhắc.

Thư nhờ giải-đáp mỗi việc và thư hỏi mua sách vở, phải viết riêng,
đừng viết làm một, thành thêm chậm công việc ra. Ngoài bì và mandat
xin đề rõ như sau này : M. Phạm-Huy-Định, « Imprimerie de Hanoi »
85, Rue du Coton, Hanoi.

TÂN NAM LỊCH

1945

Phiếu mua lịch
năm cũ trừ 30./

TÂN NAM LỊCH

1945

PHIẾU HỎI
LẦN THỨ II

TÂN NAM LỊCH

1945

PHIẾU HỎI
LẦN THỨ I

Phép nuôi gà, xem Tân-Nam-Lịch năm Quý-Mùi.

GIẢI-TRÍ

Những sự kỳ-quặc của con số 7

Nếu ta chia 1.000 000 với 7, ta sẽ thấy $1.000.000 = 142.857.$

Đem số 142.857 ấy nhân với 1, 2, 3, 4, 5, 6, lần nào những tích-số (produit) nó vẫn thấy những con số 1, 4, 2, 8, 5, 7 theo thứ-tự trước sau, cứ con 1 ở trước con 4, con 4 trước con 2, con 2 trước con 8, con 8 trước con 5, con 5 trước con 7, con 7 trước con 1, là :

$$\begin{aligned} 142.857 \times 1 &= 142.857 \\ 142.857 \times 2 &= 285.714 \\ 142.857 \times 3 &= 428.571 \\ 142.857 \times 4 &= 571.428 \\ 142.857 \times 5 &= 714.285 \\ 142.857 \times 6 &= 857.142 \end{aligned}$$

Lạ nữa, là nếu nhân số 142.857 với 7, ta thấy tích-số nó toàn con số 9 cả, là $142.857 \times 7 = 999.999.$

Nếu xét kỹ thì ta sẽ nhận ra rằng trong những số trên ấy, không có lấy một con số 3, số 6 và số 9 nào cả. Nếu ta cộng những tích-số trên ấy từng cột một, bất cứ cộng ngang hay cộng dọc thì tổng-số cột nào cũng thấy 27 cả.

1	4	2	8	5	7	27
2	8	5	7	1	4	27
4	2	8	5	7	1	27
5	7	1	4	2	8	27
7	1	4	2	8	5	27
8	5	7	1	4	2	27
—	—	—	—	—	—	—
27	27	27	27	27	27	27

...của con số 9

Lấy 8 con số đầu 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 làm thành 8 số, đặt số nó lên trên số kia theo như bảng sau này; nhân những số ấy với 9, tích-số của mỗi số là bao nhiêu lại cộng dần với những số từ nhỏ đến lớn, bắt đầu từ con 2 trở lên thì ta thấy những số toàn con số 1 cả, là :

$$\begin{aligned} 1 \text{ lần } 9 \text{ cộng với } 2 & \text{ là } 11 \\ 12 - 9 & - 3 - 111 \\ 123 - 9 & - 4 - 1111 \\ 1234 - 9 & - 5 - 11111 \\ 12345 - 9 & - 6 - 111111 \\ 123456 - 9 & - 7 - 1111111 \\ 1234567 - 9 & - 8 - 11111111 \\ 12345678 - 9 & - 9 - 111111111 \end{aligned}$$

Xem trong những số toàn con số 1 này thì nhận ra rằng hệ cộng tích-số của 9 với bao nhiêu unités thì có bấy nhiêu con số 1, như là 1 2 3 4 lần 9 cộng với 5 = 11111 (5 con 1)

...của con số 8

Nay lại lấy con 8 mà tính như thế thì ta sẽ thấy những số kỳ-quặc như sau này :

$$\begin{aligned} 1 \text{ lần } 8 \text{ cộng với } 1 & \text{ là } 9 \\ 12 - 8 & - 2 - 98 \\ 123 - 8 & - 3 - 987 \\ 1234 - 8 & - 4 - 9876 \\ 12345 - 8 & - 5 - 98765 \\ 123456 - 8 & - 6 - 987654 \\ 1234567 - 8 & - 7 - 9876543 \\ 12345678 - 8 & - 8 - 98765432 \\ 123456789 - 8 & - 9 - 987654321 \end{aligned}$$

Bạn gái làm thế nào được trẻ lâu, xem Tân Nam Lịch năm Quý-Mùi

Kết-quả bao giờ vẫn thế

Trong đám đông người, ta hãy mời một người hoặc tất cả bấy nhiêu người lấy giấy bút viết một số ba con, muốn viết con gì cũng được, miễn là con số đầu với con số cuối đứng giống nhau. Thí-dụ một người viết số 521 (1). Rồi đảo lộn ngược số ấy lại, thành ra 125, và đem số lớn trừ số bé đi còn là : $521 - 125 = 396$.

Cái số thừa ấy là 396, bây giờ đem lộn ngược nó lại là 693, rồi hai số cộng với nhau, thành ra $396 + 693 = 1089$. Tất cả bấy nhiêu người, dù tính khác nhau, số cộng bao giờ cũng thành 1089 như nhau cả. Số này, dặn cử-toạ tính xong thì giấu đi, đừng cho mình biết. Đến khi mình đọc con số 1089 ra, cử-toạ đều phải ngạc-nhiên. Kỳ thủy ai cũng phải cho là phép quỷ-thuật.

ĐẤU - CHÍ

Trong một buổi triều, quan thượng-thư De Corbières vô-ý để cái túi đựng thuốc-lá lên bàn. Vua Louis XVIII cho là vô lễ, phải cau mày mà quan thượng vẫn không biết. Một lúc nữa, ông lại để cả khăn mù-soa lên bàn nốt. Vua cá giận, nói : « Có lẽ quan thượng sẽ giốc cả túi ra chẳng ! »

De Corbières thần-nhiên nói : « Tâu bệ hạ, cứ như ý-kiến hạ-thần thì một ông quan, nhất là quan thượng-thư, dù có dốt túi còn hơn là vợ cho đầy túi. »

Vua cười và không giận nữa.

Gốc-tích cái khăn mù-soa

Nguyên ở thành Venise, đến nay đã hơn bốn thế-kỷ, có một mỹ-nữ cắt một mảnh vải trắng nõn, lấy đăng-tên viền chung-quanh. Rồi nàng ra công-viên đi bách bố, giở cái khăn trong túi ra, ai cũng phải ngắm-nghia và khi về nhà liền bắt-chước. Sau các bà quý-phái ở Pháp cũng theo cái « mốt » ấy, dần-dần tục dùng mù-soa lan ra khắp nước và cả hoàn-cầu. Vua Louis XVI vốn ghét mù-soa hình tròn, bèn hạ lệnh cho cả nước phải cắt theo hình vuông. Ấy cái khăn mù-soa có từ đó và hình vuông cũng từ đó.

QUAN SỰ CẨM NANG

Soạn-giả : PHẠM-HUY-LỤC

Sắp tái bản, sửa đổi lại hết — Giá : 5\$00

Bán tại HÀ-THÀNH ẤN-QUÁN, 85, Hàng Bông, Hanoi

(1) Tính trừ này, Lịch Tân-Nam năm Giáp-Thân đã đăng ở trang 65 rồi, nhưng chưa dạy cái tính cộng phần cuối ở sau đây.

Thế này là phạm tội ngăn-trở thương-chính

QUY - THUẬT

Cái đầu lâu biết nói.

Trên sân-khấu bày một cái bàn to. Chung-quanh có vài căng dề che kín gầm bàn và chân bàn. Đem một người ra giới-thiệu với công-chúng, rồi đặt người ấy nằm sấp xuống



Hình 1

bàn. Phía chân người ấy để một cái đĩa. Người làm trò lấy gươm chặt đầu người nằm trên bàn, rồi lúm tóc cái đầu-lâu đặt lên đĩa (H. 1). Đoạn, người làm trò mời khán-giả lên sân-khấu sờ cái đầu-lâu, thì thấy đầu-lâu vẫn sống và cười khanh-khách. Thật là rùng-rợn!

Cách làm

Bàn làm trò phải có một tấm ván A B (H. 2) xoay trên một cái trục, để khi người bị chém cúi cổ xuống thì cái ván gỗ ấy lật ngược lại; cái đầu giả ở dưới ván lật lên gây người « bị chém ». Người làm trò phải khéo đứng che đi. Dưới gầm bàn phải để một người nấp sẵn (H. 2) đầu tóc và mặt mũi cũng phải bôi phấn và vẽ lông-mi, đeo râu giả y như người b. chém và cái đầu giả. Trong khi nhắc cái đầu-lâu giả giờ lên thì sẽ bấm cái ống nước phẩm đỏ đặt sẵn ở trong cho nước phẩm chảy ra giả làm máu. Rồi đặt cái đầu-lâu giả lên cái

ĐẦU GIẢ

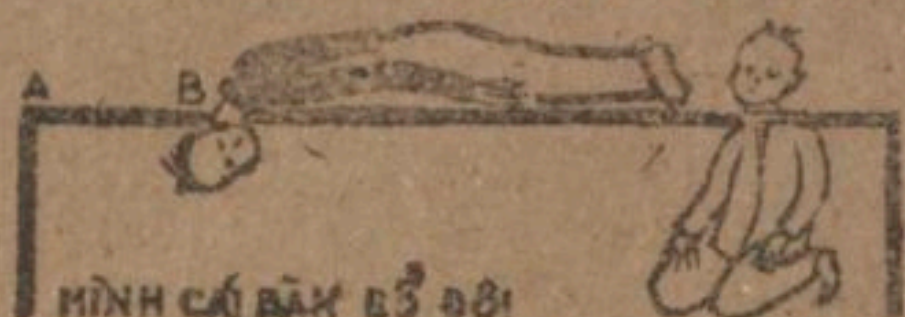


HÌNH CÁI BÀN BỐ ĐÔI

Hình 2

xem Tân-Nam-Lịch năm Quý-mùi

đĩa gỗ sơn trắng (H. 1). Cái đĩa này là đĩa thủng, người nấp



Hình 3

ở găm bàn lờ cái đầu giả xuống và nhô đầu mình lên (H. 3). Lúc này người làm trò phải đứng che cho khéo.

Quả chanh biết vác lời

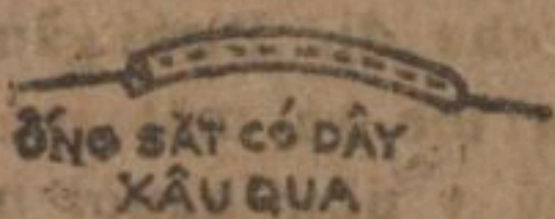
Người làm trò lấy dùi xiên thủng một quả chanh, rồi lấy dây xâu qua. Một đầu dây, lấy chân chặn, còn đầu kia thì lấy tay cầm (H. 4). Người làm trò ra lệnh: « Chanh, mày rơi xuống đất », tức thì quả chanh rơi xuống. Rồi lại kéo quả chanh lên, và cho quả chanh rơi xuống đến nửa chừng thì kêu: « Chanh, mày dừng lại! » Tức thì quả chanh dừng lại không rơi xuống nữa.

Cách làm

Kiểm một cái ống sắt lấy nhỏ nhỏ hình hơi cong (H. 5), bề dài ngắn hơn đường kính quả chanh. Khi xiên cái ống qua quả chanh, đừng để thò hai cái đầu ống ra ngoài (H. 6). Đứng trước khán giả, người làm trò giả cách lấy dùi xiên quả chanh ấy. Đoạn, lấy dây xâu qua ống.

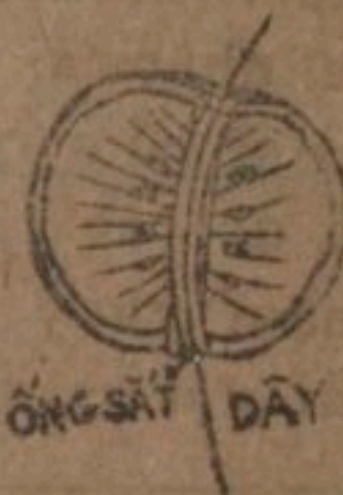


Hình 4



Hình 5

Nếu dùng dây mềm, dài và đồng mùi với cái ống. Muốn cho quả chanh rơi xuống đất thì để chùng dây, đừng kéo căng. Muốn cho quả chanh dừng lại thì giữ dây thật căng. Ống đường cong hơi thủng, vướng dây, chanh không rơi xuống được. Nếu khán giả dỗi xem thì bỏ dỗi quả chanh ra, giấu cái ống sắt tây vào túi cho nhanh, và đưa quả chanh bỏ dỗi cho mọi người xem, rồi nói: « Trong quả chanh không có gì cả. »



Hình 6

Muốn rõ luật mới về việc thuê nhà,

XÃ - GIAO

Cờ-bạc

Trong những đám mà người ta thường gọi là thượng-lưu xã-hội, những cuộc đánh bạc nhiều khi xem ra không có vẻ thượng-lưu tí nào. Thế cho nên muốn xét người, không gì bằng xét trong khi đánh bạc, tình-tình thế nào nó hiện ra chỗ đó cả. Sau những cuộc yến tiệc, nhà chủ có khi phải bày những cuộc đánh bạc để lưu khách lại là lẽ tự nhiên, song phải biết lập cuộc chơi ấy thế nào cho tao-nhã, cho lịch-sự. Thực ra lịch-sự thì chỉ có cuộc đánh cờ, vì đó mới là cuộc đấu chí, mới là thứ chơi được thua không nhờ ở sự may rủi. Mã-tước (mạt-trước), tở-lôm, tài-bàn, tam-cúc, tuy không hẳn là những thứ bài lá được thua toàn bởi sự cao thấp, nhưng cũng có thể cho là cuộc chơi tao-nhã được, chỉ như đánh bất, ich-xi, trọc-xếch, phũn-thần, tài-sửu, sắc-đĩa thì ai cũng phải công nhận là những cuộc đồ đen của những phường bợm mong sát-phạt lẫn nhau, hoặc của những kẻ chứa gá mục-dịch kiếm hồ, dù lập dụng trộm hay công-nhiên cũng vậy.

Ông chủ nhà hay bà chủ nhà, làm-thời đặt cuộc đánh bài đãi khách thì phòng đánh cũng phải xếp - đặt lịch-sự như chỗ phòng ăn, nghĩa là có đủ ánh-sáng cho khách nom bài, và mùa lạnh thì có lò - sưởi, mùa bực có quạt máy hay quạt kéo, quạt lông.

Chẳng những không nên ép đánh to mà lại không nên để khách đánh to quá. Người nào tỏ ý không muốn đánh thì chớ nài ép, vì người ít tiền thua đến mười đồng đã là một số to rồi.

Muốn thật lịch-sự, thì dù tở-lôm hay tam-cúc cũng nên dùng bài mới, đó là để tỏ ý trọng khách hơn là để khách khỏi nghi-

xem Tân-Nam-Lịch năm Qui-mùi.

ngờ bài có dấu. Nếu trong bốn khách của mình không đủ chuẩn thành cuộc tổ-lòm chẳng hạn, mà phải mời đến người ngoài thì những người nào hồ-nghi là tay bợm cờ-bạc, phải gạc ra hết.

Nhà chủ không bao giờ được lấy hồ, dù những kẻ gá chửa lâu nay đã khéo dối t n nó là tiền “đầu hội”, dù tị khách có đưa, cũng nhất-định phải chối-lừ.

Đó là bốn - phận riêng của nhà chủ, còn bốn-phận chung của chủ lẫn khách, phải những thế nào?

Những sự cử-chỉ trong đám bạc cũng phải lễ-phép như trong đám tiệc. Ngồi ghế thì không uốn, bưng, ngả hết lưng vào chỗ dựa hoặc để hai cẳng lên ghế. Ngồi sập thì không ngả nghiêng hẳn về bên nào, hoặc duỗi dài chân. Trời lạnh, không để cả áo pardessus mà đánh, trời bức không có cởi áo phanh ngực sơ-sàng.

TISSAGE

NAM-DUONG

274, Route de Khâm-Thiên
và 64 bis, Rue du Coton
HANOI



Chuyên dệt các hàng
phụ-nữ như:

SATIN QUAY OLAKA

BỀN ĐẸP RẼ

(có bán khắp nơi)

Phần nhiều người động mớ đến quán bài là nhắp tay vào nước bọt (nước-miếng). Chẳng những làm bẩn bài, mà lỗ bài ấy bị những ngón-tay có bệnh truyền-nhiễm mớ vào thì nuốt hết cả những vi-trùng. Bài có rit, khó lên thì lấy khăn hoặc lấy ti bông ướt sẽ quét đều ngón-tay cho trơn. Nhiều nhà bây giờ đã biết đặt trước mỗi người một cái ống con đựng ít épo ge ướt như ống để trên bàn giấy để dấm giấy bạc. Cách ấy có lễ lịch-sự và gọn-gàng hơn cả.

Cầm bài thì nên nhẹ-nhàng, chớ làm quăn bốn góc quân-bài, mỗi khi tay bẩn vì lấy trầu ăn, lấy thuốc-lào, cầm chén nước,

thì phải lau tay rồi hấy mớ vào bài.

Bài ù, phải bày cho rõ ràng, đừng để chập/nhau, khiến cho người ta phải hồ-nghi. Mỗi ván đánh xong, bài phải

Các bà không có sữa nuôi con phải làm thế nào

xếp gọn ở trước chỗ mình để người hầu bài chia được mau chóng, chứ không có vứt, có quăng quật, nhất là những khi ù tay dưới hoặc bỏ ù, mất ù.

Gặp phải hồi đen, người lịch-sự không có câu-nhậu, không đòi chỗ, không đòi bài nọc, không trang bài huyền - thuyên bát đảo, tỏ ra người tính nóng, nhỏ-nhen. Trong khi đánh bài có thể nói đùa, nhưng không được dùng những tiếng tục-tẩn. Người nhã-nhận, có nhiều trí-khôn, không phải đưa ra những tiếng thô-bỉ mà câu chuyện vẫn vui. Bài quân gì thì cứ tên thật nó mà gọi, nhất là các bà, các cô, không được dùng những tiếng lóng thường dùng ở trong phường con bạc nhà nghề. Lục-văn không có gọi là vật-lông, tam-vạn không gọi là ba vạn, ngũ-văn không xưng là bốn chổng, ông-cụ không xưng là khom già, thang-thang không gọi là thương nhớ, vân vân... hoặc gọi những quân bài bằng những cái hình vẽ của nó.

Quân mình chờ lên, thích chi, không có nhảy chồm hay vỗ đùi, nhất là ù chi-chi. Trái lại, bạch-định, bốc phải thang-thang, không có văng tục, hoặc tức giận rạch móng-tay vào quân bài vô-tội. Kỵ-giả còn nhớ trong một bàn tê-tôm, có bà kia, chổng cũng vào bực tai mắt trong tỉnh, bài thập thành kính cụ, bốc phải ông-cụ nữa, liền rạch móng-tay vào quân ông - cụ mà lai-nhai mãi « khỉ già, khỉ già » ! Những người thiếu giáo-dục như thế, tất lần sau nhà chủ không dám mời nữa. Ai gặp ván khó, phải đánh chậm thì đừng nên giục. Ai ù treo tranh, trái bĩ, hay bỏ ù, hay treo đồ thì sẽ bề một cách nhã-nhận, chứ đừng có đay nghiến lâu. Ai xưng làm thì không được ăn tiền, chứ không có bắt đền. Có xem bài của người ù thì xem một cách kín-dáo. Lắm người động thấy ai ù, là bề bắt hão.

Đánh hay ăn quân gì, không có bàn-tán với những người châu-ria, chỉ tỏ thêm lâu để những người khác phải nóng ruột. Mà những người châu - ria thì không được đứng làm trọng-tài bề bắt ai, trừ khi đồng bàn có hỏi đến mình thì không kể. Ai đánh chậm, không nên giục. Nhiều người chính mình đánh chậm mà không biết, chỉ biết giục người thì nhanh ! Đang đánh không có đếm tiền, hoặc bỏ tiền vào túi. Đồ đen không có lộ vẻ vui, vẻ buồn ra ngoài mặt và không có hỏi nhau được thua

bao nhiêu. Có người được nhiều lại nói được ít, thua ít lại nói thua nhiều! Có người thấy ai nói được ít, lại tỏ ý nói trái: «Có lẽ nào, bà được hơn nữa mới phải!» Đánh lỗ hết tiền, có vay ai thì phải trả liền, chứ đừng coi là tiền cờ bạc mà trây lười. Tiền vay ấy, người Tây gọi là tiền vay danh-dự (prêt d'honneur), chỉ một hôm là phải trả.

Những điều dẫn trên ấy, thế nào chẳng có người cho là phiền-phức, tỉ-mỉ. Nếu cho là phiền-phức thì các ngài cứ tha-hồ "tự-do" mà theo thói quen của các ngài, vì mấy lời nói đây là để công-hiến những người cầu vui một cách tao-nhã lịch-sự, chứ không phải để tặng những con bạc nhà nghề.

Trích trong quyển (Lễ-Nghi)
của ông T. N.

XIN MỜI QUÝ KHÁCH TỚI MUA HÀNG TẠI HIỆU SÁCH:

QUỐC - HOA

61, PHỐ LỚN THANH - HÓA

SẼ ĐƯỢC VỪA Ý



Vì hiệu **QUỐC-HOA** bán hạ giá và bán giá nhất định, quý khách không mất thì-giờ mặc cả. Hiệu **QUỐC-HOA** bán đủ các sách, vở, báo, chí, tiền-thuyết, bút máy và các đồ dùng trong văn - phòng. Hiệu **QUỐC-HOA** bán các hàng tạp - hóa, hàng thời-trang (nouveautés), áo nức, áo rét, giày, dép, phấn, sáp, nước hoa, kính đeo mắt, v.v.

Xin chú ý: Hiệu **Quốc-Hoa** mới về nhiều áo len mặc rét có nhiều kiểu và nhiều màu đẹp. Mời quý khách lại mua ngay kẻo hết.

Muốn biết những nơi đến cửa cũ Hanoi.

PHỤ - NỮ

Trang-sức

Cách giữ - gìn cho phụ-nữ được trẻ lâu đã đăng trong lịch năm Tân-tị (trang 94) và năm Qui-mùi (trang 76). Theo ý muốn của một số đông độc-giả phải đẹp, nay bản-xã mở ra mục này để mách - bảo các bà, các cô mấy cách sửa sang nhan-sắc. Những trang sau đây không phải là một quyển sách hoàn-toàn dạy điểm-trang, song chị em sẽ thấy một cuốn sổ - tay có gom - góp những điều kinh-nghiệm của mấy người sành về khoa ấy. Trong khoa điểm-trang phụ-nữ, cần nhất phải tựa theo khuôn mặt từng người mà sửa. Để tiện việc tra - cứu dễ - dàng, nay xếp các mục theo thứ - tự vần a, b, c. như sau này :

Bụng.— Muốn bụng thon, nên đi bộ nhiều, tập thể-thao. Nên nhớ rằng đàn-bà bụng xệ thì xấu lắm.

Chân.— Xem mục tay.

Da.— Muốn da mặt được trắng đẹp thì phải :

- a) ăn uống có điều-độ, đừng dùng gia-vị nhiều quá ;
- b) lấy dưa - chuột tươi cắt mỏng ép lấy nước, rồi xoa lên mặt.

Phải săn-sóc đến da để được mịn-màng luôn. Rửa mặt bằng nước khoai-tây luộc cũng tốt, hoặc lấy một cái ruột bánh - mì còn mới, đánh với nước sôi cho đều, khi đã dẻo thì lấy bột ấy mà bôi lên mặt. Cứ để như thế suốt một đêm, sáng dậy rửa mặt bằng nước nóng. Da mỡ quá thì phải rửa bằng nước mưa trong có pha một thìa café *ammoniaque*. Da khô quá thì lúc đi ngủ, phải bôi một thứ kem nhơn.

xem Tân-Nam-Lịch năm Giáp-thân

Nếu da không ăn phấn, vì tối hôm trước thức khuya, thì trước hết lấy khăn thấm nước nóng già, sau thấm nước lạnh áp lên mặt, da sẽ lại tươi như cũ. Hai thứ nước nóng và lạnh này nên pha một tí eau de Cologne. Lỡ da có bị ngứa, thì phải xát mặt mỗi ngày hai buổi bằng thứ thuốc pha như sau này: Eau distillée, 150 gr. Borate de soude, 10 gr. Ether sulfurique, 10 gr.

Kem.— Trước hết, lấy ít kem xoa tí một, sau miết thật đều, lấy đầu ngón-tay bôi vò nhẹ để kem ăn vào da. Đi đâu về, nên rửa mặt ngay cho thoáng lỗ chân-lông ở mặt.

Lông.— Muốn làm cho mất lông ở mặt, ở tay, chân, ngực thì chớ có cạo mà mất vẻ tự-nhiên. Cứ làm theo cách sau đây vài lần, lông sẽ mờ và rụng đi. Trộn hai thìa xúp carbonate de magnésie với eau oxygénée trộn kỹ và khéo để được một thứ dẻo như bột. Dỗ vài giọt ammoniacque vào đấy và để năm phút rồi hãy dùng. Phải rửa da cho sạch rồi mới lấy chất bột bôi trên san mỏng và đắp lên chỗ muốn sạch lông. Khi bột khô, lấy nước lã rửa sạch, bột sẽ tan hết.

Má hồng.— Đánh má hồng thì nên xoa (thoa) một cách kín-dáo, chớ để lộ như phượng tuồng. Xoa má hồng thắm quá thì mặt có vẻ gầy. Xoa nhạt, mặt hóa trẻ. Xoa về phía gần mũi thì mặt có vẻ thon. Nếu xoa thấp về phía tai thì mặt sẽ tròn. Nếu xoa cao, mặt sẽ dài ra. Mùa nực, nên dùng thứ phấn hồng ngả về vàng. Mùa mát thì hồng ngả về đỏ. Gò-má về phía gần mắt, nên bôi thắm hơn hai bên thái-dương một chút.

Mắt.— Trong việc điểm-trang, con mắt giữ một phần rất quan-trọng, vì người ta có thể chữa những nét thô, nét xấu của khuôn-mặt bằng cách sửa chữa lại đường cong của đôi lông-mày. Muốn nhỏ lông-mày thì bao giờ cũng chỉ nên nhỏ đường dưới gần mắt nhất. Trán thấp thì phải chữa cho hai đường lông-mày ăn thẳng vào nhau, còn đuôi thì kéo xếch dài về hai thái-dương. Nếu lông-mày mọc gần mắt, thì nhỏ tn dưới mắt lên, mi-mắt sẽ cao, hãy đánh phấn trắng hay hờng ở mi-mắt. Nếu lông-mày mọc ở gần trán quá, phải nhỏ từ trên xuống, chớ đừng nhỏ ở phía mi-mắt, hãy đánh thuốc đen hoặc màu nâu ở mi-mắt.

Mời khách ngồi ô-tô thế nào là lịch sự

Mặt.— Nên tập thói quen rửa mặt trước khi đi ngủ, dù đánh phấn hay không cũng vậy (coi mục da).

Môi.— Đừng khi nào đánh son rồi cứ để nguyên trên môi mà đi ngủ. Vậy trước khi lên giường, nên rửa môi bằng nước nóng, rồi rửa lại bằng nước lạnh, đoạn lấy ít beurre de cacao (hoặc beurre dùng để ăn) bôi qua lên môi. Hoặc dùng bông tẩm glycérine đắp lên môi cũng tốt. Môi sẽ đỏ tươi và lỗ có dùng phải son xấu, cũng không sợ thâm môi. Muốn môi được tươi và không sần-sùi, lại có thể bôi bằng những thứ sau này hòa lẫn với nhau: Miel rosant, 200 gr. Cire vierge, 15 gr. Ratanhia, 25 gr. Hoặc đun cách thủy: Huile d'amande, 30gr. Cire vierge, 10 gr. Poudre orcanète, 2 thìa café. Lúc đun, phải khuấy luôn tay. Hoặc giản tiện hơn hết là lấy một múi chanh xát vào môi để khô rồi hãy rửa (coi mục son).

Móng-tay.— Rửa móng-tay, trước hết hãy ngâm tay vào nước xà-phòng đặc hơi ấm-ấm, độ mười phút sau, lau khô rồi bắt-dầu rửa móng-tay, xén những da cang-quanh móng. Nên cắt thông-thả để da khỏi xước (lỡ đứt tay thì lấy rượu rửa rồi bôi teinture d'iode). Đừng nên để móng dài quá, đừng cắt móng nhọn hoắt, cứ giữa theo hình hạt hạnh-nhân là vừa. Rửa kỹ những ghét bụi bám vào móng, rồi bôi thuốc màu hơi sẫm lên móng. Nhớ chừa cái vành trắng hình bán-nguyệt giáp thịt ở cuối móng đừng bôi. Chớ có dùng màu tươi gắt, thành có vẻ đang-diểm ngoa-ngổát. Kể ra thì cứ để móng-tay tự-nhiên đừng bôi thuốc thì hơn.

Mũi.— Nếu mũi đỏ thì pha một thứ thuốc sau này mà rửa:

Lait d'amande, 20 gr. Essence de reine de pré, 4 gr.
Aspirine, 6 gr.

Rửa mũi bằng nước nóng, rồi bằng nước lạnh nhiều lần, lắc thuốc cho đều rồi hãy bôi.

Lợi.— Muốn lợi đỏ thì sáng nào cũng nên rửa miệng bằng nước có pha độ vài milligrammes chất fuchsine.

Nách.— Nếu hôi nách, phải rửa bằng xà-phòng có chất salol, sau rắc poudre de talc salicylée, hoặc lấy lá xương-sống xát vào nách nhiều lần.

xem Tân Nam Lịch năm Tân-tị

Nẻ.— Pha đều eau de rose, 135 gr. Teinture de benjoin, 10 giọt. Glycérine, 50 gr. Nhúng bông vào rồi đem bôi.

Ngực.— Muốn ngực nở, trước hết phải tập thể-thao (lịch năm Tân-tị đã nói rõ). Muốn vú to thêm thì xoa vú mỗi ngày vài lần bằng :

Teinture de naphle, 15 gr. Eau, 1 gr. Eau de fleur de sureau, 125 gr. Eau de pimprenelle, 125 gr. Esprit de vin rectifié 185 gr. Nếu vú mềm thì xoa vú ngày hai buổi bằng vin de sauge.

Phấn.— Phải chọn thứ phấn tốt cho đỡ hại da. Trước hết, đập nhiều phấn lên mặt, lấy khăn-tay lụa mềm mà sẽ chùi cho mặt đỡ bụi, chỉ để lướt phấn mỏng đã ăn miết vào với kem thôi. Màu phấn, phải làm thế nào cho hợp với màu áo mình bận; thí-dụ da mặt tái-xanh thì chớ bận áo màu nhạt như hồng, thiên-thanh, xanh nước biển, bạch-kim, vân vân.... Phải chọn thứ phấn hồng tươi thắm như rose ardent, rose vif, để da hồng hào nổi hẳn lên bên cạnh những màu nhạt kể trên. Cách trang-diểm mỗi buổi trong một ngày, phải khác nhau, ban tối nếu dùng màu thắm quá sẽ thành đen tối, vậy phải dùng màu phấn rose tươi hay naturelle để da thêm sáng. Ban ngày, có thể xoa những màu: rachel, cuivre, ambre và nếu bận những áo màu nâu sẫm, lam, huyền thì phải dùng màu tươi nhạt.

Răng.— Đánh răng bằng muối, xà-phòng Marseille, hay vỏ rừng lược tán nhỏ thành bột. Lịch năm Tân-tị (trang 83), Quí-mùi (trang 99) đã nói kỹ.

Son.— Cần nhất là phải chọn lấy một thứ son nhờn để giữ được lâu. Không nên đánh dày quá khó coi. Đây là cách chọn màu son theo màu da :

Da xanh : Son màu corail, mandarine, capucine.

Da trắng hơn : Son màu hơi thắm : grenat, cerise, velours.

Nếu môi dày, nên bôi trong vãnh môi. Môi mỏng nên bôi ra ngoài vãnh môi. Nếu miệng rộng thì bôi môi hình quả-tim, nghĩa là làm cho môi hẹp ngang và hơi cao. Vãnh môi dưới, bôi đậm hơn vãnh môi trên, miệng sẽ tươi. Nếu đậm ở dưới, hai vãnh môi sẽ nhỏ. Bôi rất nhạt, thì người sẽ có vẻ đứng-dắn.

Theo luật thế, nào gọi là công-chính chứng-thư

Tai.— Phải rửa luôn, vì tai là một bộ-phận bụi bặm nhiều nhất mà ít người chịu săn-sóc đến. Có đeo đồ trang-sức thì nên dùng thứ nhỏ nhỏ mà ngăn. Nếu có dáy-tai phải lấy ra và rửa tai bằng nước eau boriquée nóng, và rỏ vào tai vài giọt glycérine.

Tàn-hương.— Rửa mặt kỹ, lau khô rồi bôi thuốc trong có :

Eau boriquée, 30 gr. Fleur de soufre, 15 gr. Camphre, 1 gr. Glycérine, 10 gr. Alun, 3 gr. Alcool, 10 gr.

Tay.— Muốn tay trắng và mềm-mại thì có thể :

a) giã nhỏ hạnh-nhân trộn với mật - ong rồi đắp lên tay ;
b) pha dầu ăn hay dầu-dừa vào nước hơi ấm-ấm, rồi ngâm tay vào nước ấy một lúc.

c) đem luộc như khoai-tây có vỏ trắng (chọn củ nào nhiều bột), đoạn tán nhỏ, trộn với sữa bò tươi mà bôi lên tay. Để thật khô, rồi mới rửa tay bằng nước nóng. Ngày nào cũng làm như vậy thì tay sẽ trắng và mịn-màng.

Muốn ngón-tay khỏi khô, da tay khỏi giãn, thủynh-thoảng nên vuốt dầu ngón-tay trở lên và day ngón-tay độ vài phút (Coi móng tay). Nếu tay hay ra mồ-hôi thì phải lau nhiều lần trong một ngày bằng một cái khăn đã nhúng vào một thứ nước có pha 70 gr. eau de Cologne, 15 gr. belladone. Còn một cách chữa nữa có công-hiệu hơn, đã nói rõ trong lịch năm Tân-tị (trang 84).

Thê-thao.— Tập theo phương-pháp Thụy-điền. Xem lịch năm Tân-tị (trang 94.)

Tóc.— Cái răng cái tóc là góc con người. Vậy cần phải chăm nom lắm mới được. Sáng dậy, lấy một cái lược chải kỹ tóc, không để sợi nào rối, lấy dầu olive đã đun nóng rồi, rẽ tóc thành nhiều đường ngôi, rồi đem phiết vào da đầu, đoạn bọc tóc bằng một cái khăn ẩm, một lát sau gội bằng một thứ champoing tốt. Cách làm như sau này :

Huile d'olive 50 gr. Alcool 90°, 30gr. Terpeneol, 5 gr. Resorcine, 5 gr. Glycérine, 30 gr. Xà-phòng đen, 50 gr. Xà-phòng trắng cắt nhỏ, 50 gr. Trộn đều lên cho độ nửa lít nước rồi đem hấp cách-thủy.

xem Tân-Nam-Lịch năm Nhâm-ngọ

Lâu mới phải gội như trên, còn ngày thường muốn sạch gầu thì cứ gội bằng bồ-đồ, chanh, rễ hương-bài là được rồi. Với những người tóc hay rụng hoặc hay khô, biến màu thì phải nuôi tóc bằng cách súc dầu làm bằng ba thứ sau đây, trộn kỹ với nhau : Teinture d'ambre 50 gr. Essence de citron 25 gr. Huile de Ben 50 gr.

Cách làm tóc mượt đã rồi ở lịch năm Quý-mùi (trang 99), cách trừ gầu ở lịch năm Tân-tị (trang 82), cách trừ chốc ở lịch năm Nhâm-ngọ (trang 62).

Muốn chải tóc, uốn tóc, phải tùy theo khuôn mặt tròn, dài hay bầu-dục. Tóc chải cho vài vòng xoắn xuống thái-dương, mặt sẽ trẻ tươi. Tóc chải lật mặt thì sẽ có vẻ dài, sáng-sủa, trán cao. Tóc kéo xòa xuống tai, xuống trán, mặt sẽ dịu dàng và kín đáo.

Trứng-cá.— Người hay có trứng-cá là tại ruột xấu. Thủynh thoảng nên uống thuốc tẩy. Nên ăn hoa-quả rau, chuối, khoai. Bớt ăn thịt, đồ-bộp, bánh. Uống rượu và ăn đồ gia-vị như ớt, hạt-tiêu, gừng.

1/ — Lấy rau cải-xoong (cresson) đem rửa, giã ra nước. Lấy chừng một chén con hòa với một chén mật - ong loãng đem bôi lên mặt, mỗi ngày vài lượt. Mỗi lần, phải lau kỹ mặt rồi hãy bôi 2/ — Mài một quả đào vào nước mưa rồi bôi. 3/ — Trước khi đi ngủ rửa kỹ mặt rồi bôi thuốc trong có :

Huile de cade 15 gr. Acétone, 100 gr. Soufre précipité, 20 gr. Alcool 90°, 100 gr.

Bếp nước

Cách làm bouillon.— Lấy độ một kilo thịt bò, ba lít nước bỏ rồi đun sôi, thấy nước nổi bọt thì bớt ngay cho hết, vì dễ nước sôi quá, bọt tan ra mất. Đem nước ấy lọc kỹ và thịt rửa lại cho sạch. Rồi lại bỏ vào nồi đun lần nữa, bảy giờ mới thêm những thứ sau này : cà-rốt, 100 grammes ; tỏi tây (poireaux), 100 grammes ; cải củ 100 hay 150 grammes ; su-hào, vài củ ; cần tây 50 grammes. Lấy một củ hành tây nướng cho vàng rồi bỏ vào nồi đây vung kín đun nhỏ lửa độ tám giờ đồng-hồ. Bảy giờ lại đem lọc lần nữa cho sạch bọt và bỏ muối cho vừa ăn, rồi muốn chế ra thứ xáp gì thì

Mua phải của ăn cấp eo thổ phải tội thế nào.

chế. Pouillon có trắng quá thì thêm một ít viandox hoặc nước đường đun cháy.

Cách nấu bouillabaisse.— Đủ mười người ăn thì lấy chừng một kilo cá, 2 kilo hến, ngao, nửa kilo tôm, giăm con cua-bê đem rửa sạch, ướp tiêu muối cho vừa, ngao để riêng. Lấy giăm củ hành tây bỏ tư xào một nửa dầu, một nửa bơ cho vàng. Rồi lấy các thứ lế-ghim, cà-chua thái khoanh xào độ ba phút thì cho hến vào. Hến mở miệng thì bỏ độ hai lít nước sôi vào, rồi cho cua, cá, tôm đun độ 20 phút thì cho 10 grammes nghệ. Bỏ tiêu muối cho vừa, rồi lọc riêng. Lúc ăn, bỏ bánh-mì thái mỏng sấy giòn bỏ vào chậu xúp. Còn các thứ cá, cua, tôm thì để vào đĩa dài dọn ăn.

Kim-tiền-kê.— Lấy thịt gà lột xương bỏ đi, cắt tròn bằng đồng bạc một, đem ướp tiêu muối, hành, sả ; lấy mỡ luộc qua cũng cắt hình tròn như thịt gà, ướp tiêu, muối, rồi lấy một cái đĩa tre dài, một đầu nhọn, xâu thịt vào mỡ, cứ một miếng thịt lại một miếng mỡ, đem nướng trên than hồng như nướng chả. Khi ăn, chấm với muối, tiêu vắt chanh và ăn lẫn rau sống.

Thuốc trừ chuột

Một nước nhiều chuột như xứ ta mà thuốc trừ chuột trong dân-gian không thấy bán mấy cũng lạ thật ! Ở các thành-phố lớn, tuy cũng có nơi chế ra bán, nhưng còn ít lắm. Vậy bản-xã xin mách giúp bà con mấy vị sư này, xét ra đã có hiệu-nghiệm chẳng những là trừ chuột mà còn trừ được cả giồng gián nữa.

Trước hết, nên dặn rằng thuốc này có chất phosphore là vị độc, vậy phải cẩn-thận đừng để trẻ-con và những giồng gia-súc lại gần. Thuốc ấy pha như sau này :

Phosphore (dân), 10 grammes — Nước sôi 200 grammes — Bột, 200 grammes — Mỡ bò nước, 200 grammes — Dầu-lạc, 100 grammes — Đường vụn, 125 grammes — Phẩm xanh, nhiều ít tùy tiện.

Nước sôi với lân-chất đổ vào một cái lon đất. Lân sẽ tan ra nước, rồi bỏ ngay bột vào, nhưng bỏ dần mà khuấy cho đều bằng một cái que.

Khi thấy bột với nước gần lạnh, hãy đổ mỡ-bò và dầu-lạc vào, rồi đến đường, sau cùng mới hòa phẩm xanh. Bấy nhiêu thứ khuấy luôn cho đều, đến khi lạnh mới thôi. Nếu chất lân

xem Tân-Nam-Lịch năm Quý-mùi

hòa được đều thì thuốc trừ chuột này giữ được lâu lắm. Phải đựng nó vào một cái lọ, ngoài dán lá-nhãn đề chữ “thuốc độc” và cất kín một chỗ để trẻ-con đừng rờ đến.

Muốn dùng để bẫy chuột thì phải phiết thuốc lên những miếng bánh, miếng khoai thái nhỏ, tối đến để vào những chỗ lấm chuột, nhưng xa chỗ trẻ-con chơi.

Bẫy gián thì lấy những mảnh giấy con thấm vào thuốc ấy, mà tối đến cũng để vào những chỗ lấm gián; sáng hôm sau phải đốt ngay để trẻ-con đừng lấy chơi. Chuột với gián ăn thuốc ấy ngon lắm, chẳng bao lâu sẽ trừ được hết.

Thuốc này sở dĩ phải pha với phẩm xanh là để khỏi lẫn với đồ ăn.

CÁC NGÀI ĐỌC TÂN-NAM-LỊCH TỪ KHI
SÁNG-LẬP, ĐÃ RÕ LÀ CÓ ÍCH CHO QUỐC-DÂN,
VẬY XIN MÁCH GIÚP BÀ CON CÙNG BIẾT.

GENTRE MÉDICAL DE HANOI

NHÀ THƯỜNG NGÕ TRAM

167, Boulevard Henri d'Orléans — Tél. 772

CỦA BÁC-SĨ PHẠM-HỮU-CHƯƠNG



THĂM BỆNH VÀ
NHẬN NGƯỜI ĐAU
ĐẾN CHỮA TẠI
NHÀ THƯỜNG

Có máy chiếu điện và chữa bằng điện
Những phòng cho bệnh nhân nằm rất lịch-sự

Cách xin tạm tha thế nào

BIỂU KÊ CÁC NGÀY LỄ NGÀY HỘI TÂY NAM về năm 1945

Các ngày đại lễ của Nam triều

- Lễ Từ-Khương (sinh-nhật Hoàng-Thái-Hậu) : mồng 7 tháng giêng ta (19-2-45).
 Lễ Văn-Định (ngày Đại hôn) : mồng 10 tháng hai ta (23-3-45).
 Lễ Hưng-Quốc khánh-niệm (ngày kỷ-niệm đức Gia-long lên ngôi) mồng 2 tháng năm ta (11-6-45).
 Lễ Vạn-Thọ (sinh-nhật Đức Kim Thượng) 23 tháng 9 ta (28-10-1944).
 Lễ Trường-Hy (sinh-nhật Hoàng-Hậu) 17 tháng 10 ta (21-11-45).
 Lễ Thiên-Xuân (sinh-nhật Đông-cung Bảo-Long) mồng 10 tháng 12 ta (12-1-46).

Các ngày lễ Tây

	Ngày Tây	Ngày ta
Tết nguyên-đán Tây	1er Janvier.	18 tháng 11
Pâques	1er Avril	19 — 2
Ngày hội Lao-công	1er Mai.	20 — 3
Ngày lễ Jeanne d'Arc	13 Mai	2 — 4
Ascension	10 Mai	29 — 3
Pentecôte	20 Mai	9 — 4
Lễ Dân-quốc kỷ-niệm	14 Juillet.	6 — 6
Assomption	15 Août	8 — 7
Toussaint	1er Novembre.	27 — 9
Noël (Thiên-Chúa giáng-sinh)	25 Décembre.	21 — 11

Các ngày tết ta

	Ngày ta	Ngày Tây
Tết Ông Táo	23 tháng chạp	25-1-46
Tết Nguyên-đán	mồng 1 tháng giêng	13-2-45
Tết mồng ba tháng ba	— 3 — 3	14-4-45
Tết Đoan-ngũ	— 5 — 5	14-6-45
Tết Trung-nguyên	rằm — 7	22-8-45
Tết Trung-thu	rằm — 8	29-9-45

xem Tân-Nam-Lịch năm Nhâm-ngọ và Giáp-thân

CÁC NGÀY HỘI CỦA TA

Ngày ta	THÁNG GIÊNG	Ngày tây
1 đến 14, Hội châu Thường-xuân (Thanh-hóa).	13 đến	26-2-1945
1 đến 14, Hội châu Ngọc-lạc (Thanh-hóa).	13 đến	26-2-1945
5 Giỗ trận chùa Đồng-quang (Thái-hà-ấp)		17-2-1945
6 Hội đèn Sóc làng Xuân-tảo (Hà-đông).		18-2-1945
7 Hội đèn Sĩ-vương (phủ Thuận-thành, Bắc-ninh).		19-2-1945
8 Hội chợ Thánh (Phủ-giấy Nam-định)		20-2-1945
9 Hội chùa vua Đế-thích làng Bạch-mai (Hà-nội)		21-2-1945
10 Hội Kỳ-sâm (Cao-bằng)		22-2-1945
12 Hội làng Phù-ung (Ấu-thị Hưng-yên)		24-2-1945
13 Hội làng Lim (Bắc-ninh).		25-2-1945
13 Hội chùa Kinh-chủ làng Dương-nham (Hải-dương).		25-2-1945
13 Hội làng Hiền-quan (Tam-nông Phủ-thọ)		25-2-1945
15 Hội đèn Và (Sơn-tây)		27-2-1945
16 Hội các dân Thổ ở Đồng-mỏ (Lạng-sơn)		28-2-1945
24 Hội Đốt pháo ở Kỳ-lừa (Lạng-sơn)		8-3-1945

THÁNG HAI

5 Hội đèn hai Bà Trưng (làng Đồng-nhân, Hanoi)	18-3-1945
6 Hội đèn Lộ (Thanh-trì Hà-đông).	19-3-1945
10 Hội múa Xuân-phả (phủ Thọ-xuân Thanh-hóa)	23-3-1945
11 Hội đèn Voi-phục (Cầu-giấy, Hanoi).	24-3-1945
15 đến 25, Hội đèn Sông (phủ Hà-trung Thanh-hóa)	28-3 đến 7-4-1945
18 Hội chùa Bà Bầu (Thanh-liêm Hà-nam).	31-3-1945
22 đến 24, Hội đèn bà Triệu-Ấu.	4 đến 6-4-1945
25 Hội đèn Tuần-tranh (Ninh-giang Hải-dương)	7-4-1945
26 Hội đèn Sùng-sơn (Thanh-hóa).	8-4-1945
26 tháng 2 đến mồng 2 tháng ba: Hội đèn Phố-cát (Thanh-hóa)	8 đến 13-4-1945
28 Hội chùa Hương-tích ở Mỹ-dức (Hà-đông)	10-4-1945

THÁNG BA

4 Hội động Thiên-tôn làng Đa-gia (Ninh-bình)	15-4-1945
7 Hội Làng (Hà-đông)	18-4-1945
7 Hội kéo chữ Phủ-giấy (Nam-định)	18-4-1945
7 Hội chùa Thầy (Quốc-oi, Sơn-tây)	18-4-1945
9 Hội bơi làng Đám (Tây-tựu Hà-đông)	20-4-1945
10 Hội đèn Hùng-vương Phủ-thọ	21-4-1945
10 Hội Đồng-phủ, huyện Mỹ-lộc (Nam-định).	21-4-1945

Cách gọi mồng-đà, lịnh mồng-đà, xem Tân-Nam-Lịch năm Quý-mùi

THÁNG TƯ

- 8 Hội Gióng (làng Phú-dổng Bắc-ninh) 19-5-1945
10 Hội Bàn-yên-nhân (Hưng-yên) 21-5-1945

THÁNG-NĂM

- 2 Lễ Hưng-quốc khánh-niệm 11-6-1945
15 Hội Trèm (Hà-dông) 24-6-1945

THÁNG-SÁU

- 5 đến 15. Hội đèn Hàng, huyện Hậu-lộc (Thanh-hóa) 13 đến 23-7-1945

THÁNG-BẢY

Hội đèn Hòn-chén; huyện Hưng-thủy tỉnh Thừa-thiên :
trung tuần tháng bảy

- 22 Giỗ đức Lê-Lợi 29-8-1945

THÁNG-TÁM

- 10 Hội Chọi trâu (Đỗ-sơn) 15-9-1945
10 Lễ kỷ-niệm ông Nguyễn-Du (Khai-trí-tiến-dức) 15-9-1945
12 Hội đèn Gềnh (Bắc-ninh) 17-9-1945
13 Hội đèn Phú-ứng (Hưng-yên) 18-9-1945
13 Hội chùa Keo (huyện Vũ-tiên Thái-bình) 18-9-1945
20 Hội đèn Kiếp-bạc (Hải-dương) 25-9-1945
20 Hội đèn Bảo-lộc (Nam-định) 25-9-1944
27 Giỗ đức Khổng-Tử 2-10-1945

THÁNG-MƯỜI

- 30 Hội đèn Thanh-lâm (Thanh-hóa) 4-11-1945

NGUYEN - VAN - DU

MÉDECIN CIVIL



10, Rue Frères Louis - Saigon

TRỊ ĐỦ CÁC CHỨNG BỆNH

GIỜ KHÁM BỆNH

mai : 3 giờ đến 12 giờ

chiều : 3 giờ đến 6 giờ

Cách chữa râm má và tàn hương, xem Tân-Nam-Lịch năm Tân-tí

DƯƠNG LỊCH 1945		ÂM LỊCH Năm Giáp-Thân	
THÁNG	NGÀY	THÁNG	NGÀY
Janvier	6	Một	23
"	20	Chạp	7
Février	3	"	21
"		Năm Ất-Dậu	
"	17	Giêng	5
Mars	3	"	19
"	16	Hai	3
"	30	"	17
Avril	11	"	29
"	24	Ba	13
Mai	8	"	27
"	22	Tư	11
Juin	5	"	25
"	18	Năm	9
Juillet	2	"	23
"	15	Sáu	7
"	29	"	21
Août	12	Bảy	5
"	26	"	19
Septembre	8	Tám	3
"	22	"	17
Octobre	4	"	29
"	18	Chín	13
Novembre	1	"	27
"	15	Mười	11
"	29	"	25
Décembre	13	Một	9
"	27	"	23

Những ngày nước chết trong năm 1945 nghĩa là mực-nước các sông ngòi xuống một độ thấp nhất và nước thủy-triều không dâng, giáng mạnh như mọi ngày.

Janvier : 7, 8, 9, 10, 11, 21, 22, 23, 24, 25, 26

Février : 4, 5, 6, 7, 8, 9, 18, 19, 20, 21, 22, 23

Mars : 4, 5, 6, 7, 8, 9, 17, 18, 19, 20, 21, 31

Avril : 1, 2, 3, 4, 12, 13, 14, 15, 16, 25, 26, 27, 28, 29

Mai : 9, 10, 11, 12, 23, 24, 25, 26

Juin : 6, 7, 8, 9, 19, 20, 21, 2,

Juillet : 3, 4, 5, 6, 16, 17, 18, 19, 30, 31

Août : 1, 2, 13, 14, 15, 16, 27, 28, 29, 30

Septembre : 9, 10, 11, 12, 23, 24, 25, 26

Octobre : 5, 6, 7, 8, 19, 20, 21, 22

Novembre : 2, 3, 4, 5, 6, 16, 17, 18, 19, 20, 30

Décembre : 1, 2, 3, 4, 14, 15, 16, 17, 18, 28, 29, 30, 31.

LỊCH - TÂN - NAM

Những bài đã đăng trong các năm trước :

Năm Tân-Tị

Pháp-luật thường-thức — Tư-pháp bổ-trợ. — Cách xin thế nào. — Những điều người ta thường làm trong việc Nam án — Kháng án và kháng cáo khác nhau thế nào. — Việc thi-hành án. — Thủ-tiêu nguyên-án. — Tái

Làm thế nào bánh cao-su được bền gai,

thăm. — Tiếu-án và thu-hồi nguyên án. — Việc sinh-lử, giá-thủ ở ba kỳ khác nhau thế nào. — Thẻ căn-cước. — Cách dùng tin-chỉ và tem — Lễ trước bạ.

Xã giao. — Mời khách ngồi ô-tô thế nào. — Y-phục Âu-tây. — Bắt tay. — Danh-thiếp.

Thuốc — Những bài thuốc kinh-nghiệm.

— Trang phụ-nữ. — Cách giữ gìn thân-thể. — Sắc đẹp.

— Thể-thao của phụ-nữ. — Luật đi đường. — Vệ-sinh. — Thú-y

Bệnh truyền-nhiễm các gia-súc. — Việc giết thịt và khám thịt. — Việc chăn nuôi loài vật. — Cách thiến súc-vật.

Thăng-cảnh — Những nơi thăng-cảnh ở Đông-dương, vân-vân.

Năm Nhâm-Ngọ

Lịch — Cách tìm ngày, tháng, năm dương-lịch ra âm-lịch và âm-lịch ra dương-lịch.

Cân đo lường — Phép cân, đo, lường ta đối chiếu với phép cân, đo, lường tây.

Thuế thân — Biểu kê giá-ngạch thuế thân An-nam tại Bắc-kỳ.

— Xã giao. — Cách đề danh-thiếp mời ăn. — Cách đề giấy báo tin hiếu hỉ, giấy tạ ơn. — Phần biếu.

Xe lửa — Những việc giao-dịch với các nhà ga xe-lửa: Vé hành-khách. — Đánh giầy-thép trên xe-lửa thế nào. — Hành lý lỡ quên trên xe-lửa, phải làm thế nào. — Cách thức gửi hàng-hóa.

Lời chỉ-bảo của docteur. — Các bệnh nào chữa lấy được, bệnh nào phải mời thầy-thuốc ngay.

Phòng-thủ thụ-động — Mấy cách phòng-thủ thụ-động về không chiến. — Hướng-đạo.

Luật thường thức về thương-chính. — Hiên-lực của tờ biên-bản do các viên-chức thương-chính làm. — Những giờ nào thương-chính được phép khám nhà. — Số tiền phạt. — Thế nào là một tội thành ba. — Những trường-hợp nào bị phạt. — Những điều nên tránh. — Tại sao điều-dinh với thương-chính có lợi hơn là theo kiện.

Nhi đồng. — Cái chai biết tắt lửa. — Quỷ biết động-dậy. — Tự làm lấy phong-vũ biểu — Chụp hình bằng nển. — Nhảy dù. — Bóng đèn có ma. — Mấy trò quỷ-thuật.

— Nông vi bản. — Cách trồng khoai-tây. — Cách dùng bèo hoa dâu.

— Phép chọn trâu cày. — Những cách lừa dối của lái trâu.

— Thường-thức. — Cách thử trứng tốt xấu. — Cách rửa các đồ dùng trong nhà. — Cách thử nấm, thử mật-ong, vân vân,

xem Tân-Nam-Lịch năm Quý-mùi

Pháp-luật thường-thức. — Theo nghĩa pháp-luật thế nào là công-chính chứng-thư, là tư-thư chứng thư. — Lỗi làm các chứng-thư thế nào. — Quyền hạn của lý-trưởng hay phó-trưởng trong việc làm chứng-thư thế nào. — Chứng-thư phải làm bằng chữ gì? Trong thời-kỳ đại tang, con cái có thể kết hôn được không? — Chúc-thư phải lập theo cách nào mới hợp lệ? Nếu không có chúc-thư thì ai được hưởng di-sản? Quyền của người vợ góa thế nào? — Địa vị của người đàn-bà có chồng đối với pháp-luật thế nào? Nói về sự vô tư-cách của người đàn-bà có chồng. Những việc gì không do chồng cho phép thì đàn-bà không được tự ý làm?

Tại làm sao mảnh vế xe-lửa lượt về, đem cho hay bán cho người khác lại phải phạt? — Cách xin phục-quyền thế nào? — Thế nào là án treo? — Tại ngoại hậu cứu. — Việc xin tạm tha.

Năm Quí-Mùi

Pháp-luật thường-thức. — Tiền doanh điền. — Những miễn nào được xin khân đất hoang. — Những người nào được xin khân đất. — Thế lệ xin khân thế nào. — Mẫu đơn xin khân đất. — Nói về tội oa-tang. — Thế nào mới thành phạm tội tông-phạm về oa-tang? — Mấy đạo án vì tội tông-phạm oa-tang. — Luật thuê nhà (nguyên đạo sắc-lệnh ngày 13 Mai 1942 về luật thuê nhà tại Đông-Dương): Định giá tiền thuê. — Quyền gia hạn. — Quyền lấy lại nhà. — Thủ tục. — Lệ khai sinh tử, giá thú của nhân dân tại những làng Hà-dông mới sáp nhập vào địa phận thành phố Hanoi. — Lệ đăng tin-chỉ và trước bạ sửa đổi lại. — Thuế đăng-bạ điền thổ.

Cách giao-dịch với sở bưu-điện. — Gửi thư. — Gửi danh-thiếp. — Điện báo. — Bưu-diện.

Lời chỉ bảo của Docteur. — Cách phòng và cách chữa mấy chứng bệnh của trẻ-con. — Mấy cách chữa ghẻ.

Trang phụ nữ. — Bếp nước. — Vá may. — Bận gái làm thế nào được trẻ lâu. — Cách lau chùi trong nhà. — Đánh đồ gỗ, đồ ngà, đồ bạc, đồ đồng, vân vân.

Khoa-học. — Các giống người trên hoàn-cầu. — Phép nuôi gà ta, gà tây Xả-giao. — Bồn phạn khách đi thăm. — Đồ mừng, đồ phúng,

Năm Giáp-Thân

Pháp luật thường-thức. — Luật hóa giá tại Đông-dương. — Thế nào là trừng-phạt về đường hành-chính, trừng-phạt về đường pháp-luật. — Cách điều-dinh để tránh sự trừng-phạt. — Luật thuê nhà. — Thế-lệ xin phép mua súng săn và súng-lục. — Dân-luật. — Nói về đoạn-mại, diếm-mại, cầm-cổ và để đương. Mãn làm văn tự. — Hình-luật. — Nói về tạm-tha. Mãn làm đơn xin tạm tha.

Tục 50 đôi tuổi trong việc giá thú, xem Tân-Nam-Lịch năm Giáp-thân

Y-học thương-thực. — Cách đề-phòng và điều-trị các chứng ho, bệnh sưng phổi trẻ-con. -- Lịch xem ngày tháng chữa đẽ. — Cách đề-phòng các bệnh hoa-liêu: bệnh lậu, bệnh hạ-cam, bệnh giang-mai.

Điền-viên — Cách chữa phân bón đất. — Cách nuôi vịt có lợi. — Cách chữa bệnh gà con, gian-sản của chó. — Cách thả cá.

Trang Nhi-Đồng. — Các chuyện hài-hước — Mấy cái tính giới-tri.

Gia-chính. — Cách giữ da cho trắng — Cách nhuộm tóc — Làm lấy nước đánh răng. — Bếp nước. — Thế nào là cá tươi. Cách đánh nước sauce, làm lấy nước chanh, rượu curacao. — Cách thủ' rượu vàng, thủ' trứng, cách rang cà-phê, để đánh khoai tây. — Những điều kinh-nghiệm, điếm-lãnh, điếm-dữ của người Âu-tây.

Khoa-học với các kỳ tích. — Chuyện lạ trong thế-giới. Xã-giao. — Các enóc yển liệc. — Bồn-phận chu đối với khách. — Giới thiệu. — Buồng đẽ mũ áo của khách — Cách bày bàn hay bày mâm. — Thái-dơn. Đặt chỗ ngồi. — Người hầu hay là bồi bàn. — Đồ nước. — Bồn phận khách đối với chủ. — Trả lời khi nhận được thiệp mời. Cách mặc quần áo tây, áo ta, Cách lấy đồ ăn, cách uống rượu. Cách dùng khăn ăn — Cách xỉa răng. Cũ-chỉ trong khi ngồi ăn.

Thường-thực. Cách chữa đong. — Cách chữa tóc rụng, trừ chấy, rận, rệp, trừ sâu bọ cho những giống gia-súc, vãn vãn.

Lược-khảo mấy nơi đền chùa cổ Hanoi.

Ai cũng nên đọc :

Phòng-thủ Thụ-động về không-chiến

Manuel élémentaire de Défense Passive
contre les attaques aériennes

của ông **Phạm-Huy-LỤC** soạn
cùng với ông **Albert COURTOUX**
dùng cho các trường tiểu học Tây Nam
35 bức tranh vẽ

Bản chữ tây hay bản quốc-ngữ
Giá bán mỗi quyển: **0\$50**

Hỏi các hàng sách và tại Imprimerie de Hanoi
(Nhà in **PHẠM-HUY-DỊNH**) — 85, phố hàng Bông Hanoi

Lối đề danh thiệp mời ăn, xem Tân Nam-lịch năm Nhâm-Ngo

Những việc giao-dịch với sở Bưu-điện

Giá-tiền gửi thư-từ, danh-thiếp, mandat, điện-tin, v.v. có lệ mới đổi lại như sau này kể từ ngày 16 octobre 1944 trở đi :

Thư-từ, gói dán kín, giấy việc buôn-bán :

Từ 0 đến 20 grammes : 15 xu. Quá 20 grammes, giá vẫn như cũ.

Carte postale thường : 12 xu. Carte postale mặt sau có tranh-ảnh, mặt trước chỉ viết ngày tháng tên ký, địa-chỉ người gửi và 5 chữ trở lại : 6 xu. Còn ngoại ra, phải dán tem 12 xu.

Danh-thiếp : ngoài tỉnh-danh và địa-chỉ ra, không viết một chữ gì : 5 xu. Viết 5 chữ trở lại, như chúc tụng, chia buồn, v.v. : 6 xu. Còn ngoại ra thì phải trả như thư thường : 15 xu.

Điện-tin : mỗi chữ 0\$20 và ít nhất cũng phải trả 2 đồng. Điện-tin lấy giấy biên-lai, phải trả thêm 10 xu nữa. Nộp tiền trước cho người nhận điện-tin trả-lời mình, phải trả thêm 2 đồng, nghĩa là ít nhất phải trả 4 đồng một bức.

Mandat điện-phiếu (mandat télégraphique) : không kể tiền cước ngân-phiếu, tiền điện-phiếu như sau này :

a) ngân-phiếu không quá 1000 đồng, mỗi chữ	0\$20
b) quá 1000\$ đến 5000 đồng,	0.50
c) quá 5000. đến 10000 đồng,	0.75
d) quá 10000.	1.00

Nếu muốn thông tin gì nữa cho người nhận, kèm vào cái mandat thì phải trả thêm mỗi chữ 0\$20.

Bưu-kiện : Giá tiền gửi bưu-kiện (colis postaux) như sau này :

Trọng-lượng	3 kgs	5 kgs	10 kgs	15 kgs	20 kgs
Trong một khu-vực	0p60	1p00	1p80	2p80	3p60

Khu-vực giáp-giới (Bắc với Trung, Trung với Nam) { 1p20 2p00 3p60 5p60 7p20

Khu vực xa (Bắc với Nam) { 2p00 3p40 6p00 9p20 12p00

Những bưu-kiện gửi đi nơi nào vì sự vận-tải khó-khăn, phải trả thêm như sau này :

	3 kgs	5 kgs	10 kgs
Những đường vận-tải tổn lắm	3p80	6p00	12p00
Những đường vận-tải tổn vừa	1p40	2p20	4p20

Kháng án và kháng cáo thế nào, xem Tân-Nam-Lịch năm Tân-tị

Lịch con - nước

(Vi lúc lên khuôn chữ thợ đặt lằm, mà trang này hóa để vào đây, đáng lẽ phải đặt trên trang 118 mới phải. Vậy nay cải-chỉnh)

Biết mực-nước lên xuống là vấn - đề rất quan - hệ cho việc luân-chuyển các thuyền bè ở các sông ngòi, mà nhất là xứ ta. Ít lâu nay lối giao - thông về đường thủy thốt-nhiên lại chiếm một địa-vị khá cao, thì sự thông hiểu mực-nước lại càng phải biết tường-tận.

Bộ biên-tập Tân-Nam-Lịch năm nay xin hiến các độc - giả một biểu kê các ngày con-nước trong năm Ất-Dậu, có ngày tây, ngày ta đối chiếu. Theo âm-lịch mỗi năm có 26 ngày con nước.

Ta gọi một con-nước là một khoảng thời - gian thường là 12 hay 14 ngày, nước ở mực thấp nhất dần dần lên, lên đến tột bậc rồi lại bắt đầu xuống, xuống đến mực thấp nhất. Với nhà hàng-hải, chỉ ngày nào nước đầy, nghĩa là mực nước lên thì sự đi lại mới dễ dàng và trái lại, ngày nào nước chết, nghĩa là mực nước xuống, hoặc đứng thì thuyền tàu đi lại khó khăn; nếu không biết tính ngày con-nước, gặp c ổ nông thì có khi va vào ghe nhà đá hoặc mắc cạn ở bãi cát.

Có nhiều người vì dị-đoan cho rằng xuất hành ngày con nước thì gặp nhiều sự không may, cho nên phải tránh ngày con nước (ngày con nước đây là ngày thứ nhất của con nước) tục gọi là nước một con. Bởi vậy ta đã có câu:

Dù ai buôn bán trăm nghề.

Đi ngày con nước trở về tay không

Việc soạn Tân-Nam-Lịch năm Bính-Tuất (1946)

Về việc soạn các mục Tân-Nam-Lịch năm Bính-Tuất (1946), các ngài yêu-cầu đăng những bài gì, xin cho biết từ tháng sáu trở lại, đừng đợi gần hết năm mới tỏ ý thì soạn bài không kịp.

Tân-Nam xã cần bạch

Muốn học nhảy dù, xem Tân-Nam-Lịch năm Nhâm-ngọ.

LÀ NHỮNG GÌ ?

Danh-từ nghĩa số tiểu-ký

Trong tiếng Việt-Nam ta có nhiều tiếng rất thông-dụng gốc ở chữ Hán. Vì thông-dụng, cho nên dân-bà, con-trẻ ai cũng nói đến, nhiều khi chỉ quen miệng quen tai, phỏng đoán phỏng dùng mà không biết rõ đích nghĩa hoặc hiểu rõ diễn-tích. Nay theo ý một bạn đọc ở Bắc-ninh, bản-xã soạn ra mục này, kể ra những tiếng thuộc loại như nói trên thì nhiều lắm, phải làm thành một quyển tự-vị mấy trăm trang cũng chưa chắc đủ đủ. Nay xin chọn lọc những tiếng thật cần đem thích nghĩa qua, chỉ những tiếng có chữ số-mục từ nhất (一) đến thập (十) cho tiện, đặt lên là Danh-từ nghĩa số tiểu-ký, nghĩa là chép qua những tiếng nói có chữ số-mục mà đem cắt nghĩa. Xin thũc-giả lượng cho.

Nhất

Nhất-diện. Một mặt. *Thí-dụ :* nhất diện giảng-hòa, nhất diện dự-bị đánh báo-thù.

Nhất-dân. Một mai. *Thí-dụ :* nhất dân trở nên giàu.

Nhất-khải. Một mực. *Thí-dụ :* nhất khai không chịu lui.

Nhất-luật. Một loạt. *Thí-dụ :* nhất luật phải ra lính.

Nhất-niệm. Một lòng thành kính. *T. đ. :* nhất niệm khần-cần.

Nhất-sinh. Suốt đời. *Thí-dụ :* nhất sinh không làm điều ác.

Nhất-tâm. Một lòng, đồng lòng. *Thí-dụ :* trên dưới nhất tâm.

Nhất-thống. Năm cả các quyền. *Thí-dụ :* nhất thống trong làng.

Nhất-phẩm. Hàm quan về phẩm thứ nhất.

Nhị

Nhị-hi. Lễ lại mặt sau ngày cưới.

Nhị-tâm. Hai lòng. *Thí-dụ :* người ăn ở nhị tâm.

Nhị-thần. Hai đấng thần : bố-mẹ.

Nhị-thập-bát-tử. Hai-mươi-tám ngôi sao chính trên vòng trời. Theo thiên-văn-học của Tán, mỗi phương 7 ngôi. Đông : giốc, kháng, chi, phòng, lâm, vĩ, cơ ; bắc : dậu, ngưu, nữ, hư, nguy, thất, bích ; tây : khê, lân, vị, mao, lất, chủy, sâm ; nam : tnh, quĩ, liễu, tnh, trưong, dục, chần.

Nhị-thập-tứ-hiếu. Chuyen 24 người con hiếu-thảo ở Tàu : vua Thuấn, Hán-văn-Đế, Tảng-Sám, Mẫn-Tổn, Trọng-Đo, Đồng-Vĩnh, Diêm-Tử, Giang-Cách, Lục-Tích, Đường-phu-nhân, Ngô-Mãnh, Vương-Tương, Quách-Cự, Dương-Hương, Chu-Thọ-Xương, Diêu-Kiểm-Lâu, Lão-Lai-Tử Thái-Thuận, Hoàng-Hương, Khương-Thi, Vương-Biêu, Đình-Lan, Mạnh-Tôn, Hoàng Đình-Kiến.

Muốn rõ lộ tái-thăm, xem Tân-Nam-Lịch năm Tân-tị.

Tam

Tam-bản. Thư thuyền nhỏ đóng bằng gỗ. Chữ sampan của người Pháp là dịch theo âm Tàu chữ này ra.

Tam bành. Ba vị hung-thần ở trong người : Bành-chất, Bành-kiêu, Bành-cư, một ở óc, một ở trán, một ở bụng. Thường dùng để nói tính hung-tợn của người dân-hà : nổi trận tam-bành.

Tam-bảo. Ba của báu (tiếng nhà Phật) là : Phật-bảo, Pháp-bảo, Tăng-bảo.

Tam bắt hủ. Ba việc còn mãi mãi : 1. lập đức, là ăn ở có đức làm gương cho mọi người ; 2. lập ngôn, là làm sách vở có giá-trị (nghĩa là không phải viết một cuốn tiểu-thuyết tình thế phóng-sự mà gọi là lập ngôn) ; 3. lập công, là làm nên các công việc to-lớn, ví như Trần Hưng-Đạo, Lê Thái-Tổ, vân vân, có công với nước ai cũng biết.

Tam bắt xuất hay là tam bắt khứ. Ba điều không bỏ. Theo luật cổ, đàn ông đối với vợ có ba điều không được bỏ hay đuổi đi : 1—khi lấy về có cớ xin tử-lẽ, mà bảy giờ bỏ đi, bỏ mẹ anh em nhà vợ chết cả, không còn chỗ nương thân ; 2—người vợ đã cùng mình đẻ tang bố mẹ ba năm ; 3—khi lấy nhau còn bần tiện, về sau trở nên phú quý.

Tam công. Ba vị quan to nhất trong Triều đời xưa ở Tàu, ta cũng có bắt trước : thái sư, thái phó, thái bảo.

Tam-cương. Ba giường-mối trong đạo làm người : quân-thần (vua tôi), phụ-tử (cha con) phu-phụ (vợ chồng).

Tam-da. Ba điều lành mà người ta chúc cho nhau được nhiều ; nhiều phúc, nhiều thọ, nhiều con trai. — Bức tranh vẽ biểu-hiệu ba điều ấy : tranh tam-da, tượng tam-da.

Tam-dại. Ba đời : đời mình, cha mình và ông mình. Người ta thường dùng để nói các đồ-vật đã lâu đời mà thô xấu.

Tam - diêm. Tên một hội bí-mật của Tàu về đời nhà Thanh, do Hồng-Tú-Toàn đặt ra, giáo-thuyết lấy Thượng-đế làm thiên-phụ, Cơ-đốc (J. Christ) làm thiên-huynh, còn Tá Toàn làm thiên-đệ. Có một hội bí-mật (franc-maçonnerie) nguyên ở Âu-châu lấy ba dấu chấm làm chỉ hiệu, nên gần đây người ta nhầm coi tên có dấu mà gọi tên.

Tam-độc. Ba điều xấu nên tránh trong thuyết nhà Phật : tham độc, sân độc, si độc, (tham-lam, giận-giữ, mê-mạo).

Tam-giới. Ba cõi ở thế-gian trong thuyết nhà Phật : dục-giới, sắc-giới, vô-sắc-giới.

Tam giáo. Ba đạo giáo : Nho, Phật, Lão.

Phép trợn trâu cây thế nào, xem Tân-Nam-Lịch năm Nhâm-ngọ.

Tam-giác. Hình ba góc.

Tam-giáp. Ba bậc đồ về kỳ thi hội và thi đình : nhất-giáp là trạng-nguyên, bảng-nhơn, thám-hoa ; nhị-giáp là hoàng-giáp ; tam-giáp là tiến-sĩ.

Tam - hoàng. Ba đời hoàng-đế bên Tần là : Thiên-hoàng, Địa-hoàng, Nhân-hoàng.

Tam-hợp. Thứ với xây, trộn với, tro, mười ba thứ để lát nền nhà và lát sân. Theo luật số ba chữ trong thập-nhị chi phối-hợp rơi nhau : dần, ngọ, Tuất là hỏa-cục ; tị, dậu, Sửu là kim-cục ; thân, tì, Thìn là thủy-cục ; Hợi, Mão, Mùi là mộc-cục.

Tam-hòe. Ba cây hòe. Ngày xưa có người trồng ba cây hòe ở trước sân, ước rằng ngày sau con cháu làm tới tam công. Sau người con ấy quả làm lễ-tướng. Người đời khen gọi tam-hòe là điềm tốt. Nhưng không hiểu sao, ta gọi tam-hòe là con khỉ hay pha trò.

Tam-huyền. Thứ đàn ba dây, thường gọi tắt là đàn-tam.

Tam-khôi. Đồ đầu của ba bậc : hương, hội, đình.

Tam-nghiệp. Ba điều tự mình gây ra trong thuyết nhà Phật : thân-nghiệp, khẩu-nghiệp, ý-nghiệp.

Tam-ngu. Lễ gín vị lần thứ ba sau khi đám tang đã lộng táng.

Tam-nguyên. Cũng như tam-khôi.

Tam-nương. Là những ngày mồng 3, 7, 13, 18, 22, 27 ngày xuân kỷ di sông nước và cưới xin.

Tam-pháp. Tòa án cao nhất của nước Nam về đời cổ, gồm có ba tòa : bộ hình, đô-sát viện và đại-lý tự hợp lại để xử những án quan-trọng.

Tam-phủ. Ba vị thần trong môn chư-vị : thiên-phủ, địa-phủ, thủy-phủ.

Tam-phụ. Theo luật cổ là ba người nối địa-vị trước cha : đồng-cư kế-phụ (chồng người mẹ đẻ cải giá mà mình cùng ở cùng) ; bất-dồng-cư kế-phụ (chồng người mẹ đẻ cải giá mà mình không ở cùng) ; lòng kế-mẫu cải giá chỉ kế-phụ (chồng người kế-mẫu đi cải giá mà mình theo đi cùng ở).

Tam-phục. Ba ngày con nước trong một năm : Sơ-phục, trung-phục, mại-phục (hay là chung-phục).

Tam-quan. Cửa xây có ba lối đi ở trước chùa.

Tam-quang. Ba ngôi sáng : mặt-trời, mặt-trăng và sao.

Tam-qui. Ba nơi mình qui-y trong tiếng nhà Phật : qui-y Phật, qui-y Pháp, qui-y Tăng.

Thờ - thao của phụ-nữ xeng Tân Nam-Lịch năm Tân-tị

Tam - quốc. Ba nước thời-dại nước lâu : Ngụy, Thục, Ngô phân tranh nhau.

Tam sinh. Ba lần sinh ra ở đời để trả hết duyên-nợ. Còn một nghĩa khác : Lễ-vật gồm có ba loài sinh vật : trâu, dê, lợn.

Tam-sơn. Hình ba đợt như ba tầng núi, giữa cao, hai bên thấp : kể tam - sơn.

Tam-sự. Bộ đồ thờ có ba cái : đỉnh trầm hương và hai cây nến thường làm bằng đồng hay thiếc.

Tam-tai. Ba thứ tai-hoa : gió, lửa, nước-lụt là đại tam tai. Đòi kềm, dịch-lệ, giặc giã là tiểu tam-tai.

Tam-tài. Ba ngôi : trời, đất, người. Lại có nghĩa là ba sắc : cơ tam-tài.

Tam-tạng. Ba pho sách lớn của nhà Phật : Kinh tạng, Luật tạng, Luận tạng.

Tam tông. Ba phân sự của người đàn-bà đối với gia-dình : khi còn ở nhà, theo cha ; khi xuất-gia theo chồng ; lúc chồng chết rồi theo con.

Tam-tộc. Ba họ : họ cha, họ mẹ, họ vợ.

Tam-thánh. Ba bậc thánh theo sách Tàu là Phục-hí, Văn-Vương, Khổng-tử. Ở đền tam-thánh thờ ba vị : Quan-Công, Văn-Xương Đế-Quân, Phu-Huynh Đế-quân.

Tam thất : Tên một vị thuốc bồ huyệt sắc rất đen, nên người ta nói đen như củ tam-thất.

Tam-thế. (Tiếng nhà Phật) Ba đời : quá-khứ, hiện-tại, vị-lai. Người ta dùng để gọi tắt ba vị tượng để cao nhất trên Phật-điện trong chùa, tục gọi là bụt ố.

Tam-úy. Ba điều sợ của người quân-tử : sợ mệnh trời, sợ bậc đại-nhân, sợ lời nói của đức thánh-hiền.

TỬ

Tử-ân. Bốn cái ân trong thuyết nhà Phật ai cũng phải nhớ : ơn cha mẹ, ơn chúng-sinh, ơn quốc-vương, ơn tam-bảo.

Tử-bàng. Bốn bên láng dềng.

Tử-bình. Bốn bức liền viết chữ Hay vẽ cảnh.

Tử-cửu. Gọi tắt chữ 49, tên một ngày tang-lễ cúng linh ở chùa ngày thứ 49 sau khi chết, thường gọi là tuần định-nghiệp.

Tử-chi. Hai tay và hai chân.

Bốn lúa chiêm thổ nào cho lợi, xe m Tân-Nam-Lịch rằm Nhâm-ngọ

Tứ-cối. Bốn cõi, giới hạn bốn bề một thửa ruộng hay đất : đông, tây, tứ chi.

Tứ-dân. Bốn hạng dân trong xã-hội : sĩ, nông, công, thương.

Tứ-dức. Bốn đức của đàn bà : công, dung, ngôn, hạnh.

Tứ-hải. Bốn bề, dùng để nói chung cả thiên-hạ ; tứ hải đại huynh-dệ.

Tứ-khoái. Bốn cái sướng về vật-chất ở đời : ăn, ngủ v. v.

Tứ-khổ. Bốn điều khổ trong thuyết nhà Phật : sinh, lão, bệnh, tử.

Tứ-linh. Bốn giống vật thiêng : long, li, qui, phượng.

Tứ-lục. Một thể văn từng câu đối nhau, mỗi câu có hai đoạn, đoạn trên 4 chữ, đoạn dưới 6 chữ.

Tứ-phủ. Bốn vị thần về môn chữ-vị : thiên-phủ, địa-phủ, thủy-phủ, nhạc-phủ, tức là tam-phủ thêm nhạc-phủ.

Tứ-phương. Bốn phương : đông, tây, nam, bắc.

Tứ-quí. Bốn mùa : xuân, hạ, thu, đông.

Tứ-sắc. Lối chơi bài lá, mỗi thứ bốn quân.

Tứ-thư. Bốn bộ sách học chữ Hán về đạo nho : Trung-dụng, Đại-học, Luận-ngữ, Mạnh-tử.

Tứ-thể. Bốn lối viết chữ nho : chân, thảo, triện, lệ.

Tứ-trụ. Bốn cột cái, Nghĩa bóng nói bốn quan đại-thần trong triều : đông-các, võ-hiến, văn-minh, cần-chánh.

Tứ-vi. Bốn phía chung-quanh.

Tứ-chỉ bát mạch. hai chân, hai tay và tám bộ mạch máu. Nghĩa bóng nói các ngã tụ lại.

Tứ-thời bát-tiết. Bốn mùa : xuân, hạ, thu, đông ; tám tiết : lập-xuân, lập-hạ, lập-thu, lập-đông, xuân-phân, thu-phân, đông-chi, hạ-chi. Theo tục ta, nói những ngày cúng tế thần-thành trong một năm.

NGŨ

Ngũ-âm. Năm thứ tiếng cung bậc khác nhau : cung, thương, giốc, chủy, vũ.

Ngũ-cốc. Năm giống lúa ma (vừng) : thừ, tặc (lúa mùa té) mạch (bắp, bẹ) dậu.

Ngũ-đại-châu. Năm châu lớn trên địa-cầu : Á-tế-á (Asie), Âu-la-bi (Europe), A-phi-li-gia (Afrique), Á-mĩ-li-gia (Amérique), Úc-đại-li-á (Océanie).

Muốn rõ thể lệ khấn dãi, làm đồn điền không mất tiền,

Ngũ-giới. Năm điều răn của nhà Phật : không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu.

Ngũ-hành. Năm hành : thủy, hỏa, mộc, kim, thổ.

Ngũ-hình. Năm thứ hình luật đặt ra từ đời thượng-cổ, nói trong Thuấn-diễn, Kinh Thư là những hình nầy : 1. —mặc (thích-chữ vào trán), 2. —tì (cắt mũi), 3. —phi (chặt chân), 4. —cung (thiến), 5. —đại-tích (chém).

Ngũ-kinh. Năm pho sách về đạo Nho : Thi, Thư, Lễ, Dịch, Xuân-thu.

Ngũ-luân. Năm đạo thường : Quân-thần, phụ-tử, phu-phụ, huynh-đệ, bằng-hữu.

Ngũ-ngôn. Thê thơ năm chữ.

Ngũ-phúc. Năm phúc : phú, quý, thọ, khang, ninh.

Ngũ-phục. Năm tác lễ tang : 1. đại-tang, ba năm ; 2. cơ-niên, một năm ; 3. đại-công, chín tháng ; 4. tiểu-công, sáu tháng ; 5. ti-ma, ba tháng.

Ngũ-phương. Năm phương : đông, tây, nam, bắc và giữa trời.

Ngũ-quan. Năm cái chủ quan trong thân-thể : thính-quan, giác-quan, khứu-quan, xúc-quan, thị-quan.

Ngũ-sắc. Năm màu : xanh, vàng, đen, đỏ, trắng.

Ngũ-sự. Bộ đồ thờ có năm cái : một lư-hương, hai cây nến và hai ống cắm hương.

Ngũ-tạng. Năm bộ-phận trong thân-thể : tâm (tim), can (gan), tì (lá lách), phế (phổi), thận (quả-đá).

Ngũ-thường. Năm đạo cương-thường : nhân, nghĩa, lễ, trí, tín.

Ngũ-vị. Năm mùi : mặn, đắng, chát, cay, ngọt.

LỤC

Lục-bát. Thê văn vần quốc-âm, câu trên sáu chữ, câu dưới tám chữ.

Lục-bộ. Sáu bộ thượng-thư trong triều : lại, hộ, hình, lễ, công.

Lục-cốc. Sáu giống thóc : đạo (nếp), lương (kê), thục (đậu) mạch (bè), thử, lặc (lúa mùa lễ).

Lục-kinh. Sáu kinh của Nho giáo : Thi, Thư, Lễ, Nhạc, Dịch, Xuân-thu.

Lục-nhâm lục-giáp. Phép học về đường thuật-số để tính những việc xảy ra.

Lục-súc. Sáu giống nuôi trong nhà : ngựa, trâu, dê, gà, chó, lợn.

Lục-phủ ngũ-tạng. Nói chung về các bộ tạng ở trong bụng người ta. Lục-phủ có : đờm (mật), vị (dạ dày), bàng-quang (bọng đái), tam-tiêu (mạng mỡ các cơ thể) đại-trang (ruột già), tiểu-tràng (ruột non). Xem chữ ngũ tạng trên kia.

Lục-tặc. Sáu cái lành xấu trong người.

Lục-thao tam-lược. Nói chung về mưu lược tài giỏi của các nhà dùng binh.

Lục-trí thần thông. Sáu trí tuệ thiêng liêng sáng-suốt của các Tiên Phật.

Lục-trai. Sáu ngày ăn chay trong một tháng của nhà Phật : mồng 8, 14, 15, 23, 29 và 30.

THẤT

Thất-âm. Bảy thứ tiếng cùng bậc khác nhau trong nhạc-luật là : cung, thương, giốc, hũy, vũ và biến-cung biến-chủy. Đối với đàn Tàu : hồ, sừ, sang, sể, sang, cộng, liu và đàn Tây : do, rê, mi, fa, soi, la, si.

Thất-bào. Bảy vật quý báu : theo kinh Bát-nhã là : 1 — vàng, 2 — bạc, 3 — lưu-li, 4 — sa-cừ 5 — mã-nã, 6 — hễ-phách, 7 — san-hò.

Thất ngôn. Lối thơ bảy chữ.

Thất-phách. Bảy vía : tam hồn thất phách.

Thất-sự. Bộ đồ thờ gồm có bảy cái, tức là bộ ngũ sự thêm hai cây đèn dầu.

Thất-tịch. Tết chơi về đêm mồng 7 tháng 7.

Thất-tinh. Chòm 7 ngôi sao tức là đại hàng tinh.

Thất-tính. Bảy tính của người ta : hỷ, nộ, ái, lạc, ái, ô, dục.

Thất-thất. Tuần 49 ngày sau khi chết.

Thất-thể. Theo sách Tàu là bảy đức tính tốt, nhưng thường dùng để gọi một thứ gấm thêu bảy mũi.

Thất-xuất. Bảy tội của người đàn-bà ngày xưa bị chồng bỏ : không con, dâm dật, không thờ bố mẹ chồng, lảm điều, trộm-cắp, ghen-tuông, bị những bệnh ác như phong, lao, oở, lại, v. v.

(Từ BÁT đến THẬP, xem lịch sang năm, vì giấy in có hạn Ginh)

Cách chữa ghẻ, xem tân-Nam-Lịch năm Quý-Núi.

Ho nên dùng

BỎ PHẪ THÁNH DƯỢC

Chuyên chữa các chứng ho, ho khan, tức ngực, ho ra huyết và đàn bà ho sản, dùng thuốc rất thần hiệu

CAM TÍCH TÁN

Chữa bệnh trẻ con cam dun gày còm, mặt bủng da vàng kém ăn ít ngủ các bệnh kể trên dùng thuốc sẽ được hoàn toàn.

NHÀ THUỐC THÁI-CỎ

N° 52, HÀNG BẠC — HANOI

LUẬT MỚI VỀ NGHỀ LÀM THUỐC BẮC THUỐC NAM

Dịch-giả : PHẠM HUY-LỤC

Muốn rõ điều-kiện làm nghề ông lang, làm nghề chế thuốc, bán thuốc ; muốn rõ thuốc ta chỉ được chữa theo phương-pháp nào, và phương-pháp nào bị cấm, những vị thuốc nào coi là thuốc độc, cũng là sự trừng-phạt những khi làm trái lệ thế nào, ai cũng cần xem sách này.

BÁN TẠI : IMPRIMERIE DE HANOI

(NHÀ IN PHẠM HUY - ĐỊNH)

85. Phố Hàng Bông — Hanoi

Đang cần thêm **đại-lý phủ huyện**

Đức Thắng Hanoi : là một chợ thuốc, bán đủ các thứ thuốc rất đắt tiền cho đến những thứ thuốc rẻ tiền của Tàu, Nhật và Việt-nam vân vân...

Đức Thắng Hanoi : Kho thuốc nhật Bắc-hải, đại lý đứng bán không biết bao nhiêu là thuốc của Nhật-bản, đã nhiều thuốc nhất lại bán trước nhất tại cõi Đông-pháp nên được tin nhiệm nhất.

Đức Thắng Hanoi : đại lý độc quyền trong 5 xứ liên bang Đông-pháp về : **Đông - Á**, dầu nước trị bá chứng; **Đại-Kim** dầu củ-là đặc hiệu Con Hồ.

Đức Thắng Hanoi : nhập cảng và bán buôn đủ các chất thuốc trị bệnh (cao đan hoàn tán) và rất nhiều sâm Hoa-kỳ, sâm Cao ly, Hồng sâm.

E^{TS} DUC-THANG, HANOI

N° 80, RUE DES MÉDICAMENTS (PHỐ HÀNG BÚT) TÉL : 1222

Adresse télégraphique: Duyana Hanoi — Agents: Saigon, Shanghai

**PHOTO
CINEMA**

plaques, papiers, films, appareils, produits, matériaux importés de France, U. S. A. d'Allemagne, du Japon etc... En gros pour professionnels et Administration.

CERTIFIÉ L'INSERTION
TIRAGE 10.000 EXEMPLAIRES

Hanoi le 14 / 12 / 1944

Signature